

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG HÀ NỘI**

**NGUYỄN HỒNG NAM**

**QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ**  
**NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO XÂY DỰNG NÔNG THÔN**  
**MỚI TẠI SỞ TÀI CHÍNH TỈNH YÊN BÁI**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**  
**Chuyên ngành: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

**HÀ NỘI - 2018**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG HÀ NỘI**

**NGUYỄN HỒNG NAM**

**QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ**  
**NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO XÂY DỰNG NÔNG THÔN**  
**MỚI TẠI SỞ TÀI CHÍNH TỈNH YÊN BÁI**

**Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng**

**Mã số: 60 34 02 01**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**

**Người hướng dẫn khoa học: TS.BẠCH ĐỨC HIỀN**

**HÀ NỘI - 2018**

**LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của riêng tôi, với các số liệu và tài liệu trong luận văn là trung thực. Kết quả nghiên cứu chưa từng được công bố trong các công trình trước đó. Các thông tin, tài liệu tham khảo trình bày trong luận văn có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng./.

*Hà Nội, ngày            tháng            năm 2018*

**Tác giả luận văn**

**Nguyễn Hồng Nam**

## LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận văn một cách hoàn chỉnh, bên cạnh sự nỗ lực cố gắng của bản thân, tôi còn nhận được sự hướng dẫn nhiệt tình của các thầy, cô giáo cũng như sự động viên, ủng hộ của gia đình và bạn bè trong suốt thời gian học tập nghiên cứu và thực hiện.

Lời đầu tiên, tôi xin trân thành cảm ơn các thầy, cô giáo Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội, đặc biệt là thầy giáo TS Bạch Đức Hiền người đã trực tiếp hướng dẫn tận tình giúp đỡ tôi trong suốt thời gian nghiên cứu để hoàn thành luận văn tốt nghiệp.

Tôi xin chân thành cảm ơn UBND tỉnh Yên Bái, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thống kê tỉnh, UBND huyện thị xã và thành phố, phòng Tài chính - Kế hoạch và Ban quản lý dự án các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã và một số cá nhân và doanh nghiệp đã quan tâm tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong việc thu thập thông tin, tài liệu trong quá trình thực hiện luận văn.

Cuối cùng, tôi xin cảm ơn tới gia đình, những người thân, bạn bè đã chia sẻ cùng tác giả những khó khăn, động viên và tạo điều kiện cho tôi trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và hoàn thành đề tài này.

*Xin trân trọng cảm ơn!*

*Hà Nội, ngày        tháng        năm 2018*

**Tác giả luận văn**

**Nguyễn Hồng Nam**

## MỤC LỤC

<i>Chương 1: VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU</i> .....	1
<b>1.1. Bối cảnh nghiên cứu</b> .....	1
1.1.1. <i>Tầm quan trọng của đề tài</i> .....	1
<b>1.1.2. Tổng quan và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Tài chính tỉnh Yên Bái</b> .....	3
<b>1.2. Lý do chọn đề tài</b> .....	18
<b>1.3. Mục tiêu nghiên cứu</b> .....	18
1.3.1 <i>Mục tiêu tổng thể</i> .....	18
1.3.2 <i>Mục tiêu cụ thể</i> .....	19
1.3.3 <i>Mục đích nghiên cứu đề tài</i> .....	19
<b>1.4. Nhiệm vụ của nghiên cứu</b> .....	19
<b>1.5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu</b> .....	20
1.5.1 <i>Đối tượng nghiên cứu</i> .....	20
1.5.2 <i>Phạm vi nghiên cứu</i> .....	20
<b>1.6. Phương pháp nghiên cứu</b> .....	20
1.6.1 <i>Phương pháp thu thập thông tin</i> .....	20
1.6.2 <i>Phương pháp tổng hợp thông tin</i> .....	21
1.6.3 <i>Phương pháp phân tích thông tin</i> .....	21
<b>1.7. Kinh nghiệm quản lý nguồn vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương và bài học rút ra với tỉnh Yên Bái</b> .....	22
1.7.1. <i>Kinh nghiệm quản lý nguồn vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương</i> .....	22
1.7.2. <i>Những bài học rút ra đối với tỉnh Yên Bái</i> .....	25
<b><i>Chương II: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI</i></b> .....	27
<b>2.1. Xây dựng nông thôn mới và vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới</b> .....	27
2.1.1. <i>Xây dựng nông thôn mới</i> .....	27
2.1.2. <i>Vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM</i> .....	29
<b>2.2. Quản lý vốn đầu tư từ NSNN cho xây dựng nông thôn mới</b> .....	30
2.2.1. <i>Vai trò, nguyên tắc quản lý VĐT từ NSNN cho XDNTM</i> .....	30
<b>2.2.2. Nội dung quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM tại các Sở Tài chính cấp tỉnh</b> .....	38
<b>2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM tại các Sở Tài chính cấp tỉnh</b> .....	48
2.3.1. <i>Hệ thống pháp luật và cơ chế chính sách quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM</i> .....	48

2.3.2. Năng lực đội ngũ quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM.....	49
2.3.3. Cơ sở vật chất của đội ngũ cán bộ quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM .....	50
2.3.4. Công tác tuyên truyền vận động.....	50
<b>Chương 3: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI SỞ TÀI CHÍNH TỈNH YÊN BÁI.....</b>	<b>52</b>
<b>3.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội có ảnh hưởng đến công tác quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho xây dựng NTM tỉnh Yên Bái .....</b>	<b>53</b>
3.1.1. Khái quát về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên của tỉnh Yên Bái.....	53
3.1.2. Tình hình ĐTXDCB trong XDNTM.....	55
<b>3.2. Thực trạng công tác quản lý nguồn VĐTĐNTMtại Sở Tài chính tỉnh Yên Bái trong giai đoạn 2012-2016.....</b>	<b>61</b>
3.2.1. Công tác lập và giao kế hoạch vốn ĐTXDCB cho XDNTM tại Sở Tài chính tỉnh Yên Bái.....	61
3.2.2. Công tác tổ chức thực hiện, nghiệm thu, thanh toán VĐT cho XDNTM tại Sở Tài chính tỉnh Yên Bái.....	68
3.2.3. Công tác quyết toán vốn ĐTXDCB trong XDNTM tại tỉnh Yên Bái.....	77
3.2.4. Công tác thanh tra, kiểm tra vốn ĐTXDCB trong XDNTM.....	82
<b>3.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến quản lý vốn ĐTXDCB trong XDNTM tại Sở Tài chính tỉnh Yên Bái.....</b>	<b>83</b>
3.3.1. Hệ thống pháp luật và cơ chế chính sách quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM.....	83
3.3.2. Năng lực đội ngũ quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM .....	84
3.3.3. Cơ sở vật chất của đội ngũ cán bộ quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM .....	87
3.4.4. Công tác tuyên truyền vận động .....	87
<b>Chương 4: ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI SỞ TÀI CHÍNH TỈNH YÊN BÁI.....</b>	<b>90</b>
<b>4.1. Đánh giá thực trạng công tác quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN cho XDNTM tại tỉnh Yên Bái .....</b>	<b>90</b>
4.1.1. Thông tin chung về các đối tượng phỏng vấn .....	90
4.1.2. Trình độ cán bộ quản lý.....	91
4.1.3. Đánh giá về cơ chế chính sách .....	92
4.1.4. Quản lý quá trình chuẩn bị đầu tư.....	93
4.1.5. Quản lý quá trình đầu tư.....	94

4.1.6. Quản lý quá trình kết thúc dự án .....	95
4.1.7. Kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán đầu tư.....	96
<b>4.2. Định hướng và mục tiêu quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM tại Sở Tài chính tỉnh Yên Bái đến năm 2020 .....</b>	<b>97</b>
4.2.1. Định hướng quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM trên địa bàn tỉnh Yên Bái đến năm 2020.....	97
4.2.2. Mục tiêu quản lý VDT từ NSNN cho XDNTM trên địa bàn tỉnh Yên Bái đến năm 2020.....	99
<b>4.3. Giải pháp tăng cường quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN choXDNTM tại Sở Tài chính tỉnh Yên Bái đến năm 2020 .....</b>	<b>102</b>
4.3.1. Giải pháp hoàn thiện công tác lập và giao kế hoạch vốn ĐTXDCB .....	102
4.3.2. Giải pháp tăng cường tổ chức thực hiện, nghiệm thu, thanh toán vốn NSNN cho XDNTM tại tỉnh Yên Bái .....	104
4.3.3. Giải pháp tăng cường công tác quyết toán vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM .....	108
4.3.4. Giải pháp tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM .....	108
<b>Chương 5: TÓM TẮT, KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>110</b>
<b>5.1. Tóm tắt, kết luận .....</b>	<b>110</b>
<b>5.2. Một số kiến nghị .....</b>	<b>111</b>
5.2.1. Về phía nhà nước.....	111
5.2.2. Về phía địa phương .....	112
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>113</b>
<b>PHỤ LỤC.....</b>	<b>116</b>

**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

<b>Chữ viết tắt</b>	<b>Chữ viết đầy đủ</b>
BQL	Ban quản lý
DAHT	Dự án hoàn thành
ĐTXDCB	Đầu tư xây dựng cơ bản
HĐND	Hội đồng nhân dân
KTKT	Kinh tế kỹ thuật
KT-XH	Kinh tế - xã hội
NTM	Nông thôn mới
NSDP	Ngân sách địa phương
NSNN	Ngân sách nhà nước
NSTW	Ngân sách Trung ương
TPCP	Trái phiếu chính phủ
UBND	Ủy ban nhân dân
VĐT	Vốn đầu tư
XDCB	Xây dựng cơ bản
XDNTM	Xây dựng nông thôn mới





**DANH MỤC CÁC HÌNH, SƠ ĐỒ**

<i>Sơ đồ 1.1:</i> .....	<i>Bộ máy tổ chức thực hiện XDNTM</i>	<b>28</b>
<i>Sơ đồ 1.2:</i> .....	<i>Bộ máy quản lý VĐT từ NSNN</i>	<b>31</b>
<i>Sơ đồ 1.3:</i> .....	<i>Chu trình quản lý vốn ĐTXDCB cho XDNTM</i>	<b>36</b>
<i>Hình 3.1:</i> .....	<i>Bản đồ Hành chính tỉnh Yên Bái</i>	<b>53</b>

## **Chương 1: VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU**

### **1.1. Bối cảnh nghiên cứu**

#### ***1.1.1. Tầm quan trọng của đề tài***

Nông nghiệp, nông thôn và nông dân có vai trò to lớn trong lịch sử hình thành quốc gia dân tộc và trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Qua các giai đoạn cách mạng khác nhau, nông dân luôn là lực lượng hùng hậu, trung thành nhất đi theo Đảng và Nhà nước, góp phần làm nên những trang sử vẻ vang của dân tộc. Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chỉ thị, nghị quyết về phát triển nông nghiệp nông thôn, nhằm nâng cao đời sống của người nông dân; Trực tiếp và toàn diện nhất là Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã được thông qua tại Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khóa X, với mục tiêu: “ Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, hài hoà giữa các vùng, tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở các vùng còn nhiều khó khăn; nông dân được đào tạo có trình độ sản xuất ngang bằng với các nước tiên tiến trong khu vực và đủ bản lĩnh chính trị, đóng vai trò làm chủ nông thôn mới. Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hoá lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài. Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường. Xây dựng giai cấp nông dân, củng cố liên minh công nhân - nông dân - trí thức vững mạnh,

tạo nền tảng kinh tế - xã hội và chính trị vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Ngày 12/11/2015 tại Kỳ họp thứ mười Quốc hội khóa XIII đã thông qua Nghị quyết số 100/2015/QH13 về phê duyệt chủ chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020, trong đó có Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; và ngày 23/11/2016 tại Kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa XIV đã thông qua Nghị quyết số 32/2016/QH14 về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Nhằm cụ thể hóa việc thực hiện các Nghị quyết về xây dựng Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 của Quốc hội, ngày 16/5/2016 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1600/QĐ-TTg, phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020, với mục tiêu: “Xây dựng nông thôn mới để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững”.

Yên Bái là tỉnh miền núi phía Tây Bắc của đất nước, có 152/152 xã đang đẩy mạnh thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 26/2010/NQ-HĐND ngày 16/12/2010 về xây dựng nông thôn mới tỉnh Yên Bái giai đoạn 2011-2020 với mục tiêu cụ thể: “Giai đoạn 2011-2015, có từ 15 -20% số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới; Đến năm 2020, có từ 50-60 % số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới”; Nghị quyết số 12/2013/NQ-HĐND ngày 19/7/2013 về quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2011-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh ban

hành kế hoạch triển khai chương hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 3632/QĐ-UBND ngày 21/12/2016.

Quá trình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở nhiều xã trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn nhiều vấn đề bất cập, phát sinh trong quá trình quản lý các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới, vấn đề này đã và sẽ ảnh hưởng tới chất lượng, kế hoạch hoàn thành các mục tiêu xây dựng nông thôn mới tại tỉnh.

### ***1.1.2. Tổng quan và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Tài chính tỉnh Yên Bái***

#### ***1.1.2.1. Quá trình hình thành và phát triển của ngành Tài chính tỉnh Yên Bái***

Ngay từ khi cách mạng tháng 8 thành công, ngành Tài chính Việt Nam dân chủ cộng hoà đã được thành lập. Ngày 28/8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Tuyên cáo thành lập Chính phủ lâm thời gồm 13 bộ, trong đó có Bộ Tài chính. Đây là dấu son đặt nền móng cho nền tài chính quốc gia Việt Nam độc lập và ngày này được lấy làm ngày truyền thống của ngành tài chính Việt Nam. Cùng với sự ra đời của ngành Tài chính Việt Nam, hệ thống tài chính địa phương được hình thành; tại tỉnh Yên Bái buổi đầu sơ khai Phòng Kinh tế tài chính được thành lập trực thuộc Ủy ban hành chính tỉnh; ở các huyện, thị xã thành lập bộ phận Kinh tế tài chính trực thuộc Ủy ban hành chính huyện, thị xã. Nhiệm vụ của công tác tài chính lúc này là đảm bảo các nguồn lực tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy chính quyền non trẻ, nhanh chóng xây dựng lực lượng vũ trang đủ sức đánh địch.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp với nhiệm vụ vừa chống giặc đói, giặc dốt, vừa phải chống giặc ngoại xâm, với điều kiện tiềm

lực tài chính còn nghèo nhưng được sự ủng hộ của nhân dân, ngành Tài chính đã tham mưu cho Chính phủ, chính quyền các cấp phát hành thành công giấy bạc tài chính, công phiếu kháng chiến để tạo nguồn lực cho cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc. Trước sự phát triển và yêu cầu ngày càng lớn của công cuộc kháng chiến, ngành Tài chính đã chuyển từ chính sách động viên chủ yếu dựa vào tự nguyện của dân sang chính sách động viên theo nghĩa vụ và theo khả năng để kịp thời đáp ứng nhu cầu to lớn của tiền tuyến, tập trung vào hai chính sách thuế lớn là thuế nông nghiệp và thuế công thương nghiệp.

Bước vào thời kỳ thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, ngành Tài chính tỉnh đã tham mưu giúp cho các cấp uỷ và chính quyền chinh đồn, đồn đốc thu nộp thuế, điều tiết thu nhập của tư thương, chống đầu tư tích trữ, giảm căng thẳng về hàng hoá, củng cố và tăng cường quản lý kinh tế xã hội, tập trung áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng cơ sở vật chất bước đầu cho CNXH; cùng cả nước đánh tan chiến tranh phá hoại của địch ở miền Bắc, tích cực chi viện cho miền Nam đánh thắng giặc Mỹ với tinh thần “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”.

Trong công cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, hàng trăm đồng chí (nguyên và đang là cán bộ ngành Tài chính tỉnh Yên Bái bây giờ) đã tham gia lực lượng vũ trang trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu dũng cảm, một số đồng chí đã bỏ một phần xương máu trên các chiến trường góp phần giành độc lập, tự do cho tổ quốc. Nhiều cán bộ, công chức ngành Tài chính được nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương các loại và các danh hiệu cao quý của Đảng và nhà nước.

*Thời kỳ từ năm 1975 đến năm 1991:* Tỉnh Hoàng Liên Sơn được thành lập trên cơ sở hợp nhất tỉnh Yên Bái với 2 tỉnh Lào Cai và Nghĩa Lộ. Đây là thời kỳ công cuộc xây dựng đất nước nói chung và ngành Tài chính nói riêng gặp nhiều khó khăn, ngân khố thật sự eo hẹp. Sau ngày giải phóng miền Nam

đất nước hoàn toàn thống nhất, cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, ngành Tài chính đã tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ngắn và dài hạn, các cơ chế, chính sách quản lý kinh tế tài chính... Hoàn thành nhiệm vụ động viên tài chính, vừa đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên vừa đảm bảo gia tăng nguồn vốn cho đầu tư phát triển để phát triển kinh tế xã hội, cũng là thời kỳ thực hiện công cuộc đổi mới theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, từng bước xoá bỏ cơ chế quản lý kế hoạch hoá tập trung bao cấp, chuyển nền kinh tế sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Năm 1991, kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa VIII ra nghị quyết chia tỉnh Hoàng Liên Sơn tách thành 2 tỉnh Yên Bái và Lào Cai, hệ thống Tài chính ở địa phương từ tỉnh đến huyện được chia tách thành các cơ quan độc lập là Tài chính, Thuế, Kho bạc. Sau khi tỉnh Yên Bái được tái lập lại và đi vào hoạt động, trải qua những thăng trầm của lịch sử đến nay, quân và dân trong tỉnh đang tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển kinh tế của tỉnh, trong đó, ngành Tài chính nói chung, Sở Tài chính nói riêng đã thực hiện tốt chức năng tham mưu cho UBND tỉnh quản lý nhà nước về tài chính; ngân sách nhà nước; thuế, phí, lệ phí; tài sản nhà nước; các quỹ tài chính nhà nước; tài chính doanh nghiệp; kế toán; giá và các hoạt động dịch vụ tài chính theo qui định của pháp luật, góp phần to lớn thúc đẩy công cuộc đổi mới phát triển kinh tế- xã hội huy động và khai thác mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển, ổn định giá cả thị trường, nâng cao tích lũy tạo điều kiện cơ sở vật chất cho các bước phát triển tiếp theo, giữ vững ổn định chính trị an ninh - quốc phòng, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn toàn tỉnh.

Trải qua hơn 70 năm xây dựng và phát triển, ngành Tài chính đã không ngừng lớn mạnh, trưởng thành và có những đóng góp to lớn vào sự phát triển chung của đất nước. Cùng với sự phát triển của ngành tài chính nước nhà, ngành tài chính tỉnh Yên Bái đã không ngừng lớn mạnh về cả số lượng và

chất lượng, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được Đảng và Nhà nước giao phó, đóng góp quan trọng trong công cuộc xây dựng và phát triển của tỉnh. Với những thành tích đã đạt được, trong những năm qua ngành tài chính Yên Bái đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương độc lập hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba cho Cục Thuế tỉnh và một số chi cục thuế trực thuộc; Huân chương Lao động hạng Ba cho Kho bạc Nhà nước tỉnh Yên Bái; Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba, Huân chương độc lập hạng Ba cho Sở Tài chính Yên Bái. Nhiều tập thể, cá nhân thuộc ngành tài chính Yên Bái được nhận cờ thi đua, bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, UBND tỉnh.

#### *1.1.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của Sở Tài chính tỉnh Yên Bái*

\* Về vị trí và chức năng:

Sở Tài chính Yên Bái là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về tài chính; ngân sách nhà nước; thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước; tài sản nhà nước; các quỹ tài chính nhà nước; đầu tư tài chính; tài chính doanh nghiệp; kế toán; kiểm toán độc lập; lĩnh vực giá và các hoạt động dịch vụ tài chính tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Sở Tài chính chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức và hoạt động của UBND tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tài chính.

\* Về nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực tài chính;

b) Dự thảo chương trình, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm về lĩnh vực tài chính theo quy hoạch, kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;



c) Dự thảo chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật;

d) Dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở;

đ) Dự thảo các văn bản quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với Trưởng, Phó của các đơn vị thuộc Sở; Trưởng, Phó Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện.

e) Dự thảo phương án phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách của địa phương; xây dựng định mức phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương; chế độ thu phí, lệ phí và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền;

g) Dự toán điều chỉnh ngân sách địa phương; các phương án cân đối ngân sách và các biện pháp cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách được giao để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền;

h) Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và tài sản khác thuộc sở hữu nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

## 2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo Quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở;

b) Dự thảo Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc Sở theo quy định của pháp luật.

## 3. Giúp Chủ tịch UBND tỉnh quản lý nhà nước về tài chính đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.

4. Giúp Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thông tin, tuyên truyền, phổ biến giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về lĩnh vực tài chính; công tác tham mưu về các vấn đề pháp lý và tham gia tố tụng; tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án, phương án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt.

5. Về quản lý ngân sách nhà nước, thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước

a) Tổng hợp, lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định;

Hướng dẫn các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh và cơ quan tài chính cấp dưới xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của pháp luật.

Thực hiện kiểm tra, thẩm tra dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị cùng cấp và dự toán ngân sách của cấp dưới.

b) Về quản lý tài chính đối với đất đai

Chủ trì báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định bảng giá đất tổ chức thẩm định bảng giá đất, bảng giá đất điều chỉnh; chủ trì báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể tổ chức thẩm định giá đất cụ thể trình UBND tỉnh phê duyệt;

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; mức tỷ lệ phần trăm (%) cụ thể để xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định của pháp luật đất đai;

Chủ trì xác định và trình UBND tỉnh quy định mức tỷ lệ (%) để tính thu tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, đất có mặt nước, mức tiền thuê mặt nước; đơn giá thuê mặt nước của từng dự án cụ thể (trừ các dự án

khai thác dầu khí ở lãnh hải và thềm lục địa của Việt Nam); xác định các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp;

Kiểm tra, thẩm định các khoản kinh phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất đối với dự án, tiểu dự án do UBND tỉnh phê duyệt, bao gồm cả trường hợp được ứng vốn từ Quỹ phát triển đất hoặc tạm ứng vốn từ Kho bạc Nhà nước. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương trong việc thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng; xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa.

c) Phối hợp với cơ quan có liên quan trong việc thực hiện công tác quản lý thu thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn;

d) Kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng ngân sách ở các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách; yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm dừng thanh toán khi phát hiện chi vượt dự toán, chi sai chính sách chế độ hoặc không chấp hành chế độ báo cáo của Nhà nước;

đ) Thẩm định quyết toán thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn huyện, quyết toán thu, chi ngân sách huyện; thẩm định hoặc duyệt và thông báo quyết toán đối với các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác có sử dụng ngân sách cấp tỉnh theo quy định;

Tổng hợp tình hình thu, chi ngân sách nhà nước, lập tổng quyết toán ngân sách hàng năm của địa phương trình UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt, báo cáo Bộ Tài chính;

e) Quản lý vốn đầu tư phát triển

Tham gia với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan để tham mưu với UBND tỉnh về chiến lược thu hút, huy động, sử dụng vốn đầu tư

ngắn hạn, dài hạn trong và ngoài nước; xây dựng các chính sách, biện pháp điều phối và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) trên địa bàn. Giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về tài chính đối với các chương trình, dự án ODA trên địa bàn.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan xây dựng dự toán và phương án phân bổ dự toán chi đầu tư phát triển hàng năm; chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan bố trí các nguồn vốn khác có tính chất đầu tư trình UBND tỉnh quyết định.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh quyết định phân bổ vốn đầu tư, danh mục dự án đầu tư có sử dụng vốn ngân sách; kế hoạch điều chỉnh phân bổ vốn đầu tư trong trường hợp cần thiết; xây dựng kế hoạch điều chỉnh, điều hòa vốn đầu tư đối với các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương.

Tham gia về chủ trương đầu tư; thẩm tra, thẩm định, tham gia ý kiến theo thẩm quyền đối với các dự án đầu tư do tỉnh quản lý.

Tham gia với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan về nội dung tài chính, các chính sách ưu đãi tài chính đối với các dự án, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trên địa bàn.

Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư, quyết toán vốn đầu tư thuộc ngân sách địa phương của chủ đầu tư và cơ quan tài chính huyện, xã; tình hình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư của Kho bạc Nhà nước ở tỉnh, huyện.

Tổ chức thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán các dự án đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng cơ bản của địa phương theo quy định.

Tổng hợp, phân tích tình hình huy động và sử dụng vốn đầu tư, đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư, quyết toán vốn đầu tư của địa phương, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài chính theo quy định.

g) Quản lý quỹ dự trữ tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật;

h) Thống nhất quản lý các khoản vay và viện trợ dành cho địa phương theo quy định của pháp luật; quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ nước ngoài trực tiếp cho địa phương thuộc nguồn thu của ngân sách địa phương; giúp UBND tỉnh triển khai việc phát hành trái phiếu và các hình thức vay nợ khác của địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công;

i) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập và chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của pháp luật;

k) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ công khai tài chính ngân sách của nhà nước theo quy định của pháp luật;

l) Tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị của thanh tra, kiểm toán về lĩnh vực tài chính ngân sách báo cáo UBND tỉnh;

m) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng ngân sách, tài chính công theo quy định của pháp luật.

#### 6. Về quản lý tài sản nhà nước tại địa phương:

a) Xây dựng, trình UBND tỉnh các văn bản hướng dẫn về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và phân cấp quản lý nhà nước về tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chế độ quản lý tài sản nhà nước; đề xuất các biện pháp về tài chính để đảm bảo quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản nhà nước theo thẩm quyền tại địa phương;

c) Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình UBND tỉnh quyết định theo thẩm quyền việc mua sắm, xác lập quyền sở hữu của nhà nước về tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, thuê, cho thuê, chuyển nhượng, tiêu hủy tài sản nhà nước và các hình thức xử lý khác; giao tài sản nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính và sử dụng tài sản nhà nước của đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính vào mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết;

d) Tổ chức quản lý tiền bán tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương; tiền bán hoặc thuê, cho thuê tài sản kết cấu hạ tầng thuộc địa phương quản lý; các nguồn tài chính phát sinh trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

đ) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức tiếp nhận, quản lý, trình UBND tỉnh quyết định xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền đối với tài sản không xác định được chủ sở hữu; tài sản bị chôn giấu, chìm đắm được tìm thấy; di sản không có người thừa kế; tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước theo bản án, quyết định thi hành án; tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước (bao gồm cả vốn ODA) khi dự án kết thúc và các tài sản khác được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước, tài sản của tổ chức cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho chính quyền địa phương;

g) Tổ chức quản lý và khai thác tài sản nhà nước chưa được cấp có thẩm quyền giao cho tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng; quản lý các nguồn tài chính phát sinh trong quá trình quản lý, khai thác, chuyển giao, xử lý tài sản nhà nước;

h) Tham mưu cho UBND tỉnh có ý kiến với các Bộ, ngành và Bộ Tài chính về việc sắp xếp nhà, đất của các cơ quan Trung ương quản lý trên địa bàn;

i) Quản lý cơ sở dữ liệu tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

7. Quản lý nhà nước về tài chính đối với các quỹ do cơ quan có thẩm quyền ở địa phương thành lập theo quy định của pháp luật (Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ phát triển đất, Quỹ bảo trì đường bộ, Quỹ bảo vệ môi trường, Quỹ bảo vệ và phát triển rừng, Quỹ phát triển nhà ở, Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp vừa và nhỏ,...);

a) Phối hợp xây dựng Đề án thành lập và hoạt động của các quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các vấn đề về phương thức điều hành, đối tượng đầu tư và cho vay; lãi suất; cấp vốn điều lệ; giải thể các quỹ theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động của các quỹ; kiểm tra, giám sát việc chấp hành chế độ quản lý tài chính, báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ định kỳ theo chế độ quy định và thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của UBND tỉnh;

c) Kiểm tra, giám sát các việc sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho các tổ chức nhận ủy thác (các quỹ đầu tư phát triển, các tổ chức tài chính nhà nước,...) để thực hiện giải ngân, cho vay, hỗ trợ lãi suất theo các mục tiêu đã được UBND tỉnh xác định.

## 8. Về quản lý tài chính doanh nghiệp

a) Hướng dẫn thực hiện các chính sách, chế độ quản lý tài chính doanh nghiệp của các loại hình doanh nghiệp, tài chính hợp tác xã và kinh tế tập thể; chính sách tài chính phục vụ chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp, cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập, chế độ quản lý, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

b) Kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm việc thực hiện pháp luật về tài chính, kế toán của các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Quản lý phần vốn và tài sản thuộc sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể do địa phương thành lập theo quy định của pháp luật; thực hiện quyền, nghĩa vụ đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp theo phân công của UBND tỉnh;

d) Kiểm tra việc quản lý sử dụng vốn và tài sản nhà nước, việc phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do địa phương thành lập; thực hiện chức năng giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước do địa phương thành lập và doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định của pháp luật;

đ) Tổng hợp tình hình chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước; phân tích, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và các doanh nghiệp có vốn nhà nước do địa phương thành lập hoặc góp vốn, báo cáo UBND tỉnh và Bộ trưởng Bộ Tài chính;

e) Quản lý việc trích lập và sử dụng quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên và Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

g) Tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tài chính phục vụ chính sách phát triển hợp tác xã, kinh tế tập thể trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

h) Là đầu mối tiếp nhận báo cáo tài chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và tổng hợp, phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp FDI theo chế độ quy định phục vụ chính sách phát triển kinh tế - xã hội, thu hút vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

9. Về quản lý giá và thẩm định giá:



a) Trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành định hướng quản lý, điều hành, bình ổn giá hàng năm, 5 năm, 10 năm các mặt hàng thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh; dự thảo văn bản hướng dẫn pháp luật về giá và thẩm định giá trên địa bàn theo quy định của pháp luật; quy định trình tự, quy trình thẩm định phương án giá và phân cấp quyết định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo phân công, phân cấp của UBND tỉnh;

c) Thẩm định phương án giá theo đề nghị của Sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất kinh doanh đề Sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất kinh doanh, trình UBND tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức hiệp thương giá theo quy định của pháp luật, thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về giá trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, trình UBND tỉnh quyết định biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá; bổ sung mặt hàng thực hiện kê khai giá và tổ chức thực hiện kê khai giá tại địa phương theo quy định của pháp luật;

g) Tham mưu giúp UBND tỉnh trong việc phân công và tổ chức thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước thuộc địa phương quản lý; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thẩm định giá đối với tài sản nhà nước theo phân công, phân cấp của UBND tỉnh;

h) Xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu trên địa bàn về giá theo quy định của pháp luật.

10. Hướng dẫn, quản lý và kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính thuộc lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán độc lập, đầu tư tài chính, các doanh nghiệp kinh doanh xổ số, đặt cược và trò chơi có thưởng trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

11. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực tài chính thuộc phạm vi quản lý của Sở đối với Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND cấp huyện.

12. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng tài sản, kinh phí được giao theo quy định của pháp luật.

13. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, biệt phái, cho từ chức, kỷ luật, miễn nhiệm, cho thôi việc, nghỉ hưu đối với công chức, viên chức và lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở theo phân cấp của UBND tỉnh và theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực tài chính theo quy định của pháp luật và sự phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh.

15. Tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng, quản lý và khai thác hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý tài chính, tài sản và chuyên môn nghiệp vụ được giao; chủ trì công bố số liệu tài chính, cung cấp thông tin thống kê tài chính trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

16. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính được giao theo quy định và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh.

17. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với UBND tỉnh, các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

18. Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

#### *1.1.2.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Tài chính tỉnh Yên Bái*

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Tài chính tỉnh Yên Bái được tổ chức theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của UBND tỉnh Yên Bái, bao gồm lãnh đạo Sở và các tổ chức tham mưu, tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ. Cụ thể:

\* Lãnh đạo Sở:

a. Sở Tài chính Yên Bái có Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.

b. Giám đốc Sở là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ trưởng Bộ Tài chính, báo cáo trước Hội đồng nhân dân tỉnh, trả lời kiến nghị của cử tri, chất vấn của Hội đồng nhân dân theo yêu cầu;

c. Phó Giám đốc Sở là người giúp Giám đốc Sở chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở;

\* Các tổ chức tham mưu, tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ: bao gồm

a) Văn phòng;

b) Thanh tra;

c) Phòng Tài chính hành chính sự nghiệp;

d) Phòng Quản lý ngân sách;

- đ) Phòng Tài chính Đầu tư;
- e) Phòng Quản lý giá và Công sản;
- g) Phòng Tài chính Doanh nghiệp.

Văn phòng, Thanh tra Sở và các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở có Trưởng phòng và tương đương, không quá 02 Phó Trưởng phòng và tương đương và các công chức khác. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, cách chức, từ chức, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ chính sách đối với chức danh Trưởng phòng và tương đương, Phó Trưởng phòng và tương đương thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp của tỉnh. Nhiệm vụ cụ thể các phòng thuộc Sở được thực hiện theo quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 07/02/2017 của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Yên Bái.

## **1.2. Lý do chọn đề tài**

Để hiểu rõ hơn về thực trạng quản lý nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới được triển khai như thế nào? Việc phân bổ, bố trí kế hoạch vốn thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới đã phù hợp hay chưa, cơ chế huy động các nguồn lực, hiệu quả sử dụng nguồn vốn ra sao? Việc theo dõi, đôn đốc, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát ở cơ sở? Công tác quản lý nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới chịu ảnh hưởng của các yếu tố nào? Cần có giải pháp nào góp phần tăng cường quản lý nguồn vốn đầu tư cho xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Yên Bái trong thời gian tới? Xuất phát từ thực tế đó tôi lựa chọn đề tài ***“Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới tại Sở Tài chính tỉnh Yên Bái”*** làm đề tài luận văn thạc sĩ.

## **1.3. Mục tiêu nghiên cứu**

### ***1.3.1 Mục tiêu tổng thể***

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài đánh giá thực trạng quản lý nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái, trên cơ sở đó đề ra

một số giải pháp hoàn thiện công tác quản lý vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới trong thời gian tới.

### ***1.3.2 Mục tiêu cụ thể***

Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới.

Phân tích thực trạng quản lý vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Yên Bái đến năm 2020.

### ***1.3.3 Mục đích nghiên cứu đề tài***

Làm rõ thực trạng quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN thực hiện chương trình NTM trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2012-2016, để thấy rõ các hạn chế và các thành tựu đạt được.

Đề xuất được một số các giải pháp có cơ sở thực tiễn và khoa học nhằm hoàn thiện công tác quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN thực hiện chương trình NTM trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

## **1.4. Nhiệm vụ của nghiên cứu**

Thực trạng quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM tại Sở Tài chính tỉnh Yên Bái như thế nào?

Các yếu tố nào ảnh hưởng đến công tác quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM tại Sở Tài chính tỉnh Yên Bái?

Những giải pháp nào cần được thực hiện nhằm tăng cường công tác quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia XDNTM tại Sở Tài chính tỉnh Yên Bái?

## **1.5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### ***1.5.1 Đối tượng nghiên cứu***

Đề tài tập trung nghiên cứu các vấn đề về lý luận và thực tiễn trong việc quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN nhằm thực hiện XDNTM trên địa bàn tỉnh Yên Bái qua Sở Tài chính.

### ***1.5.2 Phạm vi nghiên cứu***

Phạm vi về nội dung nghiên cứu: Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới bao gồm rất nhiều các nguồn vốn: Từ các chương trình mục tiêu quốc gia, Trái phiếu Chính phủ, vay tín dụng, vốn ngân sách địa phương... Đề tài tập trung nghiên cứu công tác quản lý vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới từ các nguồn vốn: Vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Trái phiếu Chính phủ và vốn ngân sách địa phương đầu tư xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh Yên Bái.

Phạm vi về thời gian: Đề tài thu thập số liệu từ năm 2012-2017, đề xuất kiến nghị giải pháp đến năm 2020.

Phạm vi về không gian: Đề tài được nghiên cứu trên phạm vi các xã thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

## **1.6. Phương pháp nghiên cứu**

### ***1.6.1 Phương pháp thu thập thông tin***

Các tài liệu và số liệu thứ cấp được thu thập trên website, sách, báo, tạp chí, các tài liệu đã công bố và liên quan tại UBND tỉnh Yên Bái, Sở Tài chính, Cục Thống kê tỉnh, Văn phòng điều phối chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện, thị xã, thành phố và các báo cáo liên quan khác

Tài liệu thu thập gồm: Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND về xây dựng nông thôn mới; Quy hoạch nông thôn mới; Quyết định của UBND tỉnh và các báo cáo hàng năm, sơ kết 5 năm...

### ***1.6.2 Phương pháp tổng hợp thông tin***

Dữ liệu thu thập được xử lý trên phần mềm Microsoft Office Excel 2010. Thông tin thu được tiến hành phân nhóm, phân tổ theo các chỉ tiêu được xác định từ trước (theo vùng, theo địa bàn, quy mô, nguồn vốn, lĩnh vực...). Sử dụng số liệu tuyệt đối, số liệu tương đối, số trung bình, biểu đồ, hình vẽ... để so sánh, mô tả chính xác số liệu đã thu thập. Phương pháp phân tổ: Những thông tin thứ cấp khi thu thập được sẽ tiến hành phân tổ, phân nhóm theo một số tiêu thức: Theo năm, theo huyện, theo nguồn vốn đầu tư... Phương pháp phân tổ sẽ giúp nhìn nhận rõ ràng những số liệu đã thu thập được để có thể đi đến kết luận chính xác nhất đối với công tác quản lý nguồn vốn xây dựng nông thôn mới.

### ***1.6.3 Phương pháp phân tích thông tin***

- Phương pháp so sánh: So sánh các chỉ tiêu qua các năm, các hiện tượng cùng được lượng hóa cùng một nội dung, tính chất... So sánh qua chỉ tiêu kế hoạch và kết quả thực hiện, so sánh giữa các huyện trong tỉnh

- Phương pháp thống kê mô tả: Dựa trên các số liệu thống kê để mô tả sự biến động cũng như xu hướng phát triển của một hiện tượng kinh tế xã hội. Mô tả quá trình thực hiện công tác quản lý vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2012-2016

- Phương pháp chuyên gia: Là phương pháp thăm dò ý kiến của các cán bộ công tác tại các cơ quan quản lý nhà nước các doanh nghiệp và các cán bộ địa phương tham gia quản lý, sử dụng, kiểm tra, giám sát sử dụng nguồn vốn nhằm thu thập đánh giá thực tế của họ trong hoạt động quản lý nguồn vốn xây dựng nông thôn mới theo các biến quan sát được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ: Tốt, khá, bình thường, yếu, kém/ Rất hài lòng, hài lòng, bình thường. Không hài lòng, rất không hài lòng/ Rất cần thiết, cần thiết, bình thường, không cần thiết, rất không cần thiết ...

## **1.7. Kinh nghiệm quản lý nguồn vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương và bài học rút ra với tỉnh Yên Bái**

### **1.7.1. Kinh nghiệm quản lý nguồn vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương**

#### *1.7.1.1. Kinh nghiệm về XDNTM ở tỉnh Lào Cai*

Lào Cai là tỉnh miền núi phía bắc, nhằm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM trên địa bàn tỉnh Lào Cai cả hệ thống chính trị, Tỉnh ủy đã chỉ đạo và phân công các đồng chí trong Ban chấp hành Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo, phụ trách các huyện thị xã, thành phố và các xã trong XDNTM, đồng thời UBND tỉnh chỉ đạo, phân công các đồng chí lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn và giúp đỡ các xã trong qua trình tổ chức thực hiện XDNTM.

Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân được chú trọng, nhất là về mục đích, ý nghĩa, phương châm, các nội dung và cơ chế chính sách của Chương trình. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Đài PTTH tỉnh, Báo Lào Cai, các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh và các huyện, thành phố đã thường xuyên đăng tải các tin, bài, tăng thời lượng, mở chuyên trang, phổ biến các cách làm hay, mô hình hiệu quả, các tập thể, cá nhân tiêu biểu, có nhiều đóng góp trong XDNTM; công tác tuyên truyền ở cơ sở được thực hiện gắn liền với việc bàn bạc công khai, dân chủ về tổ chức thực hiện những nhiệm vụ, đã tạo được niềm tin và sự hưởng ứng tích cực của nhân dân.

Tỉnh đã tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ các cấp về Chương trình XDNTM, nội dung tập huấn luôn được cập nhật và đáp ứng được yêu cầu thực tế triển khai, thực hiện ở các địa phương. Thông qua các lớp tập huấn, thành viên ban chỉ đạo các cấp, cán bộ quản lý của địa phương, các đơn vị thụ hưởng và người dân đã được trang bị và nâng cao kiến thức chuyên môn, nâng cao năng lực thực thi Chương trình XDNTM. Nhiều địa phương của tỉnh



tự cân đối được nguồn vốn đã chủ động tổ chức tham quan, học tập, rút kinh nghiệm về phương pháp XDNTM; Nhờ đó chất lượng công tác chỉ đạo, tham mưu trong triển khai thực hiện chương trình ngày càng được nâng cao.

Đồng thời UBND tỉnh đã chỉ đạo các huyện, thành phố, các xã thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù XDNTM đối với một số loại công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản và có có thể áp dụng mẫu thiết kế điển hình như các công trình đường giao thông nông thôn, trường mầm non, nhà công vụ giáo viên, nhà văn hóa thôn, khu thể thao xã, nghĩa trang nhân dân xã, bãi thu gom rác thải trên địa bàn các xã XDNTM.

Tổng nguồn vốn đã bố trí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Lào Cai là 9.860,258 tỷ đồng. Trong đó: Vốn trực tiếp cho Chương trình: 1.956,397 tỷ đồng; vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác: 6.394,986 tỷ đồng; vốn Tín dụng 220 tỷ đồng; vốn huy động doanh nghiệp 461,739 tỷ đồng; vốn huy động nhân dân 827,136 tỷ đồng, bao gồm (công lao động, hiến đất, tiền mặt và các hiện vật xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; chỉnh trang nhà cửa,...).

Sau 05 năm triển khai thực hiện, Chương trình XDNTM đã tập hợp sức mạnh đoàn kết, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các tổ chức, doanh nghiệp và toàn thể nhân dân. XDNTM được thực hiện đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong khu vực nông thôn, cơ sở hạ tầng nông thôn phát triển, đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần được nâng cao, môi trường được cải thiện, an ninh trật tự khu vực nông thôn được đảm bảo, tạo diện mạo mới cho khu vực nông thôn, tổng kết giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Lào Cai đã có 20/143 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

#### *1.7.1.2. Kinh nghiệm về XDNTM ở tỉnh Phú Thọ*

Phú Thọ là tỉnh trung du miền núi, khi bắt đầu triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM tỉnh Phú Thọ đã thành lập Ban chỉ đạo, bộ phận

giúp việc cho Ban chỉ đạo các cấp theo đúng hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương. Cùng với đó UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở ngành chuyên môn hướng dẫn, cụ thể hóa các nội dung, các văn bản của Trung ương liên quan đến Chương trình XDNTM để tổ chức triển khai tại địa phương đảm bảo kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh (thành lập bộ máy tổ chức thực hiện chương trình các cấp; ban hành Bộ tiêu chí NTM của tỉnh; kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình; ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình...).

Ngoài ra đã ban hành các cơ chế, chính sách liên quan như: Chính sách hỗ trợ về các chương trình sản xuất nông nghiệp; chương trình tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; đề án hỗ trợ người nghèo về nhà ở; đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn; chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững; chương trình kiên cố hóa kênh mương, phát triển giao thông nông thôn; chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở thực hiện xã hội hóa hoạt động trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; quy định tỷ lệ thu từ đấu giá đất để lại ngân sách cấp xã để XDNTM...

Bên cạnh đó tỉnh Phú Thọ đã tổ chức đào tạo, tập huấn bồi dưỡng cho cán bộ XDNTM cấp tỉnh, huyện, xã, khu dân cư; nội dung chủ yếu về kiến thức cơ bản trong công tác XDNTM (nhiệm vụ công tác quản lý điều hành chương trình; nghiệp vụ đấu thầu; nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; nghiệp vụ giám sát cộng đồng; các đối tượng được cấp chứng chỉ khi hoàn thành khoá học). Thông qua các lớp đào tạo, tập huấn bồi dưỡng, học tập kinh nghiệm, trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ chỉ đạo, quản lý thực hiện chương trình các cấp đã dần được nâng lên, áp dụng trực tiếp vào xây dựng nông thôn mới ở địa phương một cách hiệu quả.

Trong giai đoạn đầu thực hiện Chương trình XDNTM tỉnh Phú Thọ đã huy động các nguồn lực được khoảng 5.812,205 tỷ đồng đầu tư cho chương trình, trong đó: Vốn đầu tư phát triển là 4.649,764 tỷ đồng; vốn sự nghiệp đạt

1.162,441 tỷ đồng. Trong đó: Vốn ngân sách nhà nước, vốn TPCP là 2.614,793 tỷ đồng; vốn tín dụng là 1.698,0 tỷ đồng; vốn doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế: ước đạt 743,523 tỷ đồng; vốn dân góp ước đạt 755,89 tỷ đồng.

Sau 05 năm, bằng sự nỗ lực chung sức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, nhân dân từ tỉnh đến cơ sở, tỉnh Phú Thọ đã có được những bước tiến quan trọng trong XDNTM; Tính đến hết giai đoạn đầu thực hiện Chương trình NTM trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã có 01 huyện (huyện Lâm Thao) và 60 xã đạt và cơ bản đạt chuẩn NTM.

### ***1.7.2. Những bài học rút ra đối với tỉnh Yên Bái***

#### ***1.7.2.1. Bài học về nội dung quản lý***

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác lập, giao kế hoạch VĐT từ NSNN, xác định rõ trách nhiệm của cơ quan đầu mối và trách nhiệm cá nhân của người có thẩm quyền quyết định trong từng lĩnh vực và quyết định đầu tư đối với hiệu quả của dự án; Việc lập, thẩm tra, thẩm định và phê duyệt dự án phải phù hợp với quy hoạch và kế hoạch đầu tư trung hạn của huyện, xã; phải xuất phát từ nhu cầu thực tế và đời sống nhân dân trong vùng, đồng thời phải được cấp ủy chính quyền các cấp cơ sở xem xét và đề nghị.

Phân bổ và bố trí nguồn vốn theo đúng các tiêu chí, nguyên tắc đã được quy định, đảm bảo phù hợp với điều kiện địa phương, tập trung không dàn trải.

Các dự án thực hiện đúng tiến độ đã đề ra, công tác nghiệm thu thanh toán thực hiện nhanh gọn và đối với các dự án đã được bố trí vốn đầu tư từ NSNN phải được quyết toán theo đúng quy định.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng công trình, mở rộng công tác giám sát có sự tham gia của cộng đồng nhằm ngăn chặn tình trạng đầu tư không hiệu quả gây thất thoát, lãng phí.

Nâng cao trách nhiệm của chủ đầu tư trước pháp luật nếu để xảy ra thất thoát, lãng phí vốn đầu tư gây thiệt hại cho nhà nước.

Thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán chủ đầu tư, quản lý dự án đầu tư, giám sát, đánh giá đầu tư, thanh quyết toán công trình... đặc biệt là quan tâm bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý ĐTXDCB ở cấp huyện, xã, bảo đảm từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

#### *1.7.2.2. Bài học về các biện pháp quản lý*

XDNTM là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất của Đảng, các cấp chính quyền; việc cụ thể hóa và hướng dẫn của các ngành là rất quan trọng, sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể cùng với sự chủ động tham gia tích cực của nhân dân là điều kiện kiên quyết để thực hiện thành công chương trình.

Coi trọng công tác tuyên truyền, quán triệt, phổ biến về quan điểm, mục tiêu, ý nghĩa của chương trình, tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị; xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi khi tham gia; trong đó nhấn mạnh: XDNTM là chương trình của dân, do dân và vì dân, nhân dân làm là chính; trong quá trình triển khai phải thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, việc XDNTM phải được tiến hành công khai, dân chủ, có sự bàn bạc thống nhất của nhân dân, do nhân dân trực tiếp làm và giám sát.

Công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch, dự án thành phần triển khai trên địa bàn xã phải đảm bảo đồng bộ, thống nhất trong định hướng phát triển chung của cấp xã, cấp huyện; trong triển khai thực hiện phải lựa chọn các hạng mục, tiêu chí ưu tiên thực hiện trước và có kế hoạch, lộ trình thực hiện cụ thể.

Phải làm tốt công tác huy động, lồng ghép các nguồn lực hỗ trợ đầu tư cho chương trình, khuyến khích nhân dân cùng tham gia góp sức xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH; trong đó phải xác định rõ được cơ chế huy động vốn của các thành phần tham gia; đặc biệt phát huy nguồn lực tại chỗ, vận động các doanh nghiệp, cá nhân, con em xa quê cùng chung tay góp sức XDNTM.

Thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển KT-XH, cải thiện và nâng cao đời sống người dân cả về vật chất và tinh thần, gắn phát triển kinh tế đi đôi với đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, củng cố quốc phòng, an ninh.

Phải thường xuyên kiểm tra, giám sát, hướng dẫn thực hiện Chương trình, động viên khen thưởng kịp thời các gương điển hình, các cách làm hay, sáng tạo. Cán bộ, đảng viên phải là người đi đầu, gương mẫu, trách nhiệm trong thực hiện XDNTM.

Nguyên tắc trong XDNTM là “19 tiêu chí là đích hướng tới; quy hoạch là tiền đề, phát triển sản xuất là gốc, nâng cao đời sống nhân dân là mục tiêu; lợi ích mang lại cho người dân và cộng đồng là động lực; sự đồng lòng góp sức của cộng đồng dân cư là bí quyết thành công”.

## **Chương II:**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

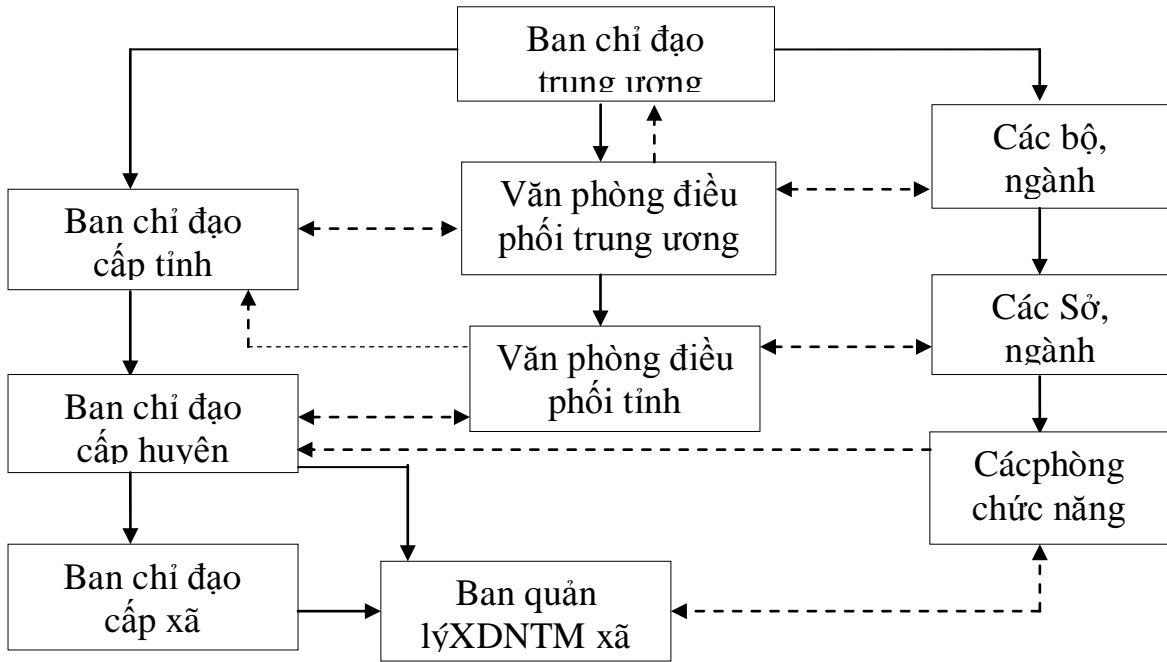
#### **2.1. Xây dựng nông thôn mới và vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới**

##### **2.1.1. Xây dựng nông thôn mới**

Theo tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn của Ban chấp hành Trung ương khóa X ban hành ngày 05 tháng 8 năm 2008 thì nông thôn mới là *khu vực nông thôn có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Như vậy XDNTM là xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH nông thôn từng

bước hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; giữ vững an ninh - trật tự; bảo vệ môi trường sinh thái; tăng cường hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.



Ghi chú: Chỉ đạo ——— Hỗ trợ, trao đổi thông tin - - - - -

**Sơ đồ 1.1: Bộ máy tổ chức thực hiện XDNTM**

(Nguồn: Văn phòng điều phối chương trình XDNTM tỉnh Yên Bái)

Theo Quyết định số 800/QĐ-TTg phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM giai đoạn 2010-2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 04 tháng 6 năm 2010 thì Chương trình mục tiêu quốc gia về XDNTM là một chương trình tổng thể về phát triển KT-XH, chính trị và an ninh quốc phòng, gồm nội dung sau:

- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới
- Phát triển hạ tầng KT-XH
- Chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập
- Giảm nghèo và an sinh xã hội

- Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả ở nông thôn

- Phát triển giáo dục - đào tạo ở nông thôn

- Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cư dân nông thôn

- Xây dựng đời sống văn hóa, thông tin và truyền thông nông thôn

- Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

- Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn

- Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn.

### **2.1.2. *Vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM***

#### **2.1.2.1. *VĐT công từ NSNN***

\* Theo Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 thì Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi Nhà nước được dự toán và thực hiện trong khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

\* Theo Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 thì vốn đầu tư công từ NSNN gồm: Vốn NSNN, vốn công trái quốc gia, vốn TPCP, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối NSNN, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư.

#### **2.1.2.2. *Vốn ĐTXDCB cho XDNTM từ NSNN***

\* *Vốn ĐTXDCB từ NSNN*: là nhiệm vụ chi của NSNN để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư kết cấu hạ tầng KT-XH và các chương trình, dự án phục vụ phát triển KT-XH.

\* *Cơ cấu vốn ĐTXDCB cho XDNTM từ NSNN được chia thành*

Theo cấp ngân sách: Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương (NSDP) và nguồn vốn đầu tư từ NSTW.

Nguồn đầu tư từ NSTW thuộc NSNN do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tập đoàn kinh tế quản lý thực hiện.

Nguồn đầu tư từ NSDP thuộc NSNN do các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là ngân sách cấp tỉnh) và các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (ngân sách cấp huyện) và phường, xã quản lý (ngân sách cấp xã).

\* Theo Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Ban chấp hành Trung ương khóa X ban hành ngày 05 tháng 8 năm 2008 thì mục tiêu của ĐTXDCB trong XDNTM là xây dựng nông thôn có kết cấu hạ tầng KT-XH hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường.

*\* Đặc điểm của vốn ĐTXDCB cho XDNTM từ NSNN*

Vốn ĐTXDCB cho XDNTM từ NSNN đòi hỏi phải đầu tư một nguồn vốn để lớn để có thể làm thay đổi kết cấu, cơ sở hạ tầng nông thôn, và làm thay đổi phương thức sản xuất, quan đó theo thời gian sẽ giúp nâng cao thu nhập của người dân, phát triển KT-XH ổn định đời sống an ninh trật tự của các vùng nông thôn góp phần thực hiện thành công Chương trình.

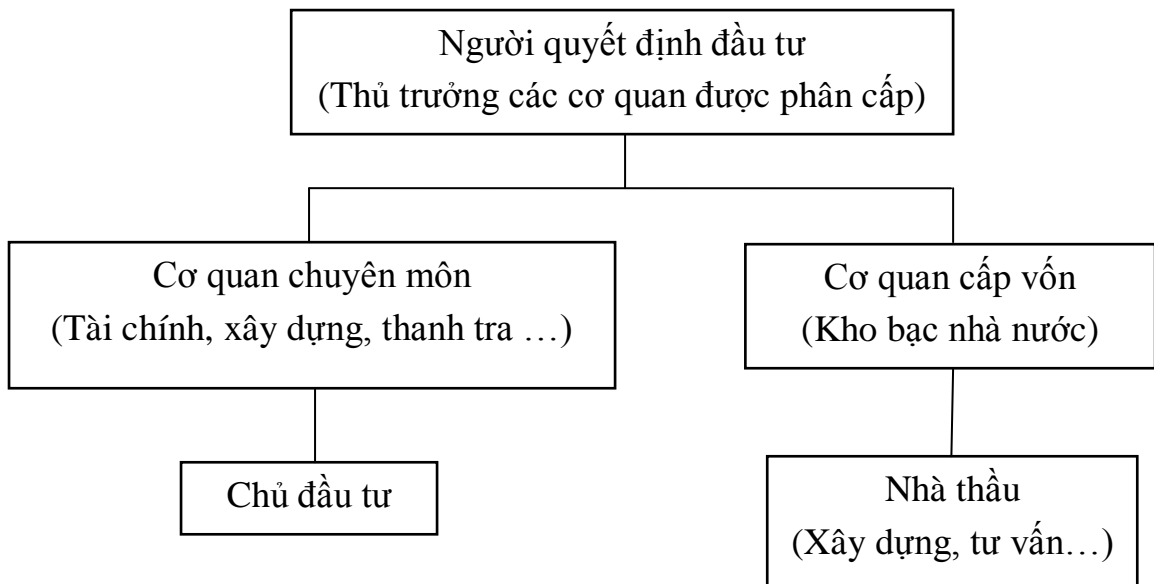
## **2.2. Quản lý vốn đầu tư từ NSNN cho xây dựng nông thôn mới**

### **2.2.1. Vai trò, nguyên tắc quản lý VĐT từ NSNN cho XDNTM**

#### **2.2.1.1. Vai trò quản lý VĐT từ NSNN cho XDNTM**

*\* Bộ máy quản lý vốn VĐT từ NSNN*





**Sơ đồ 1.2: Bộ máy quản lý VĐT từ NSNN**

(Nguồn: UBND tỉnh Yên Bái)

Qua sơ đồ 1.2 cho ta thấy:

Người có thẩm quyền quyết định đầu tư (cơ quan nhà nước được phân cấp quyết định đầu tư tại địa phương): Là người đại diện theo pháp luật đối với việc ra quyết định phê duyệt dự án.

Chủ đầu tư (đại diện cho người quyết định đầu tư): Là người được người quyết định đầu tư giao trách nhiệm trực tiếp quản lý và sử dụng nguồn vốn, thay mặt người quyết định đầu tư nhằm thực hiện các công việc liên quan đến dự án theo quy định của pháp luật.

Cơ quan cấp vốn (Kho bạc nhà nước các cấp): Là người thực hiện việc kiểm soát và cấp nguồn vốn khi có đề nghị của chủ đầu tư, thanh toán trực tiếp cho nhà thầu. Hiện tại cơ quan cấp nguồn vốn XDNTM từ NSNN trên địa bàn các huyện do Kho bạc nhà nước kiểm soát và thanh toán cho Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

Các cơ quan chuyên môn (Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, xây dựng...): Là người thực hiện quản lý nhà nước theo quy định về chức năng, nhiệm vụ

vụ của các ngành được giao, đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn các chủ đầu tư theo từng lĩnh vực được quản lý, liên quan đến việc quản lý vốn NSNN trong ĐTXDCB nói chung và quản lý vốn NSNN cho XDNTM nói riêng.

Các nhà thầu: Là người thực hiện các gói thầu đã ký kết với chủ đầu tư và có trách nhiệm hoàn trả sản phẩm cho chủ đầu tư; trong một dự án có thể có một hoặc nhiều nhà thầu như: Tư vấn lập dự án, thiết kế, giám sát công trình, quản lý dự án, cung cấp máy móc thiết bị và nhà thầu xây lắp thực hiện việc thi công xây dựng công trình.

Quản lý vốn đầu tư từ NSNN cho XDCB nói chung và cho XDNTM nói riêng có vai trò lớn đối với quá trình thúc đẩy phát triển KT-XH của một địa phương, cũng như một quốc gia, do vậy việc gia tăng việc quản lý nguồn vốn và sử dụng một cách hiệu quả, sẽ tác động rất lớn đến tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

Quản lý vốn đầu tư từ NSNN cho XDCB nói chung và cho XDNTM nói riêng giúp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu của nền kinh tế nông thôn. Kinh nghiệm của các địa phương trong nước, cũng như một số nước trên thế giới cho thấy con đường tắt yếu có thể tăng trưởng nhanh là tăng cường đầu tư nhằm tạo ra sự phát triển ở khu vực công nghiệp và dịch vụ nhằm đạt được tốc độ tăng trưởng nhanh của toàn bộ nền kinh tế.

Quản lý vốn đầu tư từ NSNN cho XDCB nói chung và cho XDNTM nói riêng tạo tiền đề và điều kiện để thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư khác, công cụ kinh tế quan trọng để Nhà nước trực tiếp tác động điều tiết vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế giữ vững vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước. Chi đầu tư xây dựng từ NSNN được coi là "vốn môi" để thu hút các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước, đồng thời là hạt nhân thúc đẩy xã hội hoá đầu tư nhằm thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

#### *2.2.1.2. Nguyên tắc quản lý VĐT từ NSNN cho XDNTM*

Theo Thông tư liên tịch số số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia XDNTM giai đoạn 2010 - 2020 của Liên Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính ban hành ngày 13 tháng 4 năm 2011, thì quản lý VĐT từ NSNN cho XDNTM phải tuân thủ những nguyên tắc như sau:

(1) Các nội dung, hoạt động của Chương trình XDNTM phải hướng tới mục tiêu thực hiện 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về NTM ban hành tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

(2) Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư địa phương là chính, Nhà nước đóng vai trò định hướng, ban hành các tiêu chí, quy chuẩn, chính sách, cơ chế hỗ trợ, đào tạo cán bộ và hướng dẫn thực hiện. Các hoạt động cụ thể do chính cộng đồng người dân ở thôn, xã bàn bạc dân chủ để quyết định và tổ chức thực hiện.

(3) Kế thừa và lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn nông thôn.

(4) Thực hiện Chương trình XDNTM phải gắn với kế hoạch phát triển KT-XH của địa phương, có quy hoạch và cơ chế đảm bảo thực hiện các quy hoạch XDNTM đã được cấp có thẩm quyền xây dựng.

(5) Công khai, minh bạch về quản lý, sử dụng các nguồn lực; tăng cường phân cấp, trao quyền cho cấp xã quản lý và tổ chức thực hiện các công trình, dự án của Chương trình XDNTM; phát huy vai trò làm chủ của người dân và cộng đồng, thực hiện dân chủ cơ sở trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát đánh giá.

(6) XDNTM là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; cấp ủy đảng, chính quyền đóng vai trò chỉ đạo, điều hành quá trình xây dựng quy hoạch, đề án, kế hoạch, và tổ chức thực hiện. Mặt trận Tổ quốc và các tổ

chức chính trị, xã hội vận động mọi tầng lớp nhân dân phát huy vai trò chủ thể trong XDNTM.

Ngoài ra, nguồn vốn NSNN đầu tư XDNTM phải đảm bảo các nguyên tắc quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN nói chung, đó là:

*\* Nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả*

Tiết kiệm và đạt hiệu quả cao vừa là mục tiêu, vừa là phương hướng, tiêu chuẩn để đánh giá công tác quản lý vốn NSNN trong ĐTXDCB nói chung và XDNTM nói riêng.

Nội dung của nguyên tắc này là quản lý nguồn vốn ĐTXDCB nói chung và XDNTM nói riêng từ NSNN bỏ ra thì phải mang lại được hiệu quả sử dụng và lợi ích lớn nhất mà nguồn vốn đó bỏ ra. Nguyên tắc đầu tư tiết kiệm, hiệu quả trong XDNTM phải được xem xét trên phạm vi toàn xã hội và trên tất cả các phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

*\* Nguyên tắc tập trung, dân chủ*

Nguyên tắc này thể hiện toàn bộ VĐT xây dựng từ NSNN nói chung và vốn NSNN cho XDNTM nói riêng được tập trung và quản lý theo một cơ chế thống nhất của Nhà nước thông qua các tiêu chuẩn, định mức, các quy trình, quy phạm về kỹ thuật nhất quán và minh mạch.

Việc phân bổ vốn NSNN đầu tư XDNTM phải được thực hiện theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch tổng thể trong dài hạn và đặc biệt phải được sự đồng thuận của người dân trong việc triển khai thực hiện.

Tính dân chủ là đảm bảo cho mọi người dân cùng tham gia vào quản lý sử dụng vốn ĐTXDCB từ NSNN. Dân chủ đòi hỏi phải công khai, minh bạch số liệu về hoạch định đầu tư cho XDNTM cho mọi người biết, thực hiện cơ chế giám sát cộng đồng, minh bạch, công khai các số liệu liên quan đến việc quản lý vốn NSNN đầu tư XDNTM.

*\* Nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo vùng*

Quản lý vốn NSNN đầu tư XDNTM theo ngành, trước hết bằng các quy định về tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật do Bộ Xây dựng và các Bộ quản lý chuyên ngành ban hành. Quản lý việc thanh quyết toán dự án do Bộ Tài chính quản lý...Ngoài ra còn quy định về quản lý theo địa phương, vùng là xây dựng đơn giá vật liệu, nhân công, ca máy cho phù hợp với từng địa phương.

Quản lý vốn NSNN đầu tư XDNTM còn phải tuân thủ các nguyên tắc như:Ngoài việc tuân thủ theo các quy trình về quản lý ĐTXDCB nói chung còn phải tuân thủ theo trình tự đầu tư và xây dựng theo quy định của Chương trình; đồng thời phải phân định rõ trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư, tổ chức tư vấn và nhà thầu trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản... từ đó có các hình thức khen thưởng và xử phạt theo đúng chức năng nhiệm vụ của từng ngành, từng đơn vị quản lý.

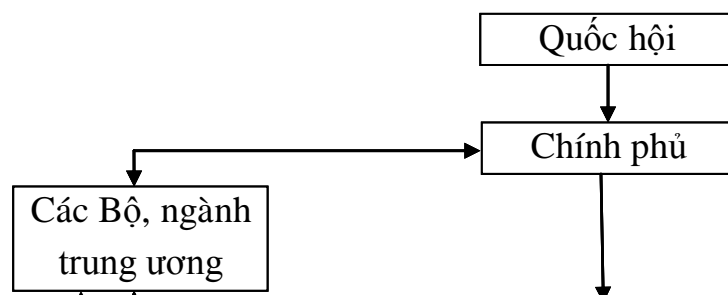
*\* Nguyên tắc kết hợp hài hòa giữa các lợi ích*

Quản lý vốn NSNN đầu tư XDNTM phải đảm bảo hài hòa giữa lợi ích Nhà nước, người dân và các cá nhân tập thể, các doanh nghiệp trên địa bàn đó.

### 2.2.1.3. Phân cấp quản lý VĐT từ NSNN cho XDNTM

Sau khi dự toán ngân sách năm được Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ thông qua. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo tổng mức kế hoạch vốn cho các địa phương. HĐND tỉnh quyết định phương án phân bổ vốn. UBND tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập kế hoạch phân bổ vốn và thông báo cho các huyện.

UBND huyện tập hợp các nguồn vốn được phân bổ (vốn của Chương trình, vốn ngân sách địa phương, vốn từ các chương trình/dự án lồng ghép) và vốn tự huy động, phân bổ vốn cho từng xã.UBND xã chỉ đạo Ban quản lý (BQL) NTM xã phân bổ vốn cho từng công trình, trình HĐND xã thông qua.



***Sơ đồ 1.3: Chu trình quản lý vốn ĐTXDCB cho XDNTM***

Qua sơ đồ 1.3 cho ta thấy:

Quốc hội: Cơ quan lập pháp cao nhất, đại diện cho nhân dân, thông qua các kỳ họp của Quốc hội, căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế xã hội của các địa phương và của đất nước, sẽ thông qua tình hình thu chi NSNN cho giai đoạn và cho từng năm cho các địa phương, đồng thời qua đó cũng sẽ thông qua tổng mức vốn ĐTXDCB nói chung và XDNTM nói riêng tại các địa phương.

Chính phủ: Căn cứ vào tổng số kế hoạch vốn giao trong giai đoạn và hàng năm mà Quốc hội thông qua, căn cứ vào tình hình kinh tế xã hội tại các địa phương và nhu cầu vốn đầu tư để XDNTM phân chia nguồn vốn đầu tư XDNTM về các địa phương để triển khai thực hiện.

Các bộ, ngành trung ương (gồm các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, Nông nghiệp và phát triển nông thôn...): Là các cơ quan tham mưu cho Chính phủ, để ban hành cơ chế chính sách về quản lý nguồn vốn đầu tư XDNTM

như: Tổng hợp nhu cầu vốn cho XDNTM, tham mưu các quy tắc bố trí và phân bổ kế hoạch vốn, hướng dẫn về cơ chế thanh quyết toán nguồn vốn đầu tư... đồng thời cũng tập hợp các ý kiến vướng mắc của đơn vị cấp dưới để tham mưu cho Chính phủ cũng như hoàn thiện cơ chế chính sách trong quản lý nguồn vốn XDNTM một cách hiệu quả.

UBND các tỉnh thành phố trung ương: Căn cứ vào quyết định giao vốn của Chính phủ, các Sở ban ngành sẽ tham mưu cho UBND trình qua HĐND cùng cấp phân bổ kế hoạch vốn XDNTM về cho các địa phương. Khi có ý kiến của HĐND cùng cấp thì UBND tỉnh, thành phố trung ương ra quyết định phân bổ kế hoạch vốn chi tiết đến các địa phương.

Sở ban ngành chuyên môn (gồm các Sở: Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, Nông nghiệp và phát triển nông thôn...): Tham mưu giúp việc cho UBND cùng cấp như: Trình HĐND thông qua kế hoạch vốn phân bổ, tổng hợp vướng mắc trong quá trình thực hiện XDNTM để báo cáo với có có thẩm quyền giải quyết, tham mưu giúp UBND tỉnh ban hành các cơ chế đặc thù đối với các dự án XDNTM trên địa bàn...

UBND các huyện, thị xã và thành phố: Căn cứ vào kế hoạch vốn giao của tỉnh, cùng với sự tham mưu của các phòng chuyên môn thì UBND trình HĐND cùng cấp phân bổ kế hoạch vốn cho các xã, khi có ý kiến của HDDND cùng cấp thì UBND các huyện, thị xã và thành phố sẽ phân bổ kế hoạch vốn đến các xã.

Các phòng, ban chuyên môn (gồm các phòng: Tài chính kế hoạch, kinh tế hạ tầng, BQL đầu tư và xây dựng huyện ...) là cơ quan giúp việc cho UBND huyện, tổng hợp các vướng mắc trong quá trình thực hiện XDNTM tại địa phương để báo cáo với cấp trên hướng dẫn, đồng thời hướng dẫn chỉ đạo các địa phương thực hiện việc quản lý nguồn vốn theo đúng quy định.

UBND các xã: Sau khi có quyết định phân bổ kế hoạch vốn từ UBND huyện, UBND xã trình phương án phân bổ qua HĐND cùng cấp để phân bổ chi tiết đến các công trình.

BQL NTM cấp xã: là cơ quan giúp việc cho UBND nhằm quản lý nguồn vốn XDNTM trên địa bàn xã, tổng hợp nhu cầu vốn, các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện XDNTM tại cơ sở, đề đề xuất báo cáo cấp trên xem xét điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện tại địa phương.

Cơ quan kiểm soát thanh toán (Kho bạc Nhà nước): Là đơn vị thực hiện chức năng kiểm soát, thanh toán nguồn vốn XDNTM ra khỏi NSNN.

### ***2.2.2. Nội dung quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM tại các Sở Tài chính cấp tỉnh***

#### ***2.2.2.1. Công tác lập, giao kế hoạch đầu tư XDNTM***

Vốn NSNN đầu tư cho XDNTM là một nguồn vốn đầu tư nằm trong nguồn vốn NSNN đầu tư XDNCB nói chung, do đó nội dung quản lý vốn NSNN đầu tư XDNTM cũng phụ thuộc vào chủ thể quản lý và cấp quản lý như đối với nguồn vốn ĐTXDCB nói chung. Tuy nhiên, ngoài ra quản lý vốn NSNN đầu tư XDNTM có những đặc thù riêng như: Phân cấp quản lý, quyết định đầu tư chủ yếu cho cấp xã; coi trọng quy trình, chất lượng xây dựng kế hoạch ở cấp xã; được thực hiện cơ chế đặc thù rút gọn trong quy trình chuẩn bị thủ tục đầu tư; phát huy vai trò giám sát thi công xây dựng công trình của nhân dân và cộng đồng dân cư... Các nội dung quản lý được thể hiện trong các chủ yếu sau đây

#### ***a. Chuẩn bị dự án đầu tư***

Theo quy định về quản lý ĐTXDCB hiện hành, thì việc chuẩn bị dự án đầu tư thực hiện trong năm trước của năm kế hoạch, dự án đủ điều kiện để bố trí vốn năm kế hoạch phải hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư, dự án có quyết định phê duyệt trước 31/10 năm trước năm kế hoạch. Tuy nhiên,



đối với các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó có chương trình xây dựng NTM thì điều kiện để các dự án được bố trí kế hoạch là có quyết định phê trước ngày 31/12 năm kế hoạch. Các quy định cụ thể như sau:

\* *Lập, thẩm định và phê duyệt dự án:* Ban quản lý XDNTM xã có trách nhiệm lập, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định của pháp luật.

\* *Cấp quyết định đầu tư, chủ đầu tư:*

- *Cấp quyết định đầu tư:* UBND huyện là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật (KTKT) đầu tư các công trình được NSNN hỗ trợ trên 03 tỷ đồng trong tổng giá trị của công trình. UBND xã là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo KTKT các công trình được NSNN hỗ trợ đến 03 tỷ đồng trong tổng giá trị của công trình.

- *Chủ đầu tư:* Chủ đầu tư các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã do UBND xã thành lập, thay mặt cho UBND tiến hành quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư.

*b. Xây dựng kế hoạch đầu tư*

Quy trình xây dựng kế hoạch thực hiện đề án cho năm tới của xã được thực hiện như sau: Sau khi BQL xã dự thảo xong kế hoạch, bản dự thảo kế hoạch được công bố công khai tại trụ sở UBND xã và được chuyển cho các trưởng thôn để chủ trì tổ chức họp với tất cả các hộ dân trong thôn, có sự tham gia của các đoàn thể xã hội để thảo luận lấy ý kiến đóng góp. Các ý kiến đóng góp của nhân dân được ghi thành biên bản và được chuyển tới BQL xã và HĐND xã. Trong vòng 15 ngày sau khi bản dự thảo kế hoạch được công bố công khai và sau khi đã họp lấy ý kiến nhân dân, HĐND xã tổ chức cuộc họp nghe ý kiến đại diện các thôn, ý kiến giải trình, tiếp thu của BQL xã, trên cơ sở đó ban hành Nghị quyết thông qua kế hoạch năm tới hoặc yêu cầu Ban quản lý xã chỉnh sửa một số nội dung cho phù hợp. Danh

mục công trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư phải có trong danh mục công trình, dự án của đề án xây dựng NTM của xã.

Sau khi được HĐND xã thông qua, BQL xã gửi kế hoạch của xã cho UBND huyện để tổng hợp, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch chung toàn huyện, gửi cho UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình toàn tỉnh và gửi cho các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính và Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, làm căn cứ bố trí vốn.

#### *c. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư từ NSNN*

Sau khi dự toán ngân sách năm được Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ thông qua. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp thông báo tổng mức vốn cho các địa phương.

HĐND tỉnh quyết định phương án phân bổ vốn theo các nguyên tắc và tiêu chí của Chương trình. UBND tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập kế hoạch phân bổ vốn và thông báo cho các huyện theo quy định.

UBND huyện tập hợp các nguồn vốn được phân bổ (vốn của Chương trình, vốn ngân sách tỉnh, vốn ngân sách huyện, vốn từ các chương trình/dự án lồng ghép) và vốn tự huy động, phân bổ vốn đến cho từng xã theo quy định của Chương trình.

UBND xã chỉ đạo Ban quản lý XDNTM xã thông qua phương án phân bổ vốn cho từng công trình, trình HĐND xã thông qua.

#### *2.2.2.2. Công tác tổ chức thực hiện, nghiệm thu VĐT XDNTM*

##### *a. Lựa chọn nhà thầu nhà thầu thi công*

- Các hình thức lựa chọn: Việc lựa chọn nhà thầu xây dựng cơ sở hạ tầng các xã thực hiện Chương trình NTM có 3 hình thức như sau: (1) Giao các cộng đồng dân cư thôn (những người hưởng lợi trực tiếp từ Chương trình)

tự thực hiện xây dựng. (2) Lựa chọn nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực để xây dựng. (3) Lựa chọn nhà thầu qua hình thức đấu thầu (theo quy định hiện hành).

Đối với Chương trình XDNTM nhà nước khuyến khích việc thực hiện theo hình thức giao cho cộng đồng dân cư hưởng trực tiếp thi công công trình, hoặc nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn mà chính các cộng đồng dân cư đó sinh sống.

- Cách thức lựa chọn:

+ Đối với hình thức giao cho cộng đồng dân cư thôn (những người hưởng lợi trực tiếp từ Chương trình) tự thực hiện xây dựng: Chủ đầu tư niêm yết thông báo công khai tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa thôn, chợ, họp dân cư và thông tin trên trạm truyền thanh của xã; Trường hợp có nhiều nhóm cộng đồng cùng đăng ký tham gia thì chủ đầu tư tổ chức họp các nhóm đã đăng ký để công khai lựa chọn, dựa vào các tiêu chí giá cả, tiến độ và chất lượng để phê duyệt kết quả đấu thầu; thành phần mời tham gia họp gồm: Đại diện UBND xã, các đoàn thể xã hội, ban giám sát cộng đồng, trưởng thôn, đại diện cộng đồng dân cư tham gia dự thầu; nếu hết thời hạn thông báo (do chủ đầu tư quy định) chỉ có 01 nhóm cộng đồng tham gia thì chủ đầu tư giao cho nhóm đó thực hiện. Trường hợp không có nhóm cộng đồng tham gia thì chủ đầu tư lựa chọn một nhà thầu phù hợp để đàm phán, ký hợp đồng thực hiện.

+ Đối với hình thức lựa chọn nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực để xây dựng: Chủ đầu tư thông báo mời thầu trên hệ thống truyền thanh của xã, niêm yết tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa xã, đồng thời phổ biến cho các trưởng thôn để thông báo cho người dân được biết. Chủ đầu tư (có đại diện các cộng đồng dân cư trong xã) xây dựng hồ sơ mời thầu bao gồm các tiêu chuẩn đánh giá, tiêu chí để lựa chọn nhà thầu trình UBND xã phê duyệt. Tiêu chuẩn đánh giá phải phù hợp với yêu cầu tính chất của từng công trình cũng như điều kiện cụ thể của xã và thôn. Các nhóm thợ, cá nhân có tối thiểu

10 ngày để chuẩn bị hồ sơ dự thầu gửi chủ đầu tư. Sau khi hết hạn nhận hồ sơ dự thầu, chủ đầu tư tổ chức mở thầu đánh giá, lựa chọn nhóm thợ/tổ chức/cá nhân thi công. Thành phần mời tham gia đánh giá: Đại diện UBND xã, các tổ chức đoàn thể xã hội, ban giám sát cộng đồng, trưởng thôn, đại diện nhóm thợ/cá nhân tham gia dự thầu sẽ xây dựng công trình.

+ Trong trường hợp nếu hết thời hạn quy định mà chỉ có một nhóm thợ/tổ chức/cá nhân tham gia dự thầu thì chủ đầu tư đàm phán và ký kết hợp đồng với nhóm thợ/tổ chức/cá nhân đó.

#### *b. Giám sát hoạt động đầu tư xây dựng công trình*

Tổ chức giám sát thi công công trình xây dựng bao gồm: Chủ đầu tư, tư vấn giám sát và ban giám sát cộng đồng. Chủ đầu tư lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực giám sát thi công. Trường hợp không có tổ chức tư vấn giám sát thi công theo quy định, tùy theo điều kiện cụ thể, chủ đầu tư có thể tổ chức tự thực hiện giám sát thi công và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Đối với hình thức giám sát cộng đồng thực hiện theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế giám sát cộng đồng và Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04 tháng 12 năm 2006 của liên Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

#### *c. Nghiệm thu hạng mục và bàn giao công trình xây dựng*

Nghiệm thu hạng mục và công trình: Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu các hạng mục thi công và công trình hoàn thành, thành phần nghiệm thu gồm: Đại diện Chủ đầu tư (UBND xã, BQL dự án); đại diện các đơn vị tư vấn: Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát; đại diện giám sát của chủ đầu tư, đại diện ban giám sát của xã và đại diện tổ chức, cá nhân quản lý sử dụng công trình, và đơn vị thi công xây dựng công trình.

Bàn giao quản lý, khai thác công trình: Sau khi nghiệm thu, chủ đầu tư phải thực hiện bàn giao công trình và bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công trình cho UBND xã để giao cho thôn, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm quản lý sử dụng, bảo trì.

### *2.2.2.3. Công tác thanh toán, quyết toán VĐT cho XDNTM*

*a. Công tác quản lý, thanh toán VĐT từ NSNN đối với các công trình do UBND xã phê duyệt đầu tư BQL xã làm chủ đầu tư:*

Giao cho cộng đồng dân cư hưởng trực tiếp thi công công trình, hoặc nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực thực hiện xây dựng thì việc quản lý, thanh quyết toán nguồn vốn theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn, Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 02 năm 2012, và các quy định điều chỉnh bổ sung nếu có cụ thể:

(1) Mở tài khoản: Chủ đầu tư được mở tài khoản thanh toán VĐT thuộc ngân sách cấp xã tại Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản giao dịch của ngân sách xã) theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

(2) Hồ sơ, tài liệu cơ sở ban đầu của dự án đầu tư: Để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm soát thanh toán VĐT, Chủ đầu tư phải gửi đến Kho bạc Nhà nước (nơi mở tài khoản thanh toán) các tài liệu cơ sở của dự án đầu tư (các tài liệu này là bản chính hoặc bản sao có đóng dấu sao y bản chính của Chủ đầu tư; tài liệu này chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư, trừ trường hợp có sự bổ sung, điều chỉnh).

(3) Thanh toán khối lượng hoàn thành:

- Đối với công việc được thực hiện thông qua hợp đồng: Việc thanh toán hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán,

thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định rõ trong hợp đồng. Hồ sơ thanh toán: Khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo giai đoạn thanh toán và điều kiện thanh toán trong hợp đồng (hoặc hợp đồng bổ sung), Chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc Nhà nước, bao gồm: Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành đề nghị thanh toán; Giấy đề nghị thanh toán VĐT; Chứng từ chuyển tiền (theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính).

- Đối với công việc thực hiện không thông qua hợp đồng:

+ Đối với các công việc như trường hợp tự làm, các công việc quản lý dự án do Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện: Việc thanh toán phù hợp với từng loại công việc, trên cơ sở báo cáo khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt cho từng công việc. Hồ sơ thanh toán bao gồm: Bảng kê khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt cho từng công việc; giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc tạm ứng (nếu có) và chứng từ chuyển tiền.

+ Đối với chi phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, hồ sơ thanh toán bao gồm: bảng kê xác nhận khối lượng công tác bồi thường, hỗ trợ đã thực hiện; giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc tạm ứng và chứng từ chuyển tiền.

(4) Đối với gói thầu thực hiện theo hình thức người dân trong xã tự làm:

- Đối với gói thầu có kỹ thuật đơn giản, khối lượng công việc chủ yếu sử dụng lao động thủ công, mà người dân trong xã có thể tự làm được, thì Chủ đầu tư báo cáo Người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư giao cho người dân trong xã tự tổ chức thi công xây dựng và tự chịu trách nhiệm của mình trước pháp luật. Thực hiện hình thức này, Chủ đầu tư trực tiếp ký hợp đồng với người dân thông qua Người đại diện (là người do những người dân trong xã tham gia thi công xây dựng bầu; Người đại diện có thể là tổ, đội xây dựng cũng có thể là nhóm người có một người đứng ra chịu trách

nhiệm). Khi áp dụng hình thức này phải có sự giám sát của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Hồ sơ, tài liệu cơ sở ban đầu của hình thức này: ngoài các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 5 của Thông tư này, Chủ đầu tư bổ sung thêm văn bản chấp thuận của người quyết định đầu tư cho phép người dân trong xã tự làm.

- Hồ sơ tạm ứng vốn và thanh toán khối lượng hoàn thành áp dụng tương tự các quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 5 của Thông tư này.

- Gói thầu do người dân trong xã tự làm được tạm ứng tối đa bằng 50% giá trị của hợp đồng và không vượt kế hoạch vốn đầu tư bố trí trong năm cho gói thầu. Vốn tạm ứng được thu hồi từ lần thanh toán khối lượng hoàn thành đầu tiên và thu hồi hết khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.

- Căn cứ hợp đồng và khối lượng xây dựng hoàn thành được nghiệm thu; Chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị tạm ứng (hoặc thanh toán), gửi Kho bạc Nhà nước đề nghị tạm ứng (hoặc thanh toán) cho Người đại diện.

Trường hợp Người đại diện không có tài khoản: Chủ đầu tư đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán bằng tiền mặt; Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công xây dựng gói thầu; Chủ đầu tư và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc thanh toán tiền công cho người dân. Khi thanh toán cho gói thầu do người dân trong xã tự làm thì cơ quan thanh toán không thanh toán giá trị chi phí của các công việc người dân không thực hiện và phần thuế giá trị gia tăng trong dự toán công trình.

(5) Kế hoạch vốn năm của dự án chỉ thanh toán cho khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đến ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch; thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau (bao gồm thanh toán để thu hồi vốn đã tạm ứng), trừ các dự án được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán. Số vốn thanh toán cho dự án đầu tư trong năm (bao gồm cả thanh toán tạm ứng và thanh toán khối

lượng hoàn thành) không vượt kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho dự án đầu tư. Số vốn thanh toán cho từng nội dung công việc, hạng mục công trình không được vượt dự toán được duyệt hoặc giá gói thầu; tổng số vốn thanh toán cho dự án đầu tư không được vượt tổng mức đầu tư được duyệt.

*b. Công tác quản lý, thanh toán VĐT từ NSNN đối với các công trình do UBND huyện quyết định đầu tư và thuê tư vấn quản lý dự án:*

Các hợp đồng xây dựng được ký kết với các nhà thầu thì thực hiện thanh toán theo Thông tư 86/2011/TT-BTC quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2011, và các văn bản điều chỉnh nếu có quy định:

(1) Mở tài khoản: Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước nơi thuận tiện cho giao dịch của chủ đầu tư và thuận tiện cho việc kiểm soát thanh toán của Kho bạc nhà nước và thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc nhà nước.

(2) Hồ sơ, tài liệu của dự án đầu tư: Để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư, chủ đầu tư phải gửi đến Kho bạc nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán các tài liệu cơ sở của dự án (các tài liệu này đều là bản chính hoặc bản sao có đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư, chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư, trừ trường hợp phải bổ sung, điều chỉnh).

(3) Thanh toán vốn đầu tư: Nhà nước cấp vốn cho chủ đầu tư để chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu theo hợp đồng hoặc thanh toán cho các công việc của dự án thực hiện không thông qua hợp đồng, bao gồm: Thanh toán tạm ứng; Thanh toán khối lượng hoàn thành

(4) Kế hoạch vốn năm của dự án chỉ thanh toán cho khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đến ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch; thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau (bao gồm



thanh toán để thu hồi vốn đã tạm ứng), trừ các dự án được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán.

*c. Công tác quyết toán nguồn vốn đầu tư dự án*

Quyết toán nguồn vốn đầu tư theo niên độ hàng năm: Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính (tại Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2010 quy định việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm.

Quyết toán dự án hoàn thành: Tất cả các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND cấp xã và các dự án được cơ quan có thẩm quyền cấp trên giao UBND cấp xã làm Chủ đầu tư khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo đúng chế độ quy định về quản lý tài chính và các quy định hiện hành và thực hiện theo Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước, và các quy định điều chỉnh bổ sung nếu có. Trường hợp quyết toán đã được duyệt, nếu số vốn được quyết toán thấp hơn số vốn đã thanh toán cho dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm thu hồi lại của nhà thầu để hoàn trả cho Nhà nước số vốn thanh toán thừa; nếu số vốn được quyết toán cao hơn số vốn đã thanh toán, chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán tiếp hoặc bố trí vốn vào kế hoạch năm sau để thanh toán cho nhà thầu.

*2.2.2.4. Công tác thanh tra, kiểm tra VĐT thực hiện XDNTM*

Ban Chỉ đạo tỉnh chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện về chất lượng, tiến độ, hiệu quả Chương trình XDNTM trên địa bàn tỉnh. Căn cứ mục tiêu của Chương trình XDNTM giai đoạn 2010 - 2020 và điều kiện thực tế của tỉnh, chỉ đạo Ban Chỉ đạo các huyện xây dựng các chỉ tiêu đạt được theo tiến

độ từng năm, từng giai đoạn và kết thúc Chương trình để làm cơ sở giám sát đánh giá kết quả Chương trình trên địa bàn toàn tỉnh.

Ban chỉ đạo tỉnh chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, Ban chỉ đạo các huyện thường xuyên tổ chức kiểm tra thực hiện Chương trình; tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, các huyện, các đơn vị liên quan tạo điều kiện để HĐND các cấp địa phương, Mặt trận Tổ quốc và cơ quan đoàn thể xã hội các cấp, cộng đồng tham gia giám sát và phối hợp giám sát thực hiện Chương trình.

Các Bộ, UBND các tỉnh, cơ quan Tài chính, Kho bạc nhà nước định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra các chủ đầu tư, nhà thầu tham gia dự án về tình hình sử dụng vốn tạm ứng, vốn thanh toán khối lượng hoàn thành và việc chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư phát triển của Nhà nước; hoặc đề nghị Ban giám sát đầu tư của cộng đồng kiểm tra, giám sát, đánh giá các dự án đầu tư do UBND cấp xã quản lý về tình hình sử dụng vốn, tiến độ thực hiện của dự án đầu tư và việc chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư xây dựng của Nhà nước.

Cơ quan Tài chính các cấp định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra Kho bạc nhà nước về việc thực hiện chế độ thanh toán vốn đầu tư.

### **2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM tại các Sở Tài chính cấp tỉnh**

#### ***2.3.1. Hệ thống pháp luật và cơ chế chính sách quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM***

Hoạt động quản lý đầu tư XDNCB nói chung và quản lý XDNTM chịu ảnh hưởng rất nhiều từ các Luật, Nghị định và Thông tư hướng dẫn, như: Luật NSNN, Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch, Luật Đấu thầu... Ngoài ra trong hoạt động quản lý XDNTM từ NSNN còn phải chịu ảnh hưởng của các quy định riêng trong hoạt động của Chương trình mục tiêu Quốc gia, do vậy trong việc

quản lý và sử dụng nguồn vốn việc phù hợp các văn bản pháp luật về đầu tư XDCCB nói chung và đầu tư XDNTM nói riêng là hết sức quan trọng.

Cùng với đó việc áp dụng định mức đơn giá/định mức đơn giá XDCCB cho các công trình là hết sức quan trọng, do nếu qua công tác này nếu công tác xây dựng đơn giá và định mức đúng và phù hợp với các công việc được giao thì xác định được đúng giá trị của công trình, tuy nhiên nếu áp dụng đơn giá và định mức chưa phù hợp dẫn tới việc triển khai thực hiện gặp bất cập như: Nếu đơn giá định mức xây dựng cao hơn so với các công việc thực hiện trong thực tế dẫn đến tình trạng lãng phí và thất thoát nguồn vốn, ngược lại nếu xây dựng thấp quá sẽ dẫn đến tình trạng khi thực hiện các dự án không thực hiện được do nguồn kinh phí còn hạn chế.

Bên cạnh đó, việc thực hiện quản lý vốn XDNTM theo hình thức Nhà nước và nhân dân cùng thực hiện, nên việc quản lý nguồn vốn lồng ghép giữa nguồn vốn NSNN và nguồn vốn huy động từ cá nhân tổ chức và doanh nghiệp cần có các văn bản hướng dẫn, nhằm mục tiêu quản lý một cách hiệu quả nhất nguồn vốn thực hiện.

### ***2.3.2. Năng lực đội ngũ quản lý vốn ĐTXDCCB từ NSNN cho XDNTM***

Các cán bộ làm công tác quản lý vốn ĐTXDCCB từ NSNN cho XDNTM cần có lập trường tư tưởng vững vàng, tuân thủ chấp hành chế độ chính sách nhà nước, nếu không có lập trường tư tưởng vững vàng và chấp hành chế độ chính sách các cán bộ quản lý trong lĩnh vực này có thể vi phạm pháp luật, do hoạt động quản lý nguồn vốn trong XDNTM rất nhạy cảm.

Về bằng cấp đối với công tác quản lý vốn đầu tư: Cử nhân kinh tế, kỹ sư về chuyên ngành: Giao thông, xây dựng, thủy lợi... do đặc thù công việc quản lý nguồn vốn XDNTM từ NSNN vừa liên quan đến việc hạch toán tài chính, thanh toán và tạm ứng, cũng như kiểm soát khối lượng thanh toán theo hồ sơ bản vẽ thiết kế, do đó cán bộ quản lý trong lĩnh vực về này cần phải có trình

độ và chuyên môn sâu mới đáp ứng được yêu cầu công việc nhằm mục tiêu quản lý sử dụng hiệu quả nhất nguồn vốn.

Kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực này, như đã nói ở trên, đây là công việc đòi hỏi phải kết hợp nhiều các nghiệp vụ và chuyên môn khác nhau để đáp ứng được hiệu quả công việc cao nhất, thì thời gian làm trong lĩnh vực này tối thiểu phải 05 năm mới cơ bản nắm vững được các cơ chế chính sách, và các văn bản quy định của ngành, còn nếu được sự chỉ bảo và hướng dẫn chi tiết của người có kinh nghiệm trước hoặc có sự đào sâu nghiên cứu các cơ chế chính sách liên quan đến quản lý nguồn vốn ĐTXDCB thì thời gian tiếp xúc và đáp ứng với công việc này có thể được rút ngắn lại.

### ***2.3.3. Cơ sở vật chất của đội ngũ cán bộ quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM***

Điều kiện về cơ sở vật chất làm việc của các cán bộ quản lý nguồn vốn ĐTXDCB từ NSNN có ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả quản lý nguồn vốn XDNTM tại các địa phương, do khối lượng công việc rất lớn do đó nếu có cơ sở vật chất tốt giúp việc thực hiện các công việc được nhanh chóng, đảm bảo về thời gian và tiến độ cũng như tính chính xác và thống nhất. Do đó việc có một cơ sở vật chất cho đội ngũ cán bộ quản lý vốn vốn ĐTXCDB từ NSNN cho XDNTM là đòi hỏi tất yếu.

### ***2.3.4. Công tác tuyên truyền vận động***

Công tác tuyên truyền vận động: Tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như Đài, báo, tạp chí, qua tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ địa phương... Thông qua đó, các chủ trương, chính sách và phương pháp tiến hành XDNTM được thông tin, phổ biến sâu rộng, kịp thời đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân để hệ thống chính trị và người dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng, nội dung, tư tưởng chỉ đạo, cơ chế chính sách của Đảng, Nhà nước về XDNTM. Tuyên truyền vận động trong XDNTM là vấn đề then chốt nhằm tạo sự đồng thuận cả về tư tưởng, ý thức và hành động của người dân

trong địa phương, nhằm quyết tâm xây dựng thành công Chương trình và giúp phát triển nền nông nghiệp, nông thôn của địa phương.

Công tác tuyên truyền là vấn đề then chốt nhằm tạo sự đồng thuận cả về mặt tư tưởng lẫn hành động trong XDNTM, trên thực tế đã chứng minh, ở địa phương nào làm tốt công tác tuyên truyền, vận động người dân thì tại địa phương đó sẽ tích cực tham gia cũng như huy động được nguồn lực từ nhân dân một cách tự nguyện trong XDNTM góp phần đẩy nhanh việc hoàn thành bộ tiêu chí của chương trình, và ngược lại đối với những địa phương nào công tác tuyên truyền vận động không hiệu quả thì sự tham gia của nhân dân sẽ hạn chế, khó khăn trong giải phóng mặt bằng, công trình thi công chậm tiến độ, người dân còn ý lại và trông chờ vào sự hỗ trợ từ NSNN trong XDNTM, dẫn đến việc khó hoàn thành được 19 tiêu chí trong bộ tiêu chí về XDNTM của địa phương ấy.

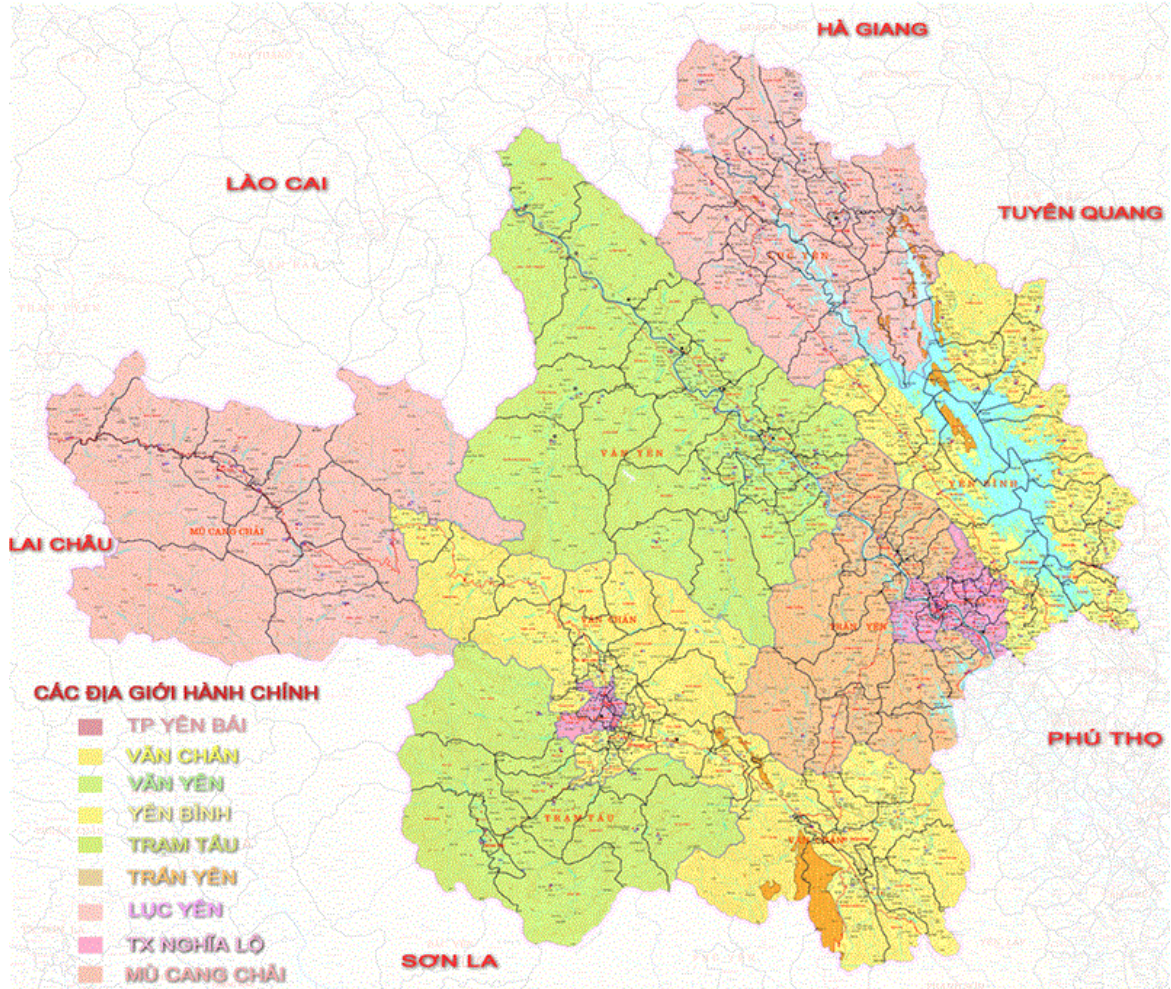
Tại các xã thực hiện XDNTM trên địa bàn tỉnh, cùng với sự tham gia vận động tích cực của các cấp chính quyền địa phương, còn có sự tham gia của các tổ chức chính trị xã hội cơ sở (mặt trận Tổ quốc cơ sở, hội cựu chiến binh, hội phụ nữ...) giúp cho công tác tuyên truyền, vận động để người dân trong bản làm theo là rất hiệu quả.

**Chương 3:**

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ  
BẢN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO XÂY DỰNG NÔNG THÔN  
MỚI TẠI SỞ TÀI CHÍNH TỈNH YÊN BÁI**

### 3.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội có ảnh hưởng đến công tác quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho xây dựng NTM tỉnh Yên Bái

#### 3.1.1. Khái quát về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên của tỉnh Yên Bái



**Hình 3.4: Bản đồ Hành chính tỉnh Yên Bái**

(Nguồn: UBND tỉnh Yên Bái)

##### 3.1.1.1. Vị trí địa lý

Yên Bái là một tỉnh miền núi phía Bắc nằm ở trung tâm vùng núi và trung du Bắc bộ Việt Nam, phía Tây Bắc giáp tỉnh Lào Cai và tỉnh Lai Châu; phía Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Hà Giang và tỉnh Tuyên Quang; phía Đông Nam giáp tỉnh Phú Thọ và phía Tây giáp tỉnh Sơn La. Tổng diện tích tự nhiên

của tỉnh là 6.886,28 km<sup>2</sup>, xếp thứ 8 so với 12 tỉnh thuộc vùng núi và trung du phía Bắc về quy mô đất đai (Nguồn: UBND tỉnh Yên Bái, 2016).

Toàn tỉnh có 9 đơn vị hành chính, gồm các huyện: Trạm Tấu, Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên, Lục Yên, Trấn Yên, Yên Bình; thành phố Yên Bái; thị xã Nghĩa Lộ, với 180 xã, phường, thị trấn.

Với vị trí địa lý là cửa ngõ miền Tây Bắc, nằm trên trung điểm của một trong những tuyến hành lang kinh tế chủ lực Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, có hệ thống giao thông tương đối đa dạng đã tạo điều kiện giao lưu kinh tế thương mại, phát triển văn hóa xã hội... không chỉ với các tỉnh trong vùng, các trung tâm kinh tế lớn trong cả nước mà còn cả trong giao lưu kinh tế quốc tế, đặc biệt là với các tỉnh phía Tây Nam của Trung Quốc và các nước trong khối ASEAN.

#### 3.1.1.2. Đặc điểm địa hình, khí hậu

Yên Bái nằm ở vùng núi phía Bắc, có đặc điểm địa hình cao dần từ Đông Nam lên Tây Bắc và được kiến tạo bởi 3 dãy núi lớn đều có hướng chạy Tây Bắc - Đông Nam: Phía Tây có dãy Hoàng Liên Sơn - Pú Luông nằm kẹp giữa sông Hồng và sông Đà, tiếp đến là dãy núi cổ Con Voi nằm kẹp giữa sông Hồng và sông Chảy, phía Đông có dãy núi đá vôi nằm kẹp giữa sông Chảy và sông Lô. Địa hình khá phức tạp nhưng có thể chia thành 2 vùng lớn: vùng cao và vùng thấp. Vùng cao có độ cao trung bình 600 m trở lên, chiếm 67,56% diện tích toàn tỉnh. Vùng này dân cư thưa thớt, có tiềm năng về đất đai, lâm sản, khoáng sản, có khả năng huy động vào phát triển KT-XH. Vùng thấp có độ cao dưới 600 m, chủ yếu là địa hình đồi núi thấp, thung lũng bồn địa, chiếm 32,44 % diện tích tự nhiên toàn tỉnh.

Yên Bái nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình là 22 - 23<sup>0</sup>C (cao nhất từ 37-39<sup>0</sup>C, thấp nhất từ 2-4<sup>0</sup>C); tổng nhiệt độ trong năm từ 7.500- 8.000<sup>0</sup>C lượng mưa trung bình 1.500 - 2.200 mm/năm; độ ẩm



trung bình 83 - 87%, thuận lợi cho việc phát triển nông - lâm nghiệp (Nguồn: UBND tỉnh Yên Bái, 2016).

### **3.1.2. Tình hình ĐTXDCB trong XDNTM**

#### **3.1.2.1. Thu chi ngân sách**

Thu ngân sách và chi ngân sách là một trong những chỉ tiêu tài chính nhằm phản ánh toàn bộ bức tranh về tình hình KT-XH trong từng thời kỳ, tác động mạnh mẽ đến việc phát triển kinh tế của một tỉnh. Hàng năm, tỉnh đã có kế hoạch xây dựng dự toán thu, chi ngân sách hợp lý, khoán thu, khoán chi cho các đơn vị trực thuộc. Tăng cường việc quản lý, phát triển và khai thác tốt mọi nguồn thu, làm tốt công tác kiểm tra chống trốn thuế, gian lận thương mại để thúc đẩy sản xuất kinh doanh và tăng thêm nguồn thu cho ngân sách.

**Bảng 3.2: Tình hình thu - chi ngân sách trên địa bàn tỉnh Yên Bái  
giai đoạn 2012-2016**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm				
		2012	2013	2014	2015	2016
<b>A</b>	<b>Tổng thu</b>	<b>10.276,5</b>	<b>11.010,5</b>	<b>11.922,2</b>	<b>12.511,4</b>	<b>12.591,6</b>
1	Thu cân đối NSNN	1.272,2	1.392,6	1.318,0	1.578,7	2.137,9
2	Thu chuyển giao ngân sách	8.904,4	9.387,9	10.374,3	10.837,6	10.328,7
3	Vay NSNN	100,0	230,0	230,0	95,0	125,0
<b>B</b>	<b>Tổng chi</b>	<b>10.110,1</b>	<b>10.723,8</b>	<b>11.788,4</b>	<b>12.414,6</b>	<b>11.969,9</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối ngân sách</b>	<b>5.891,1</b>	<b>6.156,3</b>	<b>6.717,6</b>	<b>7.246,6</b>	<b>7.594,9</b>
1	Chi đầu tư phát triển	1.574,0	1.523,6	1.915,4	2.140,5	2.366,3
2	Chi thường xuyên	4.316,0	4.631,5	4.801,1	5.104,9	5.227,4
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2
<b>II</b>	<b>Chi chuyển giao ngân sách</b>	<b>4.186,6</b>	<b>4.522,4</b>	<b>4.963,6</b>	<b>4.931,1</b>	<b>4.021,0</b>
1	Chi chuyển nguồn	964,2	1.132,5	1.358,0	1.067,2	126,6

2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	3.214,3	3.376,7	3.588,1	3.849,5	3.873,2
3	Chi nộp ngân sách cấp trên	8,1	13,2	17,5	14,4	21,3
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ gốc, lãi huy động đầu tư</b>	<b>32,0</b>	<b>43,0</b>	<b>82,5</b>	<b>220,0</b>	<b>146,0</b>
<b>IV</b>	<b>Chi tạm ứng</b>					
<b>V</b>	<b>Các khoản chi chưa có trong công thức</b>				<b>13,6</b>	<b>203,4</b>

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Yên Bái năm 2016)

Qua bảng 3.2 cho ta thấy:

- Tổng thu trên địa bàn tăng dần qua các năm, cụ thể năm 2012 là 10.276,5 tỷ đồng; năm 2016 là 12.591,6 tỷ đồng (tăng 2.315 tỷ đồng so với năm 2011), trong đó tăng thu chủ yếu là thu chuyển giao cho ngân sách, điều đó cho thấy nền kinh tế của tỉnh chưa được ổn định và còn nhận trợ cấp từ trung ương.

- Tổng chi ngân sách trên địa bàn năm 2016 là 11.969,9 tỷ đồng (tăng 1.859,8 tỷ đồng so với năm 2012), trong đó giảm chi chuyển nguồn (năm 2016 giảm 837,6 tỷ đồng so với năm 2012) và tăng chi cân đối ngân sách (năm 2016 giảm 1.703,8 tỷ đồng so với năm 2012). Qua đó cho thấy, UBND tỉnh đã thực hiện đúng chủ trương của Chính phủ đồng thời thực hiện chỉ đạo các đơn vị cấp dưới tập trung cho việc thực hiện các giải pháp nhằm thắt chặt đầu tư công và quản lý sử dụng nguồn vốn một cách hiệu quả, tập trung nguồn lực đầu tư, tránh tình trạng đầu tư dàn trải.

## 3.1.2.2. Tình hình ĐTXDCB trên địa bàn

**Bảng 3.3: Vốn đầu tư trên toàn địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2012-2016 - theo giá hiện hành**

Nội dung	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Giai đoạn 2012-2016	
	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Tổng VĐT (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.619,4</b>	<b>100,0</b>	<b>8.107,8</b>	<b>100,0</b>	<b>9.531,8</b>	<b>100,0</b>	<b>8.624,5</b>	<b>100,0</b>	<b>9.943,1</b>	<b>100,0</b>	<b>43.826,6</b>	<b>100,0</b>
<i><b>Phân cấp quản lý</b></i>												
- Trung ương	961,8	12,62	1.438,2	17,74	2.363,0	24,79	831,2	9,64	731,3	7,36	6.362,9	14,52
- Địa phương	6.657,6	87,38	6.669,5	82,26	7.168,8	75,21	7.793,4	90,36	9.211,8	92,64	37.501,1	85,57
<i><b>Phân theo cấu thành</b></i>												
- Vốn đầu tư XDCB	6.572,3	86,26	6.814,5	84,05	7.879,8	82,67	7.598,4	88,10	7.985,0	80,31	36.850,0	84,08
- Vốn đầu tư khác	1.047,0	13,74	1.293,3	15,95	1.652,0	17,33	1.026,2	11,90	1.958,1	19,69	6.976,6	15,92
<i><b>Phân theo nguồn vốn</b></i>												
- Vốn khu vực nhà nước	2.903,3	38,10	3.524,8	43,47	4.956,1	52,00	3.305,1	38,32	3.308,4	33,27	17.997,7	41,07

- Vốn ngoài nhà nước	4.571,5	60,00	4.432,3	54,67	4.418,7	46,36	5.068,9	58,77	6.212,7	62,48	24.703,9	56,37
- Vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài	144,6	1,90	150,7	1,86	157,1	1,65	250,6	2,91	422,0	4,24	1.125,0	2,57

*(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Yên Bái năm 2016)*

Qua bảng 3.3 cho ta thấy, tổng vốn đầu tư trên toàn địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2012-2016 là 43.826,6 tỷ đồng, theo đó:

- Nếu phân theo cấu thành vốn thì: Vốn đầu tư XDCCB là 36.850,0 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 84,08%; vốn đầu tư khác là 6.976,6 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 15,92%.

- Nếu phân theo nguồn vốn thì: Vốn khu vực nhà nước là 19.997,7 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 41,07%; vốn ngoài nước là 24.703,9 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 56,37%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là 1.125,0 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 2,57%. Như vậy có thể thấy rằng nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm tỷ lệ nhỏ nhất(2,57%), vốn đầu tư ngoài nhà nước chiếm tỷ lệ lớn nhất(56,37%). Trong đó:

+ Vốn đầu tư từ nhà nước có xu thế tăng nhưng chậm: Năm 2012 là 2.903,3 tỷ đồng, đến năm 2016 là 3.308,4 tỷ đồng (tăng 405,2 tỷ đồng).

+ Vốn đầu tư ngoài nước có xu thế tăng khá nhanh: Năm 2012 là 4.571,5 tỷ đồng, đến năm 2016 là 6.212,7 tỷ đồng (tăng 1.641,2 tỷ đồng).

+ Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng nhưng chậm: Năm 2012 là 144,6 tỷ đồng, đến năm 2016 là 422,0 tỷ đồng (tăng 277,3 tỷ đồng).

Qua đây cho thấy rằng chính sách thắt chặt đầu tư công của Chính phủ đã được tỉnh thực hiện nghiêm túc, các dự án được đầu tư trọng tâm trọng điểm, tránh tình trạng đầu tư dàn trải, cùng với đó tỉnh đã có nhiều chính sách kêu gọi thu hút đầu tư từ nhiều nguồn vốn khác nhau nhằm đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư phát triển trên địa bàn để đạt mục tiêu phát triển KT-XH của tỉnh nhà.

3.1.2.3. Tình hình ĐTXDCB từ NSNN cho xây dựng NTM tại tỉnh Yên Bái

**Bảng 3.4: Vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM trên toàn địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2012-2016**

**Theo cơ cấu nguồn vốn**

Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2012-2016											
	Tổng cộng (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Năm 2012 (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Năm 2013 (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Năm 2014 (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Năm 2015 (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Năm 2016 (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)
<b>Tổng cộng</b>	<b>827,50</b>	<b>100</b>	<b>126,90</b>	<b>100</b>	<b>157,77</b>	<b>100</b>	<b>202,86</b>	<b>100</b>	<b>179,05</b>	<b>100</b>	<b>160,91</b>	<b>100</b>
- Vốn ngân sách trung ương	56,82	6,87	15,90	12,53	14,72	9,33					26,20	16,28
- Vốn Trái phiếu Chính phủ	279,00	33,72					93,00	45,84	97,00	54,17	89,00	55,31
- Vốn ngân sách địa phương	491,68	59,42	111,00	87,47	143,05	90,67	109,86	54,16	82,05	45,83	45,71	28,41

(Nguồn: Sở Tài chính tỉnh Yên Bái)

Qua bảng 3.4 cho thấy, tổng vốn đầu tư từ NSNN cho XDNTM trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2012-2016 là 827,5 tỷ đồng. Trong đó: Vốn NSTW đầu tư cho xây dựng NTM là 56,82 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 6,87%. Vốn TPCP đầu tư cho xây dựng NTM là 279,0 tỷ đồng, chiếm 33,72%. Vốn NSDP đầu tư cho xây dựng NTM là 491,68 tỷ đồng, chiếm 59,42%.

Như vậy, trong giai đoạn 2012-2016 nguồn vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM chủ yếu tập trung bằng nguồn vốn NSDP, do trong giai đoạn đầu thực hiện Chương trình thì các nguồn vốn từ NSTW chưa bố trí cho địa phương, do đó địa phương đã huy động nguồn vốn NSDP để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm tạo điều kiện thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng, giúp lưu thông hàng hóa giữa các vùng nông thôn được thuận tiện, sẽ nâng cao được đời sống và thu nhập của nhân dân, qua đó thúc đẩy phát triển KT-XH.

### **3.2. Thực trạng công tác quản lý nguồn VĐTXDNTM tại Sở Tài chính tỉnh Yên Bái trong giai đoạn 2012-2016**

#### **3.2.1. Công tác lập và giao kế hoạch vốn ĐTXDCB cho XDNTM tại Sở Tài chính tỉnh Yên Bái**

##### **3.2.1.1. Công tác lập kế hoạch vốn ĐTXDCB**

Theo kế hoạch vốn đầu tư trung hạn do trung ương bố trí, hàng năm UBND tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và đầu tư phối hợp với Sở Tài chính yêu cầu các UBND huyện, tập hợp nhu cầu đầu tư cho các dự án hàng năm trình UBND cho phép lập chủ trương đầu tư các dự án để thực hiện các bước tiếp theo.

Sau khi được HĐND xã thông qua, BQL xã gửi kế hoạch của xã cho UBND huyện để tổng hợp, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch chung toàn huyện, gửi cho UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp. UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình toàn tỉnh và gửi cho các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính và Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, làm căn cứ bố trí vốn để thực hiện các dự án.

Theo quy định thì UBND cấp xã quyết định đầu tư các dự án được NSNN hỗ trợ đến 03 tỷ đồng cùng với đó thì chủ đầu tư trực tiếp lập thẩm định các dự án, và UBND huyện quyết định đầu tư các dự án NSNN hỗ trợ trên 03 tỷ đồng còn việc lập thẩm định do các đơn vị chức năng chuyên môn trực thuộc UBND huyện hay đi thuê các tổ chức cá nhân có năng lực thực hiện, tuy nhiên trên thực tế thì UBND xã làm chủ đầu tư và chỉ quyết định đầu tư đối với các công trình đường giao thông thuộc đề án phát triển giao thông nông thôn của tỉnh và nhà văn hóa thôn, bản (các dự án có quy mô và kỹ thuật giản đơn) mà được NSNN hỗ trợ đến 03 tỷ đồng trong tổng giá trị của công trình. Còn lại các dự án khác mặc dù có tổng mức đầu tư nhỏ và dưới 03 tỷ đồng thì UBND xã có văn bản đề nghị UBND huyện làm chủ đầu tư, do đó UBND huyện quyết định đầu tư và giao cho BQL dự án huyện thay mặt chủ đầu tư trực tiếp quản lý các công trình. Nguyên nhân, do các công trình có quy mô nhỏ nhưng kỹ thuật phức tạp, đội ngũ cán bộ cấp xã vừa thiếu lại vừa chưa đủ năng lực, kinh nghiệm để quản lý các dự án (từ các khâu: lập dự án, quản lý hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán, ...) đồng thời UBND tỉnh chưa ban hành được thiết kế và dự toán mẫu cho các công trình đơn giản quy mô nhỏ (trừ các công trình thuộc đề án phát triển giao thông nông thôn), do vậy UBND các xã đã chủ động đề nghị UBND huyện làm chủ đầu tư và quyết định đầu tư công trình nhằm đảm bảo các công trình được thực hiện theo đúng các yêu cầu theo quy định.



**Bảng 3.5: Tổng số công trình được hỗ trợ từ NSNN để XDNTM  
giai đoạn 2012 - 2016, trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	NSNN hỗ trợ (tỷ đồng)	Huy động khác (tỷ đồng)	Tỷ lệ NSNN hỗ trợ (%)	Số công trình được hỗ trợ
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.379,74</b>	<b>827,50</b>	<b>552,24</b>	<b>59,97</b>	<b>2.303</b>
1	Thành phố Yên Bái	185,49	98,81	86,68	53,27	170
2	Thị xã Nghĩa Lộ	66,20	41,59	24,61	62,82	154
3	Huyện Trấn Yên	206,92	110,81	96,10	53,55	261
4	Huyện Yên Bình	147,62	86,61	61,01	58,67	336
5	Huyện Văn Yên	175,16	113,16	62,01	64,60	283
6	Huyện Lục Yên	209,09	126,88	82,20	60,68	415
7	Huyện Văn Chấn	172,37	104,88	67,49	60,84	402
8	Huyện Mù Cang Chải	99,69	70,69	29,00	70,91	139
9	Huyện Trạm Tấu	117,20	74,07	43,13	63,20	143

(Nguồn: Sở Tài chính tỉnh Yên Bái; UBND các huyện, thị xã và thành phố)

Cùng với đó trong giai đoạn đầu thực hiện XDNTM trên địa bàn với nguồn vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM còn hạn chế, UBND tỉnh đã thực hiện chỉ đạo các địa phương tập trung nguồn vốn xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, nhằm hỗ trợ sự đi lại của người dân để thúc đẩy giao thương hàng hóa, và phát triển kinh tế tại địa phương từ đó giúp ổn định đời sống và thực hiện được Chương trình tại địa phương, do vậy trong giai đoạn thì về cơ bản hệ thống đường giao thông trên toàn địa bàn đã được hoàn thiện, góp phần không nhỏ trong việc XDNTM trên tỉnh nhà.



**Bảng 3.6: Số Km đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2012-2016***Đơn vị: Km*

TT	Nội dung	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Giai đoạn 2012-2016	
		Kiên cố mặt đường BTXM	Mở mới rộng	Kiên cố mặt đường BTXM	Mở mới rộng	Kiên cố mặt đường BTXM	Mở mới rộng	Kiên cố mặt đường BTXM	Mở mới rộng	Kiên cố mặt đường BTXM	Mở mới rộng	Kiên cố mặt đường BTXM	Mở mới mở rộng
	<b>Tổng cộng</b>	<b>129,2</b>	<b>345,5</b>	<b>175,1</b>	<b>336,0</b>	<b>159,2</b>	<b>285,5</b>	<b>121,8</b>	<b>222,0</b>	<b>59,0</b>	<b>88,0</b>	<b>644,3</b>	<b>1.277,0</b>
1	Thành phố Yên Bái	28,3	7,9	31,2	11,7	19,3	6,5	23,3	15,5	5,7		107,8	41,6
2	Huyện Văn Yên	17,2	40,0	21,2	48,0	31,0		19,5		6,0		94,8	88,0
3	Huyện Yên Bình	13,0	52,0	15,8		17,0		18,5		11,3		75,6	52,0
4	Thị xã Nghĩa Lộ	10,0	12,0	6,4	16,9	7,7	5,1	6,5	6,0	6,0		36,7	40,0
5	Huyện Mù Cang Chải		100,0		64,0	2,0	70,0		80,0		32,0	2,0	346,0
6	Huyện Trấn Yên	23,5	17,0	30,3	15,0	25,6		18,7	20,0	10,4		108,5	52,0
7	Huyện Lục Yên	22,7	20,0	44,7	65,8	33,7	33,2	19,9	12,0	10,7		131,8	131,0
8	Huyện Văn Chấn	12,5	26,6	17,6	47,0	20,9	35,3	13,4	20,0	8,9		73,3	128,9

9	Huyện Trạm Tấu	2,0	69,9	7,9	67,6	2,0	135,4	2,0	68,5		56,0	13,9	397,4
---	----------------	-----	------	-----	------	-----	-------	-----	------	--	------	------	-------

(Nguồn: UBND tỉnh, Sở Giao thông vận tải, UBND các huyện thị xã và thành phố)

### 3.2.1.2. Công tác giao kế hoạch vốn ĐTXDCB từ NSNN

Trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và dự toán ngân sách năm được Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ thông qua; Căn cứ vào kế hoạch vốn hàng năm được Chính phủ phân bổ cho tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Nông thôn, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định phương án phân bổ vốn cho UBND các huyện, thành phố. Trên cơ sở mức vốn được UBND tỉnh phân bổ, Phòng Tài chính Kế hoạch các huyện, thị xã và thành phố tham mưu cho UBND huyện, thị xã và thành phố trình HĐND cùng cấp thông qua để phân bổ, giao kế hoạch vốn cho từng xã, đồng thời UBND xã thông qua HĐND xã phân bổ đến từng dự án.

Qua bảng 3.7 cho thấy tổng số vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM tại tỉnh Yên Bái giai đoạn 2012-2016 là 827,5 tỷ đồng; mức phân bổ vốn cho các địa phương theo từng năm cũng không được đồng đều, phụ thuộc vào điều kiện kinh tế xã hội cũng như xuất phát điểm của các xã thực hiện Chương trình, cũng như tổng số xã đăng ký phấn đấu hoàn thành 19 tiêu chí NTM của địa phương. Mức vốn đầu tư cho Chương trình tăng dần trong các năm do trong từ năm 2014 trở đi có thêm nguồn vốn TPCP và nguồn vốn NSTW tăng cường đầu tư cho XDNTM tại các địa phương, đồng thời tỷ lệ vốn của NSDP đã giảm (nguồn vốn NSDP chủ yếu đầu tư để phát triển đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Yên Bái), do hệ thống đường giao thông nông thôn cơ bản đã được kiên cố hóa, để phục vụ việc đi lại, giao thương hàng hóa của nhân dân cơ bản đã đảm bảo, hướng tới mục tiêu nâng cao thu nhập cho người dân, phát triển kinh tế của địa phương.

**Bảng 3.7: Kế hoạch vốn từ NSNN cho XDNTM  
trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2012-2016**

TT	Nội dung	Số xã thực hiện XDN TM	Kế hoạch vốn giai đoạn 2012-2016 (tỷ đồng)					
			Tổng cộng	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
	<b>Tổng cộng</b>	<b>152</b>	<b>827,50</b>	<b>126,90</b>	<b>157,77</b>	<b>202,86</b>	<b>179,05</b>	<b>160,91</b>
1	Thành phố Yên Bái	3	98,81	21,99	25,72	29,53	14,07	7,50
2	Thị xã Nghĩa Lộ	3	41,59	7,71	7,79	11,53	9,21	5,35
3	Huyện Trấn Yên	21	110,81	20,40	22,43	26,17	25,29	16,52
4	Huyện Yên Bình	24	86,61	14,41	10,78	20,54	21,57	19,31
5	Huyện Văn Yên	26	113,16	18,25	19,14	26,81	24,29	24,67
6	Huyện Lục Yên	23	126,88	18,30	40,93	24,17	23,29	20,20
7	Huyện Văn Chấn	28	104,88	9,87	14,10	25,61	25,00	30,30
8	Huyện Mù Cang Chải	13	70,69	8,20	6,06	18,89	19,14	18,40
9	Huyện Trạm Tấu	11	74,07	7,78	10,82	19,60	17,20	18,67

*(Nguồn: UBND tỉnh, Sở Tài chính)*

### **3.2.2. Công tác tổ chức thực hiện, nghiệm thu, thanh toán VĐT cho XDNTM tại Sở Tài chính tỉnh Yên Bái**

#### **3.2.2.1. Công tác lựa chọn nhà thầu và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu**

Việc thực hiện lựa chọn nhà thầu và phê duyệt kết quả trúng thầu các dự án xây dựng NTM từ nguồn vốn NSNN thực hiện theo các quy định: Đối với dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù quy định tại Quyết định 498/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2013 về bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020 thì lựa chọn cá nhân, tổ đội,

nhóm thợ có đủ năng lực thi công xây dựng công trình; đối với các dự án khác thực hiện theo Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**Bảng 3.8: Tổng hợp các hình thức lựa chọn nhà thầu cho các dự án XDNTM giai đoạn 2012 - 2016, trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

TT	Nội dung	Tổng số dự án	Hình thức chỉ định thầu			Hình thức đấu thầu		
			Tổng số dự án	Tỷ trọng (%)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tổng số dự án	Tỷ trọng (%)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.303</b>	<b>2.097</b>	<b>91,06</b>	<b>965,11</b>	<b>206</b>	<b>8,94</b>	<b>414,63</b>
1	Thành phố Yên Bái	170	155	91,18	155,67	15	8,82	29,81
2	Thị xã Nghĩa Lộ	154	142	92,21	38,09	12	7,79	28,11
3	Huyện Trấn Yên	261	237	90,80	162,15	24	9,20	44,77
4	Huyện Yên Bình	336	310	92,26	101,94	26	7,74	45,68
5	Huyện Văn Yên	283	251	88,69	119,06	32	11,31	56,10
6	Huyện Lục Yên	415	393	94,70	157,50	22	5,30	51,59
7	Huyện Văn Chấn	402	368	91,54	109,32	34	8,46	63,05
8	Huyện Mù Cang Chải	139	118	84,89	54,72	21	15,11	44,97
9	Huyện Trạm Tấu	143	123	86,01	66,66	20	13,99	50,54

*(Nguồn: Phòng Tài chính kế hoạch, BQL dự án đầu tư và xây dựng các huyện, thị xã và thành phố)*

Qua đây cho ta thấy tổng số dự án được lựa chọn theo hình thức đấu thầu là 2016 dự án chiếm tỷ lệ 8,94%, số dự án được lựa chọn theo hình thức chỉ định thầu là 2.097 dự án chiếm tỷ lệ 91,06%; do các dự án XDNTM tại địa phương thực hiện là các dự án có quy mô nhỏ, kỹ thuật giản đơn khuyến khích người dân tự thực hiện, cũng đúng theo phương châm thực hiện của Chương trình "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Với việc chỉ định thầu các

gói thầu có quy mô nhỏ, kỹ thuật giản đơn cho người dân tự thực hiện, giúp việc thi công thực hiện các công trình được nhanh cũng như đảm bảo chất lượng của công trình, và góp phần tạo không khí vui tươi và tình đoàn kết của người dân trong địa bàn có dự án đầu tư, qua đó giúp nhanh chóng hoàn thiện được hệ thống hạ tầng nông thôn qua đó góp phần thực hiện thành công Chương trình XDNTM tại địa phương.

#### 3.2.2.2. Công tác giám sát hoạt động đầu tư xây dựng NTM

Về tổ chức giám sát thi công công trình XDNTM: Công tác này luôn được Chủ đầu tư thực hiện theo đúng quy định hiện hành, ngoài việc thuê đơn vị tư vấn giám sát theo quy định thì chủ đầu tư xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên, cần thiết và quan trọng trong quá trình tổ chức thi công một công trình, nhằm quản lý và đảm bảo tính kỹ mỹ quan của công trình... theo quyết định đầu tư, nâng cao chất lượng đầu tư xây dựng các dự án, tránh lãng phí cũng như thất thoát vốn NSNN trong XDNCB.

Đối với các dự án thực hiện theo Quyết định 498/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2013 về bổ sung cơ chế đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020 thì Ban quản lý xã và Ban phát triển thôn, bản tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình với tổng số dự án là 2.097 chiếm 91,06%; đối với những công trình khác thì Chủ đầu tư thuê tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình với tổng số dự án 206 chiếm 8,94%. Đồng thời phát huy vai trò tích cực của ban Giám sát cộng đồng tại địa bàn nơi các dự án được thực hiện, nâng cao vai trò giám sát của người dân đối với các dự án thực hiện chương trình XDNTM qua bảng 3.9 toàn bộ các dự án XDNTM đều được giám sát cộng đồng và khi các DAHT đều có báo cáo giám sát của Chủ đầu tư.

#### **Bảng 3.9: Tổng hợp hoạt động giám sát các dự án XDNTM**

**giai đoạn 2012 - 2016, trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tổng</b>	<b>Tự giám sát</b>	<b>Thuê tư vấn</b>	<b>Giám</b>	<b>Báo cáo</b>
-----------	-----------------	-------------	--------------------	--------------------	-------------	----------------



		số dự án	giám sát		sát công đồng (dự án)	giám sát của Chủ đầu tư (dự án)		
			Tổng số dự án	Tỷ trọng (%)			Tổng số dự án	Tỷ trọng (%)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.303</b>	<b>2.097</b>	<b>91,06</b>	<b>206</b>	<b>8,94</b>	<b>2.303</b>	<b>2.303</b>
1	Thành phố Yên Bái	170	155	91,18	15	8,82	170	170
2	Thị xã Nghĩa Lộ	154	142	92,21	12	7,79	154	154
3	Huyện Trấn Yên	261	237	90,80	24	9,20	261	261
4	Huyện Yên Bình	336	310	92,26	26	7,74	336	336
5	Huyện Văn Yên	283	251	88,69	32	11,31	283	283
6	Huyện Lục Yên	415	393	94,70	22	5,30	415	415
7	Huyện Văn Chấn	402	368	91,54	34	8,46	402	402
8	Huyện Mù Cang Chải	139	118	84,89	21	15,11	139	139
9	Huyện Trạm Tấu	143	123	86,01	20	13,99	143	143

(Nguồn: Phòng Tài chính kế hoạch, BQL dự án ĐT&XD các huyện, thị xã và thành phố)

Các dự án giao cho người dân thực hiện thi công, thì công tác giám sát thi công do Chủ đầu tư tự thực hiện (giao BQL xã tự giám sát), tuy nhiên việc thực hiện này đôi khi không hiệu quả do nguyên nhân: Cán bộ BQL không có nghiệp vụ chuyên môn sâu và kinh nghiệm về tư vấn giám sát nên việc thi công các công trình không đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật, cũng như việc thi công các công trình là tổ đội địa phương, hay người thân quen của mình dễ dẫn đến việc phát sinh tiêu cực trong quá trình thực hiện.

### 3.2.2.3. Công tác nghiệm thu thanh toán vốn đầu tư

Các dự án thực hiện theo XDNTM trên địa bàn tỉnh, có 2 phương thức thực hiện: (1) Do các tổ chức cá nhân địa phương hay nhóm thợ tại địa phương trực tiếp thực hiện; (2) Thuê các đơn vị thi công có tư cách pháp nhân thực hiện. do vậy sẽ có hai phương thức tổ chức thực hiện nghiệm thu thanh toán:

Đối các dự án do BQL xã làm chủ đầu tư, việc thực hiện thi công xây dựng do người dân và cộng đồng dân cư, tổ đội sản xuất của địa phương tự

thực hiện được các đơn vị thực hiện quản lý các công trình theo hướng dẫn của Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

Đồng thời tại địa bàn tỉnh có các dự án được thực hiện theo Quyết định 498/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ, là dự án đường giao thông nông thôn thuộc đề án phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2011-2015 tỉnh Yên Bái được thực hiện theo quyết định trên; đối với các dự án được triển khai theo hình thức này UBND tỉnh đã giao rõ nhiệm vụ cho các Sở như sau: Sở Tài chính đã có về hướng dẫn việc quản lý, thanh toán, quyết toán các dự án thuộc đề án, Sở Giao thông vận tải hướng dẫn các địa phương về nghiệm thu các dự án; Các sở đã có các văn bản hướng dẫn theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh.

Đối với các dự án thực hiện theo hình thức thuê tư vấn quản lý dự án và ký hợp đồng với nhà thầu, thì đơn vị thi công thực hiện việc thanh toán vốn đầu tư theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính.

**Bảng 3.10: Tình hình thanh toán vốn đầu tư XDNTM tính đến 31 tháng 01 năm kế hoạch  
trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Nội dung	Năm 2012				Năm 2013				Năm 2014				Năm 2015				Năm 2016			
	Kế hoạch vốn	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Tạm ứng	Chuyển nguồn	Kế hoạch vốn	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Tạm ứng	Chuyển nguồn	Kế hoạch vốn	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Tạm ứng	Chuyển nguồn	Kế hoạch vốn	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Tạm ứng	Chuyển nguồn	Kế hoạch vốn	Thanh toán khối lượng hoàn thành	Tạm ứng	Chuyển nguồn
<b>Tổng cộng</b>	<b>126,9</b>	<b>65,9</b>	<b>39,9</b>	<b>21,2</b>	<b>157,8</b>	<b>90,5</b>	<b>44,0</b>	<b>23,2</b>	<b>202,9</b>	<b>124,4</b>	<b>53,4</b>	<b>25,0</b>	<b>179,1</b>	<b>128,4</b>	<b>34,6</b>	<b>16,0</b>	<b>160,9</b>	<b>124,9</b>	<b>26,8</b>	<b>9,2</b>
Thành phố Yên Bái	22,0	10,5	5,2	6,4	25,7	13,7	5,1	6,9	29,5	18,7	5,9	4,9	14,1	10,2	2,8	1,1	7,5	6,1	0,8	0,7
Thị xã Nghĩa Lộ	7,7	5,0	2,5	0,3	7,8	4,0	2,5	1,3	11,5	5,8	4,8	0,9	9,2	6,7	1,1	1,4	5,4	4,7	0,5	0,1
Huyện Trấn Yên	20,4	11,1	7,1	2,3	22,4	11,2	5,3	6,0	26,2	14,8	7,7	3,6	25,3	17,6	5,3	2,4	16,5	13,4	1,9	1,2
Huyện Yên Bình	14,4	7,4	5,6	1,4	10,8	6,6	3,2	0,9	20,5	13,2	4,0	3,4	21,6	16,5	2,2	2,9	19,3	14,6	4,7	0,0
Huyện Văn Yên	18,2	9,1	5,9	3,3	19,1	11,5	6,1	1,5	26,8	18,7	5,4	2,7	24,3	16,7	7,1	0,4	24,7	20,0	4,4	0,2
Huyện Lục Yên	18,3	9,4	6,5	2,4	40,9	24,7	13,2	3,1	24,2	14,8	7,8	1,6	23,3	17,6	4,9	0,8	20,2	15,5	4,0	0,8
Huyện Văn Chấn	9,9	5,3	2,5	2,1	14,1	8,6	4,4	1,1	25,6	13,5	9,4	2,8	25,0	17,4	5,9	1,7	30,3	23,2	5,6	1,5
Huyện Mù Cang Chải	8,2	4,5	2,1	1,7	6,1	3,6	1,8	0,6	18,9	12,8	4,1	2,0	19,1	13,8	2,4	2,9	18,4	13,9	2,9	1,6

Huyện Trạm Tàu	7,8	3,8	2,7	1,3	10,8	6,7	2,3	1,8	19,6	12,2	4,4	3,0	17,2	12,0	2,8	2,3	18,7	13,5	2,1	3,0
----------------	-----	-----	-----	-----	------	-----	-----	-----	------	------	-----	-----	------	------	-----	-----	------	------	-----	-----

*(Nguồn: Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh Yên Bái)*

Qua bảng 3.10 cho thấy tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư tính đến thời điểm 31 tháng 01 năm sau thì trong trong giai đoạn 2012-2016, thì năm 2012 có tỷ lệ thanh toán giải ngân là thấp nhất với tổng kế hoạch vốn bố trí 126,9 tỷ đồng, thanh toán khối lượng hoàn thành 65,9 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 51,91%, tạm ứng kế hoạch vốn 39,9 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 31,41%, chuyển nguồn 21,2 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 16,68%; đến năm 2016 có tỷ lệ giải ngân cao nhất với tổng kế hoạch bố trí 160,9 tỷ đồng, thanh toán khối lượng hoàn thành 124,9 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 77,64%, tạm ứng kế hoạch vốn 26,8 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 16,67%, chuyển nguồn sang năm sau 9,2 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 5,69%.

Theo đó cho thấy, qua các năm thực hiện Chương trình XDNTM, việc quản lý sử dụng nguồn vốn NSNN đã có nhiều chuyển biến, giảm tỷ lệ vốn tạm ứng và chuyển nguồn sang năm sau. Qua các năm, công tác quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN đã rút ra nhiều kinh nghiệm tập trung bố trí kế hoạch vốn cho các dự án đầu tư từ sớm, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở ban ngành sát sao trong công tác giải ngân thanh toán VĐT, từ đó đẩy nhanh tiến độ giải ngân cho các dự án nhằm sử dụng nguồn vốn đầu tư hiệu quả, các công trình sớm đi vào bàn giao đưa vào sử dụng, nhằm xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ thành công cho việc XDNTM.

Tuy nhiên các nguồn vốn thực hiện cho XDNTM, theo quy định của Luật NSNN và các quy định của Chương trình thì nguồn vốn thực hiện XDNTM được kéo dài thanh toán đến hết 31 tháng 12 năm kế hoạch, qua bảng 3.11 cho thấy việc thanh toán cho các dự án trong giai đoạn 2012-2016 tỷ lệ giải ngân vốn đạt tỷ lệ cao trên 99,5% (tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm sau kế hoạch).

**Bảng 3.11: Tình hình giải ngân vốn đầu tư XDNTM trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2012-2016****Tính đến 31 tháng 12 năm sau kế hoạch**

Nội dung	Giai đoạn 2012-2016			Năm 2012			Năm 2013			Năm 2014			Năm 2015			Năm 2016		
	Tổng số (tỷ đồng)	Giải ngân (tỷ đồng)	Tỷ lệ giải ngân (%)	Tổng số (tỷ đồng)	Giải ngân (tỷ đồng)	Tỷ lệ giải ngân (%)	Tổng số (tỷ đồng)	Giải ngân (tỷ đồng)	Tỷ lệ giải ngân (%)	Tổng số (tỷ đồng)	Giải ngân (tỷ đồng)	Tỷ lệ giải ngân (%)	Tổng số (tỷ đồng)	Giải ngân (tỷ đồng)	Tỷ lệ giải ngân (%)	Tổng số (tỷ đồng)	Giải ngân (tỷ đồng)	Tỷ lệ giải ngân (%)
<b>Tổng cộng</b>	<b>827,5</b>	<b>823,3</b>	<b>99,5</b>	<b>126,9</b>	<b>126,4</b>	<b>99,6</b>	<b>157,8</b>	<b>156,7</b>	<b>99,3</b>	<b>202,9</b>	<b>202,3</b>	<b>99,7</b>	<b>179,1</b>	<b>178,9</b>	<b>99,9</b>	<b>160,9</b>	<b>158,9</b>	<b>98,7</b>
Thành phố Yên Bái	98,8	98,5	99,7	22,0	21,9	99,6	25,7	25,7	99,9	29,5	29,3	99,3	14,1	14,1	100,0	7,5	7,5	100,0
Thị xã Nghĩa Lộ	41,6	41,5	99,8	7,7	7,7	100,0	7,8	7,8	99,7	11,5	11,5	99,9	9,2	9,2	99,9	5,4	5,3	99,6
Huyện Trấn Yên	110,8	110,6	99,8	20,4	20,3	99,7	22,4	22,4	99,9	26,2	26,1	99,7	25,3	25,3	100,0	16,5	16,5	99,6
Huyện Yên Bình	86,6	86,1	99,4	14,4	14,2	98,8	10,8	10,8	100,0	20,5	20,3	99,0	21,6	21,6	100,0	19,3	19,1	99,0
Huyện Văn Yên	113,2	112,1	99,1	18,2	18,2	99,9	19,1	18,9	98,7	26,8	26,8	100,0	24,3	24,3	99,9	24,7	23,9	96,8
Huyện Lục Yên	126,9	125,7	99,1	18,3	18,3	100,0	40,9	40,2	98,3	24,2	24,2	100,0	23,3	23,3	99,9	20,2	19,8	97,9
Huyện Văn Chấn	104,9	104,3	99,4	9,9	9,8	99,0	14,1	14,1	99,9	25,6	25,6	99,9	25,0	24,9	99,7	30,3	29,9	98,6
Huyện Mù Cang Chải	70,7	70,5	99,7	8,2	8,1	98,5	6,1	6,1	100,0	18,9	18,9	100,0	19,1	19,1	100,0	18,4	18,3	99,5
Huyện Trạm Tấu	74,1	74,1	100,0	7,8	7,8	100,0	10,8	10,8	99,9	19,6	19,6	100,0	17,2	17,2	100,0	18,7	18,7	100,0

(Nguồn: Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh Yên Bái)

Đối với các các dự án đã tạm ứng và phần nguồn vốn chuyển sang năm sau, thì đến thời điểm 31 tháng 12 năm sau thì toàn bộ nguồn vốn đều được thanh toán hết kế hoạch. Tuy nhiên đối với việc thanh toán các nguồn vốn chuyển nguồn và dư tạm ứng chuyển năm sau thì việc sử dụng nguồn vốn chưa hiệu quả, theo bảng 3.10 thì tỷ lệ kế hoạch vốn dư tạm ứng và chuyển nguồn năm sau cũng giảm dần theo từng năm. Qua đây cho thấy, UBND tỉnh thực hiện nghiêm nghị quyết của Chính phủ về giải ngân thanh toán vốn đầu tư. Các dự án XDNTM trên địa bàn tỉnh đều được nghiệm thu thanh toán theo đúng tiến độ thực hiện hợp đồng, và thực hiện khối lượng thi công nghiệm thu theo đúng mức vốn bố trí trong năm do có sự chỉ đạo sát sao của UBND tỉnh và Sở ngành liên quan, cũng như sự chỉ đạo sát sao của các chủ đầu tư trong việc đôn đốc các đơn vị thi công công trình. Cùng với đó khi thực hiện lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng các công trình, Chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực thực hiện dự án, để đảm bảo tiến độ về thời gian theo như hợp đồng đã ký kết, tránh tình trạng chậm tiến độ thi công, thời gian dài thi công kéo dài dẫn tới việc đội vốn thi công xây dựng công trình.

### ***3.2.3. Công tác quyết toán vốn ĐTXDCB trong XDNTM tại tỉnh Yên Bái***

Theo bảng 3.12 cho ta thấy trong giai đoạn 2012-2016 tổng số dự án hoàn thành đưa vào sử dụng là 2.236 dự án chiếm 97,09%, dự án chuyển tiếp là 67 dự án chiếm 2,91%. Dự án đầu tư XDNTM từ nguồn NSNN theo phân cấp của tỉnh Yên Bái giai đoạn 2012-2016 đã được các địa phương thực hiện nghiêm túc, sau khi dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đều được phòng tài chính - kế hoạch huyện, thị xã và thành phố tiến hành thẩm tra và trình UBND cùng cấp phê duyệt theo đúng quy định với tổng dự án đã được phê duyệt quyết toán là 2.129 dự án chiếm 95,21%.

**Bảng 3.12: Tình hình quyết toán dự án ĐTXDCB hoàn thành cho XDNTM từ nguồn vốn NSNN  
trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2012-2016**

TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tổng số dự án	Công trình hoàn thành		Công trình chuyển tiếp (dự án)	Công trình đã phê duyệt quyết toán		Công trình chưa phê duyệt quyết toán	
				Số lượng (dự án)	Tỷ trọng (%)		Số lượng (dự án)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (dự án)	Tỷ trọng (%)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.379,7</b>	<b>2.303</b>	<b>2.236</b>	<b>97,09</b>	<b>67</b>	<b>2.129</b>	<b>95,21</b>	<b>107</b>	<b>4,79</b>
1	Thành phố Yên Bái	185,5	170	167	98,24	3	163	97,60	4	2,40
2	Thị xã Nghĩa Lộ	66,2	154	151	98,05	3	145	96,03	6	3,97
3	Huyện Trấn Yên	206,9	261	247	94,64	14	234	94,74	13	5,26
4	Huyện Yên Bình	147,6	336	327	97,32	9	301	92,05	26	7,95
5	Huyện Văn Yên	175,2	283	270	95,41	13	245	90,74	25	9,26
6	Huyện Lục Yên	209,1	415	408	98,31	7	398	97,55	10	2,45
7	Huyện Văn Chấn	172,4	402	393	97,76	9	382	97,20	11	2,80
8	Huyện Mù Cang Chải	99,7	139	136	97,84	3	131	96,32	5	3,68



9	Huyện Trạm Tấu	117,2	143	137	95,80	6	130	94,89	7	5,11
---	----------------	-------	-----	-----	-------	---	-----	-------	---	------

*(Nguồn: Sở Tài chính, phòng Tài chính kế hoạch các huyện, thị xã và thành phố)*

Qua đây cho thấy các đơn vị trên địa bàn đã thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị của Thủ tướng chính phủ (Chỉ thị số 27/TTg-CP về tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán VĐT các DAHT sử dụng vốn Nhà nước, ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2013) và Chỉ thị của UBND tỉnh (Chỉ thị số 05/CT-UBND về tăng cường đẩy mạnh công tác quyết toán VĐT các DAHT sử dụng vốn Nhà nước, ban hành ngày 20 tháng 02 năm 2015), cũng như văn bản của Bộ Tài chính về giải quyết dứt điểm tình trạng tồn đọng các DAHT trên địa bàn tỉnh Yên Bái (Công văn 4819/BTC-ĐT về xử lý dứt điểm tình trạng tồn đọng quyết toán các DAHT từ năm 2005 đến năm 2014, ban hành ngày 08 tháng 4 năm 2016), đồng thời Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh các văn bản đôn đốc và hướng dẫn quyết toán dứt điểm các dự án hoàn thành (văn bản số 1011/UBND-TM ngày 23 tháng 5 năm 2016; văn bản số 1815/UBND-XD ngày 24 tháng 8 năm 2016), nên số lượng công trình quyết toán DAHT đã có những chuyển biến.

Qua bảng 3.13 trong gia đoạn 2012-2014 số dự án được phê duyệt quyết toán 946 chiếm tỷ lệ 68,9% số DAHT, còn trong gia đoạn 2015-2016 tổng số dự án được phê duyệt quyết toán là 1.183 đạt tỷ lệ quyết toán lên đến 174% số DAHT, nguyên nhân cho trong giai đoạn 2012-2014 thì việc quyết toán DAHT còn không được quan tâm chú trọng do có nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong giai đoạn sau, cùng với sự vào cuộc của các cấp các ngành, cũng như việc tham mưu của Sở Tài chính thì đã xử lý dứt điểm được các công trình tồn đọng chưa quyết toán, tuy nhiên vẫn còn có 174 chưa quyết toán (trong đó: có 67 công trình chuyển tiếp và 107 công trình hoàn thành chưa quyết toán) do đối với các công trình hoàn thành đến trong những tháng cuối năm nên các dự án chưa được trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời UBND tỉnh Yên Bái đã ban hành Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 về Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái trong đó giao cho Sở Tài chính chủ trì

thẩm tra và trình UBND tỉnh phê duyệt quyết toán các dự án thuộc Chương trình XDNTM ho nên các dự án còn lại và giai đoạn tiếp theo của Chương trình sẽ do Sở Tài chính chủ trì thẩm tra..

**Bảng 3.13: Tình hình quyết toán dự án ĐTXDCB**

**hoàn thành cho XDNTM từ nguồn vốn NSNN trước và sau năm 2014  
trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

TT	Nội dung	Tổng số dự án trong giai đoạn	Giai đoạn 2012-2014			Giai đoạn 2015 - 2016			
			Số DAHT	Số DAHT đã phê duyệt quyết toán	Tỷ lệ quyết toán DAHT (%)	Số DAHT	Số DAHT đã phê duyệt quyết toán	Dự án chưa phê duyệt quyết toán	Tỷ lệ quyết toán DAHT (%)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.303</b>	<b>1.373</b>	<b>946</b>	<b>68,90</b>	<b>863</b>	<b>1.183</b>	<b>174</b>	<b>137,08</b>
1	Thành phố Yên Bái	170	93	63	67,74	74	100	7	135,14
2	Thị xã Nghĩa Lộ	154	84	63	75,00	67	82	9	122,39
3	Huyện Trấn Yên	261	146	112	76,71	101	122	27	120,79
4	Huyện Yên Bình	336	213	134	62,91	114	167	35	146,49
5	Huyện Văn Yên	283	163	114	69,94	107	131	38	122,43
6	Huyện Lục Yên	415	242	168	69,42	166	230	17	138,55
7	Huyện Văn Chấn	402	271	189	69,74	122	193	20	158,20
8	Huyện Mù Cang Chải	139	79	53	67,09	57	78	8	136,84
9	Huyện Trạm Tấu	143	82	50	60,98	55	80	13	145,45

(Nguồn: Sở Tài chính, phòng Tài chính kế hoạch các huyện, thị xã và thành phố)

Việc quyết toán dứt điểm các dự án XDNTM hoàn thành đã được bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2012-2016 trên địa bàn, giúp xem xét nắm bắt quá trình đầu tư của các dự án có đúng theo các quy định hiện hành,

từ đó đề xuất với các Sở ban ngành và UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung các cơ chế chính sách để cho phù hợp với Chương trình, nhằm quản lý sử dụng nguồn vốn XDNTM một cách hiệu quả nhất; đồng thời qua công tác quyết toán DAHT xác định được một cách chính xác giá trị tài sản để bàn giao cho đơn vị sử dụng. Qua công tác quyết toán đã xác định được tình hình công nợ của các dự án XDNTM từ đó các Chủ đầu tư sẽ đề xuất với các cấp có thẩm quyền bố trí nguồn vốn và thu hồi vào NSNN các khoản công nợ nêu trên, qua đó sẽ giúp giảm được tình trạng nợ đọng XDNCB trong XDNTM trên toàn địa bàn tỉnh.

#### **3.2.4. Công tác thanh tra, kiểm tra vốn ĐTXDCB trong XDNTM**

**Bảng 3.14: Kết quả thanh tra, kiểm tra vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM giai đoạn 2012-2016**

<b>TT</b>	<b>Hoạt động kiểm tra, giám sát</b>	<b>Số cuộc thanh tra, kiểm tra</b>
1	Kiểm toán Nhà nước	5
2	Thanh tra của các sở, ban, ngành tỉnh	18
3	Thanh tra của các phòng, ban huyện	80

*(Nguồn: Thanh tra tỉnh, các Sở, ngành tỉnh)*

Theo bảng 3.14 cho ta thấy hoạt động thanh tra, kiểm tra các dự án đã được quan tâm tuy nhiên việc kiểm tra chưa được thường xuyên như: Đối với kiểm toán nhà nước có 5 cuộc kiểm tra, thanh tra các Sở, ban ngành tỉnh có 18 cuộc, thanh tra phòng ban huyện là 80 cuộc. Công tác thanh tra, kiểm tra các dự án sử dụng vốn NSNN cho đầu tư XDNTM ngày càng được nâng cao về chất lượng, đội ngũ cán bộ thanh tra được đào tạo chuyên sâu, cơ bản trong lĩnh vực quản lý tài chính, đầu tư và xây dựng, do đó đã phát hiện được một số các gian lận, thất thoát trong lĩnh vực này; tuy nhiên trong tương lai, cũng cần có các giải pháp mang tính chiến lược, đột

phát trong lĩnh vực này nhằm hạn chế tới mức thấp nhất lãng phí nguồn vốn NSNN trong đầu tư XDNTM.

### **3.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến quản lý vốn ĐTXDCB trong XDNTM tại Sở Tài chính tỉnh Yên Bái**

#### ***3.3.1. Hệ thống pháp luật và cơ chế chính sách quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM***

Các chính sách về quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM đã dần từng bước thay đổi, nhằm giải bớt các thủ tục về hành chính về lập dự án, thanh quyết toán nguồn VĐT, qua đó đẩy nhanh tiến độ thanh toán vốn và đơn giản hóa các thủ tục trong quản lý nguồn vốn.

Tuy nhiên hệ thống pháp luật và chính sách đối với quản lý vốn NSNN cho XDNTM vẫn còn nhiều bất cập, mặc dù trong thời gian qua, hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN nói chung và cho XDNTM nói riêng ngày càng được hoàn thiện, góp phần tích cực cho việc quản lý nguồn vốn. Sự bất cập này bao gồm cả yếu tố khách quan như hệ thống pháp luật của Nhà nước và yếu tố chủ quan về chính sách của tỉnh.

#### *\* Về phía Nhà nước*

Đối với quy trình đầu tư dự án: Chương trình mục tiêu XDNTM được phê duyệt từ năm 2010 (Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ). Các công trình XDNTM từ NSNN là các công trình có quy mô nhỏ, khi triển khai thực hiện theo trình tự XDNCB gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, đến năm 2013 thì mới ban hành về có chế đặc thù cho các công trình XDNTM (Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ), vì vậy các địa phương gặp khó khăn trong giai đoạn đầu thực hiện dự án.

Đối với việc nghiệm thu thanh toán các dự án: Trong giai đoạn đầu thực hiện Chương trình, việc thanh quyết toán các dự án được áp dụng trên 2 hình thức: Đối với các dự án do nhà thầu thực hiện theo Thông tư 86/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính, và các dự án thực hiện thanh toán cho tổ

đội thi công thực hiện theo Thông tư 28/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, và đến thời điểm năm 2016 mới có thông tư quy định chung về quy định thanh quyết toán nguồn vốn NSNN thực hiện Chương trình XDNTM theo Thông tư số 349/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

*\* Về phía tỉnh Yên Bái*

Ngoài các quy định chung về Chương trình XDNTM của Trung ương, thì tỉnh cũng đã có ban hành cơ chế lồng ghép giữa các nguồn vốn NSNN với các nguồn khác để đầu tư vào XDNTM (Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2013 và Quyết định số 30/104/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2014) nhằm đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư.

Trong giai đoạn 2012-2012, trên địa bàn tỉnh ban hành cơ chế đặc thù với đề án phát triển giao thông nông thôn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2011-2015, thì Sở Tài chính đã phối hợp cùng Sở Giao thông vận tải có văn bản về hướng dẫn lập dự toán xây dựng và công tác nghiệm thu (công văn số 643/SGTVT-QLGT ngày 16 tháng 7 năm 2014 của Sở Giao thông vận tải), bên cạnh đó Sở Tài chính cùng chủ trì và ban hành văn bản hướng dẫn quản lý, thanh quyết toán vốn thực hiện Đề án (theo văn bản số 1052/STC-ĐT ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Sở Tài chính) về hướng dẫn thực hiện đề án.

Cùng với đó Sở Tài chính tham mưu UBND ban hành các văn bản hướng dẫn về xử lý dứt điểm tình trạng tồn đọng quyết toán DAHT, do vậy trong giai đoạn 2012-2016 trên địa bàn toàn tỉnh đã thực hiện đầu tư xây dựng 2.303 công trình (có 2.236 công trình hoàn thành và 67 công trình chuyển tiếp) thì đã có 2.143 công trình đã phê duyệt quyết toán và bàn giao tài sản cho đơn vị sử dụng.

**3.3.2. Năng lực đội ngũ quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM**

Trình độ cán bộ quản lý nguồn vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM chưa đồng bộ, năng lực và kinh nghiệm chuyên môn giữa các cán bộ không đồng đều nên ảnh hưởng đến công tác quản lý vốn của địa phương.

Qua điều số liệu điều tra khảo sát cho ta thấy, công tác quản lý nguồn vốn XDNTM từ NSNN của địa phương có đội ngũ có trình độ (trình độ đại học và trên đại học chiếm 75%) và cán bộ có kinh nghiệm công tác trên 5 năm cũng chiếm tỷ lệ cao là 63,21%. Do đó việc quản lý nguồn vốn tại địa phương trong giai đoạn 2012-2016 tương đối tốt, như tỷ lệ giải ngân nguồn vốn đạt tỷ lệ cao là 99,5% (theo bảng 3.11) đối với các công tác quyết toán DAHT thì đạt tỷ lệ 95,21% (theo bảng 3.12).

**Bảng 3.15: Trình độ chuyên môn và kinh nghiệm công tác của cán bộ**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số người</b>	<b>Cơ cấu (%)</b>
<b>1</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>212</b>	
	Trên đại học	29	13,68
	Đại học	130	61,32
	Cao đẳng	16	7,55
	Trình độ khác	37	17,45
<b>2</b>	<b>Thâm niên công tác</b>	<b>212</b>	
	Dưới 1 năm	36	16,98
	Từ 1 đến 3 năm	21	9,91
	Từ 3 đến 5 năm	21	9,91
	Trên 5 năm	134	63,21

*Nguồn: Theo số liệu điều tra của tác giả*

Bên cạnh đó việc trình độ, năng lực của các bộ giữa các địa phương còn chênh lệch do trên địa bàn tỉnh Yên Bái còn tổng cộng 72 xã thuộc diện xã đặc biệt khó khăn (theo Quyết định 204/QĐ-TTg về phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135, Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 02 năm 2016) để đạt được thành công như trên là một nỗ lực của cả hệ thống chính quyền đoàn thể, và sự chỉ đạo sát sao của UBND tỉnh, bên cạnh đó Sở Tài chính đã mở các tập huấn cho

các cán bộ quản lý VĐT của các cấp từ huyện xuống xã (trong các năm 2015 và năm 2016 đã phối hợp Vụ Đầu tư - Bộ Tài chính mở tập huấn về Luật Đầu tư, Luật Xây dựng và các Nghị định hướng dẫn, và những nội dung cơ bản về quản lý VĐT trong các dự án thuộc cấp xã quản lý gồm: Quản lý thanh lý vốn đầu tư XDCB; Kiểm soát thanh toán vốn qua Kho bạc nhà nước; Quản lý quyết toán dự án hoàn thành...).

Đồng thời công tác quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM vừa mang yếu tố tài chính là quản lý nguồn VĐT và vừa mang yếu tố kỹ thuật là lĩnh vực ĐTXDCB, điều này đòi hỏi đội ngũ cán bộ quản lý phải có trình độ chuyên môn sâu về tài chính cũng như có hiểu biết về kỹ thuật thì mới có thể quản lý được tốt hơn. Mặt khác hàng năm khi bình xét thi đua các cán bộ trong công tác quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM đều hoàn thành và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tuy nhiên do việc quản lý nguồn vốn qua nhiều khâu, nhiều bước và nguồn VĐT lớn, dễ gây nhầm lẫn và tham nhũng do đó các cán bộ làm trong lĩnh vực này phải có phẩm chất đạo đức tốt. Nhìn chung đội ngũ cán bộ làm việc trong quản lý vốn NSNN cho XDNTM trên địa bàn tỉnh Yên Bái có phẩm chất đạo đức tốt, quan tâm và có trách nhiệm với công việc (do từ giai đoạn 2012-2016 trên địa bàn tỉnh Yên Bái chưa phát sinh vụ việc liên quan đến việc tham nhũng trong hoạt động quản lý vốn NSNN cho XDNTM) do đó nguồn vốn được quản lý tốt và hiệu quả.

Tư duy vẫn còn một bộ phận nhỏ các cán bộ quản lý còn quan liêu, bao cấp, và tư duy theo cơ chế "xin-cho" không những chưa thay đổi mới mà còn nguyên giá trị. Căn bệnh quan liêu còn thể hiện rõ trong quá trình giải quyết các thủ tục liên quan đến quản lý VĐT cho XDNTM đã gây ra nhiều khó khăn, ách tắc trong công tác quản lý nguồn vốn XDCB từ NSNN cho XDNTM.

Cùng với đó một số cán bộ còn thiếu kinh nghiệm thực tế, có học vấn về danh nghĩa nhưng trong một số trường hợp không phù hợp với học vấn



thực chất do chưa được đào tạo bài bản nghiêm túc. Bên cạnh đó, một số cán bộ lâu năm đã thành thạo các công việc thì lại nặng nề về kinh nghiệm chuyên môn, thực hiện công việc theo lối mòn, chưa kịp thời thay đổi và thực hiện theo các loại văn bản, cơ chế chính trong hoạt động quản lý nguồn vốn ĐTXDCB nói chung và trong quản lý nguồn vốn XDNTM nói riêng.

### ***3.3.3. Cơ sở vật chất của đội ngũ cán bộ quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM***

Cơ sở vật chất của các cán bộ quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM trên địa bàn đã được cải thiện đáng kể, hầu hết đã được trang bị cơ sở vật chất cũng như thiết bị để thực hiện công việc được tốt hơn như: cơ sở vật chất của các cơ quan quản lý, trang bị máy tính làm việc cho cán bộ, phương tiện đi lại cho cơ quan...

Đặc biệt, trong khâu nhập dự toán và thanh toán vốn, năm 2012 tỉnh Yên Bái đã áp dụng quy trình nhập dự toán TABMISS (cơ Tài chính các cấp nhập dự toán) vào việc thực hiện thanh toán vốn đầu tư được thực hiện tại cơ quan kho bạc, qua hệ thống này giúp cán bộ quản lý vốn NSNN cho XDNTM tại các cơ quan Tài chính có thể tổng hợp báo cáo các nguồn vốn thực hiện Chương trình, in các báo cáo đánh giá tình hình giải ngân thanh toán VĐT thuộc kế hoạch năm, từ đó tham mưu cho UBND cùng cấp có những chỉ đạo kịp thời đối với các Chủ đầu tư chậm giải ngân, tìm ra vướng mắc khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện tại địa phương để có biện pháp giải quyết nhằm mục tiêu giải ngân vốn theo đúng kế hoạch đề ra.

### ***3.4.4. Công tác tuyên truyền vận động***

Công tác tuyên truyền là vấn đề then chốt nhằm tạo sự đồng thuận cả về mặt tư tưởng lẫn hành động trong XDNTM, trên thực tế đã chứng minh địa phương nào làm tốt công tác tuyên truyền vận động người dân thì nơi đó sẽ tích cực tham gia hưởng ứng cũng như huy động được nguồn lực từ nhân dân một cách tự nguyện trong XDNTM góp phần đẩy nhanh việc hoàn thành bộ

tiêu chí của chương trình, và ngược lại đối với những địa phương nào công tác tuyên truyền vận động không hiệu quả thì sự tham gia của nhân dân sẽ hạn chế, khó khăn trong thực hiện Chương trình XDNTM, người dân còn ỷ lại và trông chờ vào sự hỗ trợ từ NSNN trong XDNTM, dẫn đến việc khó hoàn thành được 19 tiêu chí trong bộ tiêu chí về XDNTM.

**Bảng 3.16: Công tác tuyên truyền vận động cho XDNTM  
tại tỉnh Yên Bái giai đoạn 2012-2016**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2016</b>
1	Phát động phong trào thi đua XDNTM (cuộc)	2	6	7	7	8
2	In ấn tài liệu tuyên truyền XDNTM (cuốn)	7.000	5.000			4.000
3	Pa nô, áp phích	300	200	200	200	200
4	Tập huấn về XDNTM (lớp, hội nghị)	80	90	120	70	50
5	Tuyên truyền XDNTM (đợt)	10	12	11	16	21

*(Nguồn: Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM tỉnh)*

Công tác tuyên truyền là sự góp mặt của các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội, đặc biệt là hệ thống thông tin truyền thông đại chúng địa phương từ xã đến cơ sở, nhằm tạo sự lan tỏa rộng rãi đến từng người dân (như: Hội đồng thi đua - Khen thưởng Trung ương phát động phong trào "cả nước chung sức XDNTM; Mặt trận tổ quốc Việt Nam phát động phong trào "toàn dân đoàn kết XDNTM, đô thị văn minh"; Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam với cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch"...).

Cùng với đó tại địa phương mở các lớp tập huấn, các đợt tuyên truyền cho XDNTM cũng như việc in ấn các tài liệu phục vụ cho công tác tuyên

truyền tại các xã thực hiện XDNTM trên địa bàn. Kết quả cho thấy, công tác tuyên truyền vận động ảnh hưởng không nhỏ đến sự đóng góp của người dân, như huyện Trấn Yên có tỷ lệ huy động đóng của nhân dân đạt tỷ lệ trên 45% trong tổng mức đầu tư (tính hết năm 2016 huyện Trấn Yên đạt 6 xã NTM/ tổng 18 xã NTM trên toàn tỉnh; dự kiến phấn đấu đến năm 2020 thì huyện Trấn Yên sẽ hoàn thành huyện NTM đầu tiên của tỉnh Yên Bái).

**Chương 4:**

**ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN  
THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN  
TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
TẠI SỞ TÀI CHÍNH TỈNH YÊN BÁI**

**4.1. Đánh giá thực trạng công tác quản lý vốn đầu tư XD CB từ NSNN cho XD NTM tại tỉnh Yên Bái**

*4.1.1. Thông tin chung về các đối tượng phỏng vấn*

**Bảng 3.17: Tổng hợp thông tin người được phỏng vấn**

<b>Giới tính</b>	<b>Số quan sát</b>	<b>Cơ cấu (%)</b>
Nam	134	63,21
Nữ	78	36,79
<b>Tổng số</b>	<b>212</b>	<b>100,0</b>
<b>Vị trí công tác</b>	<b>Số quan sát</b>	<b>Cơ cấu (%)</b>
Lãnh đạo	41	19,34
Cán bộ	136	64,15
Khác	35	16,51
<b>Tổng số</b>	<b>212</b>	<b>100,0</b>
<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Số quan sát</b>	<b>Cơ cấu (%)</b>
Trên đại học	29	13,68
Đại học	130	61,32
Cao đẳng	16	7,55
Trình độ khác	37	17,45
<b>Tổng số</b>	<b>212</b>	<b>100,0</b>

*Nguồn: Theo số liệu điều tra của tác giả*

Nhìn vào bảng ta thấy tỷ lệ nam giới là 63,21%, nữ giới là 36,79%, điều này chứng tỏ số lượng nam giới làm việc có liên quan đến XDNTM là tương đối lớn, một phần nguyên nhân do trong hoạt động quản lý nguồn vốn NSNN cho XDNTM trên địa bàn là nam giới do công việc nặng nhọc, khối lượng công việc lớn, nhiều áp lực nên chủ yếu là nam giới tham gia. Về trình độ chuyên môn chủ yếu là đại học chiếm 61,32%, trên đại học là 13,68% có thể thấy trong quá trình điều tra khảo sát, tập trung vào các đối tượng có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, từ đó cho thấy hoạt động quản lý nguồn vốn NSNN cho XDNTM đòi hỏi phải có năng lực, chuyên môn và nghiệp vụ mới có thể đáp ứng được yêu cầu.

#### 4.1.2. Trình độ cán bộ quản lý

**Bảng 3.18: Đánh giá về trình độ cán bộ quản lý**

TT	Nội dung	Giá trị trung bình	Ý nghĩa
1	CBQL1 - Lập trường tư tưởng vững vàng, tuân thủ chấp hành chế độ chính sách của Nhà nước	3,208	Trung bình
2	CBQL2 - Chất lượng chuyên môn kinh tế hoặc chuyên môn kỹ thuật chuyên ngành: Giao thông, xây dựng, thủy lợi...	3,953	Khá
3	CBQL3 - Kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực trên 05 năm	3,189	Trung bình

(Nguồn: Tính toán theo số liệu điều tra của tác giả)

Theo tổng hợp kết quả thu được và tính toán từ phiếu điều tra tại theo bảng 3.18 cho thấy việc đánh giá trình độ cán bộ quản lý có ảnh hưởng bình thường đến quá trình quản lý vốn NSNN cho XDNTM. Điều đó chứng tỏ các cán bộ quản lý trong hoạt động quản lý nguồn vốn NSNN cho XDNTM đều có cảm nhận khác nhau về mức độ cần thiết đầy đủ phẩm chất tư tưởng, tuân thủ chế độ chính sách,

kinh nghiệm công tác cũng như trình độ chuyên môn được đào tạo có ảnh hưởng đến công tác quản lý thực hiện chương trình.

Trong đó: Cao nhất là biến CBQL2 (Chất lượng chuyên môn kinh tế hoặc chuyên môn kỹ thuật chuyên ngành: Giao thông, xây dựng, thủy lợi...) 3,953 điểm; thấp nhất là CBQL3 (Kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực trên 05 năm) là 3,189 điểm. Qua đây cho ta thấy, trong hoạt động quản lý VĐT từ NSNN cho XDNTM thì trình độ cán bộ các cấp quản lý có vai trò tương đối quan trọng, nó sẽ ảnh hưởng đến việc quản lý có hiệu quả và đúng mục đích hay không, đồng thời cũng có thâm niên công tác để đảm bảo việc xử lý kịp thời, đáp ứng công việc được giao.

#### 4.1.3. Đánh giá về cơ chế chính sách

**Bảng 3.19: Đánh giá về chất lượng của cơ chế chính sách**

TT	Nội dung	Giá trị trung bình	Ý nghĩa
1	CCCS1 - Chất lượng văn bản pháp luật trong ĐTXDCB	3,774	Khá
2	CCCS2 - Đánh giá về chất lượng thực hiện đơn giá/định mức XDCB	3,934	Khá
3	CCCS3 - Chất lượng văn bản hướng dẫn thực hiện XDNTM	4,292	Tốt

*(Nguồn: Tính toán theo số liệu điều tra của tác giả)*

Theo số liệu thu được từ phiếu điều tra tại bảng 3.19 thì đa số người được điều tra đều đánh giá mức độ khá cần thiết của cơ chế chính sách trong quản lý thực hiện chương trình, cụ thể: Cao nhất là biến CCCS3 (Chất lượng văn bản hướng dẫn thực hiện XDNTM) là 4,292 điểm; biến thấp nhất CCCS1 (Chất lượng văn bản pháp luật trong đầu tư XDCB) là 3,774 điểm.

Điều đó cho ta thấy, việc quản lý sử dụng nguồn vốn NSNN thực hiện XDNTM tại địa phương rất cần có văn bản hướng dẫn chi tiết và cụ thể hóa nhằm mục tiêu sử dụng đúng hiệu quả nguồn vốn và thống nhất về cách thức triển khai trên các địa phương trong việc thực hiện XDNTM do trong hoạt động XDNCB các văn bản thường có sự điều chỉnh dẫn đến việc thực hiện rất khó khăn; đồng thời việc triển khai các văn bản hướng dẫn vẫn phải phù hợp với các quy định của các văn bản khác trong quản lý ĐTXDCB và đơn giá/định mức trong XDNCB, và để thực hiện tại các cơ sở.

#### **4.1.4. Quản lý quá trình chuẩn bị đầu tư**

Theo tổng hợp kết quả thu được và tính toán từ phiếu điều tra tại bảng 3.20 thì số người được điều tra đánh giá mức độ cần thiết của giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án, trong đó được đánh giá cao nhất là biến CBĐT8 (Chất lượng công tác phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật) là 4,679 điểm, tiếp đó là biến CBĐT4 (Chất lượng thẩm định nguồn vốn và thẩm định khả năng cân đối vốn) là 4.061 điểm và thấp nhất là biến CBĐT6 (Chất lượng khảo sát, thiết kế) là 3,189 điểm.

**Bảng 3.20: Đánh giá chất lượng quản lý quá trình chuẩn bị đầu tư**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Giá trị trung bình</b>	<b>Ý nghĩa</b>
1	CBĐT1 - Chất lượng quy hoạch	3,392	Trung bình
2	CBĐT2 - Chất lượng công tác tuyên truyền vận động	3,189	Trung bình
3	CBĐT3 - Chất lượng lập chủ trương đầu tư	3,406	Khá
4	CBĐT4 - Chất lượng thẩm định nguồn vốn và thẩm định khả năng cân đối vốn	4,061	Khá
5	CBĐT5 - Chất lượng quyết định phê duyệt chủ	3,392	Trung

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Giá trị trung bình</b>	<b>Ý nghĩa</b>
	trương đầu tư		bình
6	CBĐT6 - Chất lượng khảo sát, thiết kế	3,189	Trung bình
7	CBĐT7 - Chất lượng thẩm định/thẩm tra dự án	3,406	Khá
8	CBĐT8 - Chất lượng công tác phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật	4,679	Tốt

*(Nguồn: Tính toán theo số liệu điều tra của tác giả)*

Qua đây cho thấy trong quá trình triển chuẩn bị dự án, chất lượng của việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật là cần thiết, đây là căn cứ là để thực hiện các bước tiếp theo của dự án, đồng thời bên cạnh đó việc thẩm định nguồn vốn và thẩm định khả năng cân đối vốn của dự án cũng có tính chất quan trọng, do khi xác định được mức vốn bố trí cho dự án mới quyết định đầu tư, qua đó tránh được tình trạng nợ đọng XDNTM. Cùng với đó các dự án XDNTM phải phù hợp với công tác quy hoạch để tránh tình trạng đầu tư dàn trải lãng phí nguồn vốn NSNN, bên cạnh đó cần phải làm tốt công tác tuyên truyền vận động người dân, để có thể triển khai thực hiện các dự án được thuận tiện.

#### **4.1.5. Quản lý quá trình đầu tư**

**Bảng 3.21: Đánh giá chất lượng quản lý quá trình đầu tư**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Giá trị trung bình</b>	<b>Ý nghĩa</b>
1	QTĐT1 - Chất lượng phân cấp quản lý trong đầu tư XDNCB, và quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	4,033	Khá
2	QTĐT2 - Chất lượng lập kế hoạch vốn	3,934	Khá
3	QTĐT3 - Chất lượng đền bù giải phóng mặt bằng	3,679	Khá



	thực hiện dự án		
4	QTĐT4 - Chất lượng chỉ thầu/đầu thầu	4,193	Khá
5	QTĐT5 - Chất lượng quản lý và thực hiện dự án	4,085	Khá
6	QTĐT6 - Chất lượng kiểm tra, giám sát, tạm ứng, nghiệm thu thanh toán	4,288	Tốt

(Nguồn: Tính toán theo số liệu điều tra của tác giả)

Theo tổng hợp kết quả thu được và tính toán từ phiếu điều tra thu được tại bảng 3.21 thì theo số người được phỏng vấn đều cho rằng quá trình đầu tư dự án là cần thiết, trong đó cao nhất là biến QTĐT6 (Chất lượng kiểm tra, giám sát, tạm ứng, nghiệm thu thanh toán) là 4,288 điểm, thấp nhất là biến QTĐT3 (Chất lượng đền bù giải phóng mặt bằng thực hiện dự án) với 3,679 điểm.

Qua đây ta thấy trong quá trình triển khai thực hiện các dự án XDNTM, cần phải chú trọng đến chất lượng kiểm tra, giám sát, nghiệm thu thanh toán do công tác này sẽ tác động lớn đến chất lượng công trình, do qua việc giám sát và kiểm tra thì việc thực hiện thi công xây dựng đúng tiến độ, đảm bảo tính kỹ thuật mỹ thuật, đồng thời việc thanh toán nghiệm thu cho nhà thầu sẽ tạo điều kiện về nguồn lực cho nhà thầu thực hiện các dự án tiếp theo. Cùng với đó cũng phải tăng cường công tác đấu thầu/chỉ đầu đảm bảo tìm được các nhà thầu thi công đủ năng lực để thực hiện.

#### 4.1.6. Quản lý quá trình kết thúc dự án

**Bảng 3.22: Đánh giá chất lượng quản lý quá trình kết thúc dự án**

TT	Nội dung	Giá trị trung bình	Ý nghĩa
1	KTDA1 - Chất lượng nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng	3,934	Khá
2	KTDA2 - Chất lượng quyết toán vốn DAHT	3,679	Khá
3	KTDA3 - Chất lượng bảo hành/bảo trì công trình	4,193	Khá

(Nguồn: Tính toán theo số liệu điều tra của tác giả)

Theo tổng hợp kết quả thu được và tính toán từ phiếu điều tra tại bảng 3.22 thì số người được phỏng vấn đều đánh giá sự cần thiết của quá trình kết thúc dự án, trong đó cao nhất là biến KTDA3 (Chất lượng bảo hành/bảo trì công trình) với 4,193 điểm và thấp nhất là biến KTDA2 (chất lượng quyết toán vốn) với 3,679 điểm.

Qua đó cho ta thấy, trong quá trình kết thúc dự án khi mà các giai đoạn trước đã thực hiện tốt, thì đến giai đoạn này công tác quyết toán công trình sẽ được tiến hành một cách thuận lợi, đồng thời việc chưa có chế tài cụ thể trong việc xử lý các công trình chậm lập và nộp báo cáo quyết toán DAHT, cũng như trong công tác thu hồi sai phạm sau thẩm tra chưa được chú trọng. Còn đối với công tác bảo hành/bảo trì công trình số đông người được điều tra đều đánh giá mức cần thiết, do công tác này đánh giá được chất lượng công trình có thi công được đảm bảo hay không? Thể hiện năng lực của các nhà thầu thi công cũng như trách nhiệm của họ đối với các công trình đã thực hiện, và trách nhiệm của người được bàn giao sử dụng tài sản đó có duy tu bảo dưỡng để nâng cao tuổi thọ của các công trình XDNTM tại địa phương.

#### 4.1.7. Kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán đầu tư

**Bảng 3.23: Đánh giá chất lượng kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán đầu tư**

TT	Nội dung	Giá trị trung bình	Giá trị
1	KTGS1 - Chất lượng thanh tra, kiểm tra, giám sát dự án của cấp quản lý	4,033	Khá
2	KTGS2 - Chất lượng thanh tra, kiểm tra, giám sát dự án của cấp trên	3,934	Khá
3	KTGS3 - Chất lượng kiểm toán của cơ quan	3,679	Khá

	kiểm toán Nhà nước		
4	KTGS4 - Chất lượng giám sát của người dân địa phương	4,193	Khá
5	KTGS5 - Chất lượng giám sát của ban giám sát cộng đồng	4,085	Khá

*(Nguồn: Tính toán theo số liệu điều tra của tác giả)*

Theo kết quả điều tra và tính toán từ phiếu điều tra Bảng 3.23 mang tại bảng 3.23 thì đa số người được điều tra đều đánh giá sự cần thiết phải kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán đầu tư tuy nhiên mức độ đánh giá lại khác nhau, cao nhất là biến KTGS4 (Chất lượng giám sát của người dân địa phương) với 4,193 điểm, tiếp đó là biến KTGS5 (Chất lượng giám sát của ban giám sát cộng đồng) với 4,085 điểm và thấp nhất là biến KTGS3 (Chất lượng kiểm toán của cơ quan kiểm toán Nhà nước) với 3,679 điểm.

Qua đây cho ta thấy việc kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán đầu tư đối với dự án XDNTM nói riêng và ĐTXDCB nói chung rất quan trọng sẽ tránh được tình trạng thất thoát lãng phí trong XDGB cũng như uốn nắn các Chủ đầu tư và các đơn vị thi công thực hiện cho đúng các quy định, cùng với đó vai trò giám sát của nhân dân địa phương, và ban giám sát cộng đồng hết sức quan trọng, nguyên nhân các công trình sau khi bàn giao đưa vào sử dụng thì họ chính là người sử dụng các công trình hàng ngày, do đó việc giám sát chặt chẽ quá trình thi công các công trình sẽ đảm bảo đúng yêu cầu về chất lượng, và kéo dài thời gian sử dụng của các công trình.

#### **4.2. Định hướng và mục tiêu quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM tại Sở Tài chính tỉnh Yên Bái đến năm 2020**

##### **4.2.1. Định hướng quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM trên địa bàn tỉnh Yên Bái đến năm 2020**

Quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN là hoạt động có ý nghĩa quan trọng đến sự phát triển KT-XH của một địa phương cũng như cho xây dựng thành

công chương trình NTM, việc quản lý tạo được một cơ chế thông thoáng, minh bạch, thống nhất nhằm sử dụng nguồn lực một cách hiệu quả, đúng nhu cầu và mục đích, để xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông thôn đồng bộ, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân thúc đẩy cho sự phát triển KT-XH, từ đó sẽ giúp cho việc XDNTM tại các địa phương được bền vững.

Cùng với đó nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư XDNTM không chỉ trong ngành tài chính nói chung và các ngành chuyên môn mà còn có sự tham gia của cả hệ thống chính trị xã hội, sự vào cuộc tích cực của chủ đầu tư, đơn vị thực hiện và của cả cộng đồng; qua đó sẽ giúp việc đầu tư tránh lãng phí và thất thoát trong hoạt động XDNCB, đồng thời tận dụng các nguồn lực nội tại để kích thích việc sản xuất, mua bán và trao đổi hàng hóa tại các địa phương, từ đó sẽ phát huy được hết công năng sử dụng của các công trình đầu tư XDNTM.

Nâng cao chất lượng của công tác lập quy hoạch, lập kế hoạch, thẩm định, phê duyệt công trình và công tác thanh quyết toán VĐT đúng chế độ chính sách, giảm thiểu các thủ tục gây khó khăn cho công tác thực hiện cũng như giải ngân thanh toán vốn đầu tư. Bố trí nguồn VĐT tập trung cho các dự án, quan trọng có tích chất then chốt cho sự phát triển của địa phương, qua đó tránh tình trạng đầu tư dàn trải, và tiến hành đôn đốc các chủ đầu tư khẩn trương quyết toán các dự án hoàn thành qua đó nắm bắt tình hình thực hiện các công trình trong thời gian qua, nhằm phát hiện ra những bất cập trong việc quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM trên địa bàn để đề xuất với cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh bổ sung cơ chế chính sách cho phù hợp; đồng thời qua đó cũng xác định tình hình nợ đọng XDNCB trong XDNTM, qua đó giảm thiểu việc đầu tư dàn trải và giúp nâng cao chất lượng công trình trong thời gian tới.

Tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ là công tác quản lý ĐTXDCB cũng như quản lý NSNN, nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực XDNCB nói chung và trong ngành tài chính nói

riêng, giúp cho các chủ đầu tư có thể hạn chế những sai phạm, và thoát trong XDNTM, đồng thời có hình thức khen thưởng cũng như xử lý nghiêm minh đối với những vi phạm, sai sót trong quá trình thực hiện nhiệm vụ gây lãng phí, thoát nguồn vốn ĐTXDCB từ NSNN.

Nâng cao năng lực công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM trên địa bàn, đây là một công cụ quan trọng nhằm phát hiện các sai phạm các chủ đầu tư, các BQL dự án và các đơn vị thực hiện công trình, cũng như các khâu khác của dự án. Cần nâng cao chất lượng công tác giám sát, kiểm tra thanh tra theo hướng chuyên sâu và đi vào các chuyên đề cụ thể, thực chất, nghiêm túc đối với công tác quản lý vốn ĐTXDCB cho XDNTM trên địa bàn, qua đó giúp các Chủ đầu tư, BQL dự án và các đơn vị thực hiện tốt hơn trong thời gian tới.

Kết hợp giữa nội lực và ngoại lực sẽ góp phần huy động tối đa sức mạnh của tất cả các nguồn lực và sức mạnh để phát triển kinh tế, nhằm XDNTM được thành công, sự kết hợp đó sẽ tạo điều kiện để huy động triệt để các nguồn lực trong nước cho XDNTM. Muốn vậy, phải tạo được môi trường đủ sức hấp dẫn, cơ chế chính sách thông thoáng để khuyến khích các nguồn vốn đầu tư trong nước nhằm nâng cao thu nhập của người dân.

#### ***4.2.2. Mục tiêu tiêu quản lý VĐT từ NSNN cho XDNTM trên địa bàn tỉnh Yên Bái đến năm 2020***

Tiếp tục triển khai, thực hiện toàn diện các nội dung của Chương trình XDNTM trên địa bàn toàn tỉnh đúng tiến độ và hiệu quả; cụ thể hóa cơ bản mục tiêu tại Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn thông qua việc triển khai, thực hiện Chương trình; Nghị quyết số 26/2010/NQ-HĐND này 16 tháng 12 năm 2010 của HĐND tỉnh về XDNTM tỉnh Yên Bái giai đoạn 2011-2020, thì XDNTM trên địa bàn tỉnh Yên Bái là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị, xã hội và nhân dân, quá trình

XDNTM rất khó khăn, phức tạp và lâu dài, vừa có tính kiên trì, vừa phải có bước đột phá.

Với mục tiêu chung là XDNTM có kết cấu hạ tầng KT-XH từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với phát triển đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao; hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh. Theo Quyết định 3632/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM tỉnh Yên Bái, UBND tỉnh ban hành ngày 21 tháng 12 năm 2016, thì mục tiêu phấn đấu đến năm 2020:

- Toàn tỉnh Yên Bái có 64 xã/157 xã đạt chuẩn nông thôn mới (bổ sung thêm 05 xã cho giai đoạn 2016-2020), chiếm 40,7% số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Trong đó: Giai đoạn 2011-2015 đã đạt 06 xã, giai đoạn 2016-2020 phấn đấu thêm 58 xã đạt chuẩn nông thôn mới;

- Nâng số tiêu chí bình quân toàn tỉnh đạt 8 tiêu chí/xã năm 2015 lên 14 tiêu chí/xã năm 2020; không còn xã đạt dưới 5 tiêu chí;

- Phấn đấu 01 huyện (huyện Trấn Yên) đạt chuẩn nông thôn mới, với 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Vì vậy, để bảo đảm điều kiện thực hiện hoàn thành, thắng lợi các mục tiêu đề ra, việc hoàn thiện cơ chế quản lý nguồn vốn NSNN đầu tư XDNTM tại Sở Tài chính là hết sức quan trọng cần thiết, đó là:

- Các nguồn vốn hỗ trợ từ NSNN thực hiện XDNTM được phân bổ cho các địa phương để thực hiện Chương trình phải tuân thủ quy định của Luật đầu tư công, Luật NSNN và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo tính chủ động cho các cấp chính quyền địa phương.

- Ưu tiên hỗ trợ vốn ĐTXDCB từ NSNN thực hiện XDNTM cho các xã đặc biệt khó khăn, xã nghèo thuộc các huyện nghèo; xã nghèo thuộc huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng như các huyện nghèo.

- Tập trung nguồn vốn NSNN đầu tư cho các xã mới đạt dưới 05 tiêu chí và các xã đã đạt trên 15 tiêu chí để phấn đấu hoàn thành mục tiêu XDNTM; chú trọng đầu tư cho các xã chưa hoàn thành các công trình hạ tầng cơ bản (giao thông, điện, trường học, trạm y tế, nước sạch, thủy lợi); hỗ trợ phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường.

- Tham mưu, bố trí nguồn vốn đối ứng cho XDNTM của NSDP, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối nguồn vốn NSDP, mục tiêu kế hoạch hàng năm và trong khuôn khổ của kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020; đồng thời căn cứ vào các nguyên tắc phân bổ nguồn vốn NSNN cho XDNTM, tính cần cụ thể hóa các quy định mức phân bổ cụ thể vốn NSNN cho XDNTM thông báo kế hoạch 5 năm cho từng xã, trình HĐND tỉnh thông qua để làm căn cứ chỉ đạo, điều hành và giao quyền chủ động cho địa phương.

- rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý VĐT thực hiện XDNTM bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN, bảo đảm tập trung, không trùng lặp về chính sách để phân bổ và sử dụng nguồn lực có hiệu quả; đồng thời phân kỳ đầu tư, ưu tiên tập trung đầu tư, tránh dàn trải, nợ đọng XDCB, bảo đảm đúng quy định của Luật Đầu tư công, có cơ chế chính sách phù hợp để huy động đủ các nguồn lực khác của xã hội để thực hiện XDNTM một cách hiệu quả nhất.

- Tham mưu UBND tỉnh danh mục dự án đầu tư cho XDNTM đến năm 2020, đồng thời hoàn thiện cơ chế chính sách về quản lý nguồn vốn đầu tư, ban hành các hướng dẫn phù hợp với điều kiện, năng lực quản lý cán bộ cơ sở áp dụng cơ chế đặc thù rút gọn đối với một số dự án đầu tư có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, Nhà nước chỉ hỗ trợ đầu tư một phần kinh phí, phần còn lại do nhân dân đóng góp và có sự tham gia giám sát của cộng đồng.

### **4.3. Giải pháp tăng cường quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM tại Sở Tài chính tỉnh Yên Bái đến năm 2020**

#### ***4.3.1. Giải pháp hoàn thiện công tác lập và giao kế hoạch vốn ĐTXDCB***

##### *4.3.1.1. Giải pháp hoàn thiện công tác lập kế hoạch*

Nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch cho XDNTM cần phối hợp với các ngành chuyên môn, nâng cao chất lượng công tác rà soát, điều chỉnh quy hoạch XDNTM, tập chung vào các quy hoạch: Quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch sản xuất; quy hoạch các điểm dân cư và trung tâm xã; quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng, đây là tiền đề làm căn cứ xác định được các danh mục dự án, lập kế hoạch đầu tư hàng năm xây dựng NTM theo các tiêu chí về cơ sở hạ tầng KT-XH. Do đó cần nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và cần bám sát theo đúng các quy hoạch đã đề ra đảm bảo tính đồng bộ trong qua trình đầu tư, bên cạnh đó cần rà soát các quy hoạch, đồng thời các quy hoạch cần đồng bộ, chánh chồng chéo, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trên cơ sở đó có thể là căn cứ để triển khai các danh mục dự án đầu tư cho XDNTM tại địa phương. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác quản lý quy hoạch tại các địa phương để nâng cao chất lượng quy hoạch nhằm hạn chế việc xây dựng các công trình chồng chéo, tránh tình trạng vừa xây lên đã bị đập bỏ, sửa chữa vì sai quy hoạch... làm thất thoát, lãng phí nguồn lực của NSNN cho XDNTM.



Tại các cơ sở (thôn, bản, UBND các xã) cần phát huy tính chủ động của nhân dân trong công tác XDNTM, thực hiện công bố công khai rộng rãi các loại quy hoạch thời gian thực hiện quy hoạch, kế hoạch vốn NSNN hỗ trợ để đầu tư XDNTM trong giai đoạn tiếp theo tại địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng để toàn bộ các cơ quan đoàn thể, người dân được biết, qua đó nâng cao được tinh thần và trách nhiệm giám sát cộng đồng.

Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho các cán bộ xã làm công tác quản dự án đầu tư, nhằm nâng cao trình độ trong việc quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM tại địa bàn.

Đối với các tổ chức chính trị xã hội, cần tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền vận động người dân trong thực hiện XDNTM trên địa bàn, qua đó những chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước về lợi ích mang lại từ Chương trình, từ đó sẽ góp phần tích cực trong việc hưởng ứng thực hiện phong trào từ người dân, qua đó tạo sự lan tỏa trong cộng đồng dân cư.

#### *4.3.1.2. Giải pháp hoàn thiện công tác giao kế hoạch vốn*

Căn cứ vào các quy định và hướng dẫn của cấp trên, Sở Tài chính sẽ phối hợp cùng Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn cho các đơn vị cấp dưới lập kế hoạch đầu tư cấp xã, thông báo cho các xã về dự kiến tổng mức đầu tư, tổng kế hoạch vốn bố trí trong năm cho các dự án XDNTM trong 6 tháng đầu năm của kế hoạch, nhằm xác định mức hỗ trợ từ từng cấp ngân sách và các nguồn vốn lồng ghép và huy động khác; đồng thời hướng dẫn các chủ đầu tư về quy trình, nội dung, thời gian, thẩm quyền phê duyệt, cơ quan trình thẩm định phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án XDNTM. Bên cạnh đó các thông tin đều được gửi tới các thôn bản và niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã, hướng dẫn người dân cách thức tổ chức các cuộc họp để thực hiện XDNTM đảm bảo nguyên tắc có sự tham gia của cộng đồng.

Các công trình đầu tư cho XDNTM phải đúng mục tiêu và đối tượng đầu tư của các Chương trình, ưu tiên lựa chọn danh mục công trình cần thiết, cấp bách đầu tư trước như: Ưu tiên danh mục công trình đầu tư để nhằm phấn đấu hoàn thành các tiêu chí xã đạt chuẩn NTM, ưu tiên danh mục công trình đầu tư ở các xã đặc biệt khó khăn... nhưng phải đảm bảo cân đối đầu tư giữa các lĩnh vực (ưu tiên cho đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu đi lại, sản xuất, an sinh xã hội) và đặc biệt phải phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn từ NSNN và việc huy động các nguồn lực của cộng đồng cho XDNTM tại địa phương.

Việc lập danh mục đầu tư tại các địa phương được thực hiện thông qua các cuộc họp thôn, xóm có trên 50% tổng số đại diện hộ dân của thôn tham dự được xem là hợp lệ. Tổ kế hoạch thôn chuẩn bị nội dung cuộc họp, dự kiến các dự án đưa vào kế hoạch đầu tư trong năm tiếp theo, đồng thời cần nâng cao trình độ cho tổ kế hoạch (thông qua các đợt tập huấn, các khóa đào tạo ngắn hạn nhằm nâng cao kiến thức) để có thể phân tích sơ bộ về sự cần thiết của các dự án đầu tư, quy mô của dự án, nguồn vốn đầu tư, tỷ lệ hỗ trợ vốn từ NSNN và huy động của người dân, để qua đó mọi người sẽ tiến hành thống nhất lựa chọn và sắp xếp ưu tiên đầu tư.

#### ***4.3.2. Giải pháp tăng cường tổ chức thực hiện, nghiệm thu, thanh toán vốn NSNN cho XDNTM tại tỉnh Yên Bái***

##### ***4.3.2.1. Giải pháp tăng cường công tác lựa chọn nhà thầu và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu***

Đối với các dự án có quy mô phức tạp, Sở Tài chính phối hợp cùng các Sở chuyên môn, hướng dẫn các UBND các xã thuê đơn vị quản lý dự án, tư vấn có năng lực, và kinh nghiệm để thay mặt chủ đầu tư quản lý dự án đảm bảo chất lượng. Đối với các gói thầu dự án theo cơ chế đặc thù, không phải thực hiện các quy định về đấu thầu, chỉ thầu mà chủ đầu tư có thể lựa chọn cụ thể: Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ/nhóm thợ tại địa phương thực hiện toàn bộ hoặc một phần gói thầu được áp dụng cơ chế đặc thù. Do đó,

việc quyết định giao cho ai có năng lực để đảm bảo khả năng thi công công trình đúng thiết kế, dự toán, tránh lãng phí, thất thoát là hết sức quan trọng.

Sở Tài chính phối hợp cùng các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh cần ban hành hướng dẫn cụ thể để các chủ đầu tư căn cứ thực hiện: Hướng dẫn về thời gian niêm yết, công khai việc mời tham gia thực hiện gói thầu tại trụ sở UBND xã và các phương tiện truyền thông của xã để mọi người dân trong xã được biết, cùng với đó, hướng dẫn các tổ/nhóm thợ tại địa phương chuẩn bị hồ sơ năng. Bên cạnh đó cũng đề nghị các Sở chuyên ngành hướng dẫn chủ đầu tư trong việc đánh giá hồ sơ dự thầu, phương pháp tiêu chí đánh giá, quyết định lựa chọn, phê duyệt kết quả, ký kết hợp đồng (Ban hành mẫu dự thảo hợp đồng).

Hoạt động trong lĩnh vực ĐTXDCB cho XDNTM rất phức tạp, việc lựa chọn được nhà thầu đủ điều kiện, năng lực thi công là điều kiện tiên quyết để đảm bảo việc thi công các công trình đảm bảo về tiến độ cũng như về mặt kỹ mỹ thuật của công trình, cần phối hợp cùng các Sở chuyên ngành cần có các chương trình tập huấn cho đội ngũ quản lý đầu tư tại các cơ sở về việc lựa chọn nhà thầu đạt tiêu chuẩn, cần tổ chức các đợt tập huấn nâng cao trình độ cho đội ngũ lựa chọn nhà thầu cũng như nâng cao được ý thức và trách nhiệm do trong hoạt động này dễ xảy ra tình trạng chọn nhà thầu theo cảm tính đối với các tổ đội thi công và tình trạng thông thầu đối với các gói thầu thực hiện theo hình thức đầu thầu; bên cạnh đó cần trang bị cho đội ngũ cán bộ quản lý về máy móc thiết bị để quản lý hồ sơ được hiện quả, tránh làm thất thoát lãng phí trong quá trình lựa chọn nhà thầu thi công do không đủ năng lực thực hiện.

#### *4.3.2.2. Giải pháp tăng cường công tác hoạt động giám sát*

Để tăng tính chủ động của Chủ đầu tư cấp xã trong việc tổ chức thực hiện giám sát thi công, ngoài việc tổ chức các lớp tập huấn về nghiệp vụ chuyên môn thì tại các địa phương, các cán bộ chuyên môn cấp huyện cần

uống xã hỗ trợ, giúp đỡ và hướng dẫn nghiệp vụ cho chủ đầu tư thực hiện đúng các quy định về giám sát công trình.

Cùng với đó việc giám sát cộng đồng đối với các dự án XDNTM là rất quan trọng thì cùng với các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội, tổ chức xây dựng các chương trình hướng dẫn và tuyên truyền cho người dân để nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc giám sát cộng đồng các công trình thi công tại địa phương, qua đó giúp nâng cao chất lượng các công trình xây dựng, tránh việc thất thoát trong thi công XDNTM.

Cần duy trì và phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động của ban giám sát nhân dân, đây chính là một yếu tố quan trọng trong việc quản lý, theo dõi tình hình thực hiện các công trình XDNTM tại địa phương, góp phần đảm bảo chất lượng công trình xây dựng, tránh tình trạng thất thoát lãng phí.

#### *4.3.2.3. Giải pháp tăng cường công tác nghiệm thu thanh toán VĐT*

Sở Tài chính phối hợp cùng với Sở Kế hoạch và đầu tư, căn cứ vào kế hoạch năm tham mưu cho UBND tỉnh, sớm giao kế hoạch vốn cho các đơn vị để thực hiện các dự án, đồng thời cùng với Kho bạc Nhà nước tỉnh xây dựng chế độ báo cáo thường xuyên nhằm theo dõi tiến độ giải ngân các dự án, qua đó nắm bắt được tình hình thực hiện những vướng mắc khó khăn trong việc thực hiện, đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện, cũng như quan đó báo cáo cấp thẩm quyền xem xét điều chỉnh kế hoạch vốn đối với các chủ đầu tư giải ngân vốn chậm, nhằm tránh lãng phí nguồn lực cho đầu tư XDNTM như: Đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát nợ đọng XDNTM, có kế hoạch dừng, giãn tiến độ một số dự án để tập trung xử lý nợ đọng, đồng thời hạn chế khởi công mới các dự án khi chưa xử lý dứt điểm nợ.

Nhằm đẩy nhanh công tác giải ngân, thanh toán tham mưu UBND thành lập các tổ công tác đôn đốc giải ngân thanh toán gồm các sở ban ngành nhằm đẩy nhanh tiến độ thực, đồng thời qua đây cũng rà soát lại các nội dung vướng mắc về cơ chế chính sách được được ban hành làm ảnh hưởng trực tiếp

đến công tác giải ngân vốn, kịp thời có ý kiến với các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu giải quyết. Tích cực phối hợp với các chủ đầu tư và BQL trong việc kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch vốn, xử lý ngay các vướng mắc, khắc phục tình trạng chậm trễ trong việc hoàn thiện các thủ tục đầu tư. Việc giải ngân phải được tiến hành đều ngay từ khi kế hoạch vốn được phân bổ, tích cực đôn đốc các Chủ đầu tư để tránh tình trạng dồn vào cuối năm gây chậm chể và không hoàn thành kế hoạch, đồng thời cần có biện pháp và có chế tài xử lý các trường hợp chậm trễ giải ngân kế hoạch vốn.

Đối với các dự án quy mô nhỏ được thực hiện theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ, chủ động phối hợp cùng các Sở chuyên ngành hướng dẫn thực hiện công tác nghiệm thu, thanh toán, hoàn thiện các biên bản nghiệm thu, hồ sơ hoàn công của công trình như: Đề án phát triển giao thông nông thôn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2016-2020, các công trình văn hóa thôn, bản trên địa bàn... bên cạnh đó Sở Tài chính chủ trì phối hợp cùng các Sở ban ngành tham mưu với UBND tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn về quản lý, thanh quyết toán vốn các công trình nêu trên với mục đích đơn giản và dễ thực hiện.

Ngoài nguồn vốn NSNN cho XDNTM thì vẫn còn có các nguồn vốn như huy động từ các tổ chức, cá nhân cho XDNTM, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan chuyên môn, tham mưu UBND tỉnh cơ chế quản lý nguồn vốn huy động trên một các hiệu quả nhất; đồng thời cần trang bị máy móc thiết bị, bố trí nguồn nhân lực để thực hiện nhập dự toán cho các dự án khi có quyết định của cấp có thẩm quyền, nhằm đảm bảo đúng nguồn vốn, kế hoạch vốn bố trí cho công trình.

Bên cạnh đó tổ chức các lớp tập huấn và phối hợp các đơn vị nhằm nâng cao năng lực, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý vốn đầu tư XDNTM từ NSNN là việc làm thường xuyên liên tục, qua đó giúp cho các cán bộ có kỹ năng trong quản lý nguồn vốn XDNCB, và giúp đẩy

nhanh tiến độ thực hiện các dự án, công tác nghiệm thu thanh toán được tiến hành đúng quy trình, làm cho nguồn vốn từ NSNN cho XDNTM đạt hiệu quả cao nhất.

#### ***4.3.3. Giải pháp tăng cường công tác quyết toán vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM***

Thực hiện kiện toàn bộ máy tổ chức thẩm tra quyết toán của các phòng Tài chính - kế hoạch (theo phân cấp tại địa phương, trong giai đoạn 2012-2016 các dự án XDNTM được giao cho các phòng thẩm tra và trình cấp có thẩm quyền quyết toán), hình thành bộ phận chuyên trách thực hiện công tác thẩm tra quyết toán vốn ĐTXDCB hoàn thành từ NSNN cho XDNTM nói riêng và XDCB hoàn thành nói chung ở các Phòng Tài chính - kế hoạch. Sở Tài chính phối hợp cùng các Sở chuyên ngành (như: Xây dựng, Kế hoạch và đầu tư...) tổ chức tập huấn cho các cán bộ về công tác quản lý ĐTXDCB, quyết toán nguồn vốn và quyết toán DAHT trong XDNTM, đồng thời tập huấn cho các chủ đầu tư, các BQL dự án về công tác lập báo cáo quyết toán vốn NSNN cho XDNTM.

Kiên quyết không giao dự án đầu tư mới cho các chủ đầu tư, BQL dự án có dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 24 tháng trở lên, không bố trí kế hoạch vốn để thanh toán số vốn còn thiếu cho các dự án chậm nộp báo cáo quyết toán từ 12 tháng trở lên, không cho phép nhà thầu đang có hợp đồng vi phạm quy định về thời gian lập hồ sơ quyết toán được tham gia đấu thầu dự án mới.

Đưa nội dung thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư DAHT làm cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và bình xét thi đua, khen thưởng đối với cá nhân, tập thể và người đứng đầu cơ quan, đơn vị của chủ đầu tư, ban quản lý dự án, cơ quan thẩm tra và phê duyệt quyết toán.

#### ***4.3.4. Giải pháp tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM***

Việc thanh tra, kiểm tra các dự án ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM cần phải tiến hành thường xuyên, liên tục, có trọng tâm, trọng điểm nhằm

phát hiện ra các sai phạm để xử lý, ngăn ngừa thất thoát lãng phí VĐT, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn, từ đó cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM.

Công tác thanh tra, kiểm tra cần được tiến hành từ khâu lập chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án có phù hợp với quy hoạch XDNTM và kế hoạch đầu tư công; khâu thực hiện và triển khai dự án có đúng các trình tự, thủ tục theo theo luật định hay không; khâu kết thúc dự án. Từ đó sẽ nêu ra kết luận và kiến nghị với cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý nếu khâu nào của dự án vi phạm hay đề nghị xem xét chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra nếu có phát hiện sai phạm có vi phạm pháp luật. Đồng thời phân định rõ chức năng, nhiệm vụ tổ chức làm công tác thanh tra tài chính, thanh tra nội bộ của ngành... tránh tuyệt đối tình trạng chồng chéo chức năng và gây phiền hà cho các chủ đầu tư.

Bổ trí các cán bộ có tư tưởng lập trường vững vàng, trình độ và phẩm chất do trong hoạt động ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM rất nhạy cảm; đồng thời cần có chế độ khen thưởng kịp thời, việc tiến hành thanh tra, kiểm tra phải được tiến hành thường xuyên theo kế hoạch. Công tác thanh tra, kiểm tra phải chủ động tập trung vào nơi có nhiều vướng mắc, nếu cần thiết có thể thuê đơn vị thanh tra, kiểm toán độc lập nhằm đảm bảo tính khách quan, phản ánh một cách khách quan về thực trạng đầu tư các công trình XDNTM trên địa bàn.

## Chương 5

### TÓM TẮT, KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

#### 5.1. Tóm tắt, kết luận

Chương trình XDNTM là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, triển khai thực hiện XDNTM góp phần xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH nông thôn từng bước hiện đại, với mục tiêu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân của tỉnh. Do đó việc tìm ra giải pháp nhằm quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM qua Sở Tài chính là việc làm có ý nghĩa thiết thực về lý luận và thực hiện. Với mục tiêu đó đề tài đã đạt được kết quả sau:

- Hệ thống hóa lý luận về quản lý vốn ĐTXDCB cho XDNTM gồm khái niệm về NTM, XDNTM, vốn NSNN, VĐT và ĐTXDCB... đồng thời đề tài cũng hệ thống hóa được quá trình quản lý, các nội dung quản lý, vai trò và các nhân tố ảnh hưởng đến việc quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM tại Sở Tài chính tỉnh Yên Bái.

- Thông qua phân tích thực trạng quản lý vốn NSNN cho XDNTM, đánh giá tình hình thực hiện quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM trên địa bàn, đề tài đã rút được kết quả đạt được, đã nêu ra được khâu nào tốt, khâu nào kém, các nhân tố ảnh hưởng đến sự tốt kém ấy.

- Xuất phát từ những mặt còn yếu kém và đã đạt được của quá trình quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM tại Sở Tài chính tỉnh Yên Bái, đề tài đã đưa ra các giải pháp để phát huy mặt tốt, khuyến khích các nhân tố tích cực, giải pháp nào để hạn chế mặt yếu kém, hạn chế tác động của các nhân tố ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM tại Sở Tài chính trong thời gian tới.

Đây là đề tài phức tạp nên những ý kiến đề xuất trong luận văn mới chỉ đóng góp được một phần trong các biện pháp tổng thể nhằm tăng cường quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM tại Sở Tài chính tỉnh Yên Bái. Đặc



biệt trong bối cảnh hiện nay hệ thống các văn bản hướng dẫn và cơ chế chính sách về ĐTXCB nói chung và đầu tư XDNTM nói riêng có nhiều thay đổi, cùng với đó là chính sách thắt chặt đầu tư công trung hạn của Chính phủ, dẫn tới ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động đầu tư từ NSNN cho XDNTM, nên quá trình hoàn thành luận văn không tránh khỏi những hạn chế và khuyết điểm. Tuy nhiên công tác quản lý vốn ĐTXDCB từ NSNN cho XDNTM là lĩnh vực phức tạp và nhạy cảm do giới hạn về thời gian, điều kiện công tác, tác giả rất mong nhận được sự đóng góp quý báu của các nhà khoa học, các Quý thầy cô để đề tài nghiên cứu của mình được hoàn thiện.

## **5.2. Một số kiến nghị**

### **5.2.1. Về phía nhà nước**

Để có căn cứ xác định nguồn vốn bố trí cho các địa phương, đề nghị Chính phủ, căn cứ vào quyết định đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, hàng năm sớm giao kế hoạch vốn cho địa phương để chủ động bố trí cân đối nguồn vốn để thực hiện XDNTM.

Đề nghị Chính phủ sớm ban hành Nghị định về quản lý dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù rút gọn với Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM, ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM theo hướng giao quyền chủ động cho các địa phương, nhằm thực hiện thành công Chương trình XDNTM tại các địa phương.

Đề nghị Bộ Tài chính sớm ban hành quy định về quản lý, thanh toán quyết toán nguồn vốn đầu tư từ NSNN để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trong thời gian tới, đồng thời ban hành chính sách hướng dẫn các địa phương cách ghi thu, ghi chi đối với phân huy động đóng góp của nhân dân, tổ chức cá nhân, doanh nghiệp trong XDNTM.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn sớm ban hành hướng dẫn công tác lập kế hoạch chương trình XDNTM giai đoạn 2016-2020 và hàng năm có hướng dẫn thực hiện kế hoạch kịp thời.

### ***5.2.2. Về phía địa phương***

Đối với các công trình có quy mô nhỏ, kỹ thuật giản đơn, các dự án đầu tư theo hướng không phải lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các ngành chuyên môn ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, mẫu lập dự toán đơn giản và chỉ định cho người dân và cộng đồng trong xã tự làm, tạo điều kiện cho các địa phương triển khai hoạt động đầu tư xây dựng công trình và kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các dự án XDNTM của địa phương một cách tốt nhất.

UBND tỉnh cần phân cấp nhiều hơn nữa cho các địa phương, để tăng tính chủ động trong việc điều hành cho các địa phương, đồng thời cần ban hành cơ chế khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện XDNTM tại địa phương và thực hiện kỷ luật, kiểm trách đối với những nơi có sai phạm trong XDNTM.

Giao Sở Tài chính rà soát, tổng hợp các dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán, qua đó xem xét tình hình công nợ sau thẩm tra quyết toán, báo cáo UBND tỉnh xem xét đôn đốc thu hồi các khoản công nợ phải thu và bố trí nguồn vốn cho các dự án còn công nợ phải trả, tránh tình trạng nợ đọng XDNCB trong XDNTM trên địa bàn.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ban chấp hành Trung ương khóa X (2008), *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*, Hà Nội.
2. Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM (2012,2013,2014, 2015,2016), *Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình XDNTM hàng năm trên địa bàn tỉnh Yên Bái*, Yên Bái.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài Chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2011), *Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia XDNTM giai đoạn 2010 - 2020*, Hà Nội.
4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2012, 2013,2014,2015,2016), *văn bản Hướng dẫn phân bổ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM hàng năm*, Hà Nội.
5. Bộ Tài chính (2011), *Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 Quy định về quản lý, thanh toán VĐT và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn NSNN*, Hà Nội.
6. Bộ Tài chính (2012), *Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 Quy định về quản lý VĐT thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn*, Hà Nội.
7. Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ (2015), *Thông tư liên tịch số 220/2015/TTLT-BTC-BNV ngày 31/12/2015 về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh*, Hà Nội.
8. Bộ Tài chính (2016), *Công văn số 4819/BTC-ĐT ngày 08/4/2016 về xử lý dứt điểm tình trạng tồn đọng quyết toán các DAHT từ năm 2013 đến năm 2015*, Hà Nội.

9. Chính phủ (2009), *Quyết định số 491/QĐ-TTg về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng NTM*, Hà Nội.
10. Chính phủ (2010), *Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM giai đoạn 2010-2020*, Hà Nội.
11. Chính phủ (2013), *Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 về bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM giai đoạn 2016-2020*, Hà Nội.
12. Chính phủ (2013), *Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia XDNTM giai đoạn 2010-2020*, Hà Nội.
13. Chính phủ (2013), *Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán VĐT các DAHT sử dụng vốn Nhà nước*, Hà Nội.
14. Cục thống kê tỉnh Yên Bái (2017), *Niên giám thống kê năm 2016*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
15. HĐND tỉnh Yên Bái (2010), *Nghị quyết số 26/2010/NQ-HĐND ngày 16/12/2010 về XDNTM tỉnh Yên Bái giai đoạn 2011-2020*, Yên Bái
16. Quốc hội (2015), *Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015*, Hà Nội
17. Quốc hội (2013), *Luật đầu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013*, Hà Nội.
18. Quốc hội (2015), *Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014*, Hà Nội.
19. Sở Tài chính Yên Bái (2013,2014,2015,2016,2017), *Báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách địa phương giai đoạn 2012-2016 tỉnh Yên Bái*, Yên Bái.
20. UBND tỉnh Lào Cai (2015), *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011-2015*, Lào Cai.
21. UBND tỉnh Phú Thọ (2015), *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011-2015*, Phú Thọ.
22. UBND tỉnh Yên Bái (2013,2014), *Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND*

ngày 30/9/2013; Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 về bổ sung mức hỗ trợ từ NSNN để thực hiện một số nội dung XDNTM trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2011-2020, Yên Bái.

23. UBND tỉnh Yên Bái (2014), Công văn số 1011/UBND-TM ngày 23/5/2016 và công văn số 1815/UBNDXD ngày 24/8/2016 xử lý dứt điểm quyết toán DAHT sử dụng vốn Nhà nước còn tồn đọng từ năm 2005 đến nay, Yên Bái.
24. UBND tỉnh Yên Bái (2014), Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 20/02/2014 về tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán VĐT các DAHT sử dụng vốn Nhà nước, Yên Bái.
25. UBND tỉnh Yên Bái (2016), Quyết định số 3632/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM tỉnh Yên Bái giai đoạn 2012-2016, Yên Bái.
26. UBND tỉnh Yên Bái (2016), Vị trí địa lý - địa hình - địa giới hành chính tỉnh Yên Bái, <http://www.yenbai.gov.vn>, Ngày tải về 15/10/2018.

## PHỤ LỤC

Những điều ghi trên  
phiếu sẽ được giữ kín

Phiếu

**PHIẾU ĐIỀU TRA VỀ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ  
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH YÊN BÁI**

Đầu tiên cho phép tôi gửi lời chào trân trọng nhất đến Ông/Bà!

Tôi tên là Nguyễn Hồng Nam - Học viên Trường Đại học Tài chính –  
Ngân hàng Hà Nội.

Nhằm phục vụ cho khóa học của mình, hiện tôi đang nghiên cứu đề tài  
**“Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước cho xây  
dựng nông thôn mới tại Sở Tài chính tỉnh Yên Bái”**. Với tư cách là người  
hiểu biết có kiến thức và có kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ  
bản, những ý kiến và sự giúp đỡ của ông/bà thông qua phiếu điều tra này là nền  
tảng giúp tôi có thể tiến hành được nghiên cứu của mình. Chúng tôi xin cam  
kết với ông/bà rằng: Tất cả những thông tin thu thập được từ phiếu điều tra sẽ  
được giữ bí mật tuyệt đối, không sử dụng cho mục đích khác, chỉ dùng làm cơ  
sở nghiên cứu cho luận văn thạc sỹ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng của  
mình.

**I. MỘT VÀI THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI ĐƯỢC PHỎNG VẤN**

1. Đối tượng được điều tra

Phòng Tài chính - Kế hoạch

Ban Quản lý dự án

Cán bộ địa phương

Đơn vị thi công

Đơn vị hưởng lợi

Phòng ban chuyên môn

2. Thông tin về người được điều tra

- Giới tính: Nam:  Nữ:

- Vị trí công tác: Lãnh đạo:  Cán bộ:

Khác:

3. Trình độ chuyên môn

- Trên đại học  Đại học

- Cao đẳng  Trình độ khác

4. Số năm công tác: ..... năm.

## II. THÔNG TIN VỀ NỘI DUNG ĐIỀU TRA

Xin Ông/Bà cho ý kiến đánh giá về công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới tại Sở Tài chính tỉnh Yên Bái. Ông/Bà lựa chọn khoanh tròn vào một trong 5 các số (từ 1 đến 5) theo ý nghĩa sau:

<b>Điểm</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>
<b>Mức đánh giá</b>	<b>Rất yếu kém</b>	<b>Yếu kém</b>	<b>Bình thường</b>	<b>Tương đối tốt</b>	<b>Rất tốt</b>

STT	Nội dung	Ký hiệu	Điểm				
<b>I</b>	<b>Trình độ cán bộ quản lý</b>	<b>CBQL</b>					
1	Lập trường tư tưởng vững vàng, tuân thủ chấp hành chế độ chính sách của Nhà nước	CBQL1	1	2	3	4	5
2	Chất lượng chuyên môn kinh tế hoặc chuyên môn kỹ thuật chuyên ngành: Giao thông, xây dựng, thủy lợi...	CBQL2	1	2	3	4	5
3	Kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực trên 05 năm	CBQL3	1	2	3	4	5
<b>II</b>	<b>Đánh giá về cơ chế chính sách</b>	<b>CCCS</b>					
4	Chất lượng văn bản pháp luật trong đầu tư XD CB	CCCS1	1	2	3	4	5
5	Đánh giá về chất lượng thực hiện đơn giá/định mức XD CB	CCCS2	1	2	3	4	5
6	Chất lượng văn bản hướng dẫn thực hiện XD NTM	CCCS3	1	2	3	4	5
<b>III</b>	<b>Quản lý quá trình chuẩn bị đầu tư</b>	<b>CBĐT</b>					
7	Chất lượng quy hoạch	CBĐT1	1	2	3	4	5
8	Chất lượng công tác tuyên truyền vận động	CBĐT2	1	2	3	4	5
9	Chất lượng lập chủ trương đầu tư	CBĐT3	1	2	3	4	5
10	Chất lượng thẩm định nguồn vốn và thẩm định khả năng cân đối vốn	CBĐT4	1	2	3	4	5



11	Chất lượng quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	CBĐT5	1	2	3	4	5
12	Chất lượng khảo sát, thiết kế	CBĐT6	1	2	3	4	5
13	Chất lượng thẩm định/thẩm tra dự án	CBĐT7	1	2	3	4	5
14	Chất lượng công tác phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật	CBĐT8	1	2	3	4	5
<b>IV</b>	<b>Quản lý quá trình đầu tư</b>	<b>QTĐT</b>					
15	Chất lượng phân cấp quản lý trong đầu tư XDCB, và quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	QTĐT1	1	2	3	4	5
16	Chất lượng lập kế hoạch vốn	QTĐT2	1	2	3	4	5
17	Chất lượng đền bù giải phóng mặt bằng thực hiện dự án	QTĐT3	1	2	3	4	5
18	Chất lượng chỉ thầu/đấu thầu	QTĐT4	1	2	3	4	5
19	Chất lượng quản lý và thực hiện dự án	QTĐT5	1	2	3	4	5
20	Chất lượng kiểm tra, giám sát, tạm ứng, nghiệm thu thanh toán	QTĐT6	1	2	3	4	5
<b>V</b>	<b>Quản lý quá trình kết thúc dự án</b>	<b>KTDA</b>					
21	Chất lượng nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng	KTDA1	1	2	3	4	5
22	Chất lượng quyết toán vốn dự án hoàn thành	KTDA2	1	2	3	4	5
23	Chất lượng bảo hành/bảo trì công trình	KTDA3	1	2	3	4	5

<b>VI</b>	<b>Kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán đầu tư</b>	<b>KTGS</b>					
24	Chất lượng thanh tra, kiểm tra, giám sát dự án của cấp quản lý	KTGS1	1	2	3	4	5
25	Chất lượng thanh tra, kiểm tra, giám sát dự án của cấp trên	KTGS2	1	2	3	4	5
26	Chất lượng kiểm toán của cơ quan kiểm toán Nhà nước	KTGS3	1	2	3	4	5
27	Chất lượng giám sát của người dân địa phương	KTGS4	1	2	3	4	5
28	Chất lượng giám sát của ban giám sát cộng đồng	KTGS5	1	2	3	4	5
<b><i>Cám ơn sự hợp tác của quý ông/bà!</i></b>							